ISSN 1859-4212
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN

Khoa học và Công nghệ

SỐ 3
2019

1989
2019

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
30 năm đổi mới và phát triển

VIỄN THÔNG QUẢNG TRỊ

VNPT
Cuộc sống đích thực

20 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: (0233) 800 126; Email: info@vnptquangtri.com.vn;
Website: vnptquangtri.com.vn

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam về việc tách Bưu chính ra hoạt động độc lập, ngày 14/01/2008, VNPT Quảng Trị chính thức ra mắt đơn vị với chức năng nhiệm vụ phục vụ và kinh doanh các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tổ chức phục vụ thông tin đột xuất theo yêu cầu của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai.

Qua 10 năm xây dựng và phát triển, VNPT Quảng Trị đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Tiêu biểu như cung cấp các sản phẩm, dịch vụ Viễn thông - Công nghệ thông tin: các sản phẩm điện thoại, internet băng rộng, Truyền hình MyTV; Xây dựng triển khai các phần mềm ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành, SXKD của các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực như: Giáo dục, Y tế, đô thị thông minh, du lịch thông minh; các sản phẩm phục vụ Chính quyền điện tử (hệ thống Quản lý văn bản điều hành, một cửa điện tử, đánh giá cán bộ...).

Đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, kế hoạch SXKD được Tập đoàn giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về nộp ngân sách nhà nước và đóng bảo hiểm cho người lao động, tham gia tích cực các hoạt động từ thiện nhân đạo trên địa bàn.

Với những kết quả đó, Viễn thông Quảng Trị đã được Chính phủ tặng Cờ thi đua các năm 2010, 2014, 2015, 2017, 2018; được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động Hạng nhì về thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2013 đến 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH ĐIỀN QUẢNG TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

ISO 9001; ISO 14001

Địa chỉ: LÔ 22, KCN QUÁN NGANG, HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ
Điện thoại: (0233) 3581376 - Fax: (0233) 3581368 - Website: binhdien.com

Phân bón Bình Điền Quảng Trị - Đã tốt, nay còn tốt hơn

- Năm 2017 Công ty đã bắt đầu triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón khoáng sinh học, phân bón vi sinh vật Bình Điền - Quảng Trị. Và quý III năm 2019 Công ty sẽ cung cấp sản phẩm hữu cơ - vi sinh ra thị trường.
- Trong năm 2019 Công ty đã đầu tư một dây chuyền NPK mới thay thế dây chuyền cũ (lắp đặt năm 2012) hiện nay. Công nghệ của dây chuyền mới 40.000 tấn/ năm như sau:
  + Công nghệ hơi nước và hoá lỏng Ure: với công nghệ này sử dụng nhiệt độ sấy thấp hơn vừa khống chế được NH3 thoát ra và giảm tiêu hao năng lượng.
  + Công nghệ không chất thải: Quy trình sản xuất với công nghệ tự động hoá khép kín hồi lưu nước không gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt với hệ thống thu hồi bụi và lắng lọc triệt để, toàn bộ bụi và khí thải trong xưởng sản xuất được xử lý qua 3 bước: hệ thống cyclone lắng bụi, phòng lắng, bộ lọc màng nước, lượng bụi thu gom được và lượng nước sau lọc bụi được thu hồi đưa vào quy trình sản xuất, vừa tiết kiệm nguyên liệu, vừa bảo vệ môi trường. Bằng công nghệ không chất thải Công ty đã góp phần gìn giữ môi trường và đảm bảo sức khoẻ cho người lao động trực tiếp sản xuất cũng như sức khoẻ cộng đồng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM PHÂN BÓN

DÂY CHUYỀN HỮU CƠ VI SINH

DÂY CHUYỀN MỚI (ĐANG LẮP ĐẶT)

Phân bón Đầu Trâu - Bạn đồng hành của nhà nông

EVN CPC

PC QUẢNG TRỊ

CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 126 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị. Điện thoại: 0233. 2211643
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 122/GP-XBĐS ngày 02/11/2018 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 300 cuốn, khổ 20x28cm tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2019

TRONG SỐ NÀY

Khoa học và công nghệ Quảng Trị 30 năm đổi mới và phát triển 6
Trần Ngọc Lân

Khoa học và công nghệ Quảng Trị: Chặng đường đầu xây dựng và phát triển 21
Nguyễn Hữu Thông

Sản lượng lương thực có hạt tỉnh Quảng Trị sau 30 năm: Thành tựu, hạn chế và những trao đổi 26
Văn Viết Hóa

ISO hành chính - Công cụ hiệu quả góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại 30
Trần Thiềm

Những định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2018-2020 35
Lê Thanh Nam

Hệ thống sở hữu trí tuệ và hoạt động sở hữu trí tuệ sau khi tái lập tỉnh Quảng Trị 1989-2019 39
Lê Dinh

Hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện: 30 nhìn lại một chặng đường phát triển 45
Tạ Sáu

30 năm hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 53
Dương Mạnh Tường

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp 59
Đào Ngọc Hoàng

Những kết quả và tiềm năng hợp tác trong công tác nghiên cứu khoa học giữa tỉnh Quảng Trị và Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế 64
Phan Tuấn Anh, Trương Đình Trọng

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành Y tế Quảng Trị qua 30 năm: Kết quả và định hướng 71
Mai Năm

Nông sản Quảng Trị sau 30 năm đổi mới 77
Nguyễn Hồng Phương

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành Công thương Quảng Trị 83
Quốc Hồ Hiệp Nghĩa

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: 30 năm nhìn lại 87
Cái Thị Vượng

Những hiểu biết cơ bản về dịch tả lợn châu Phi 94
Lê Đức Ngoan

THƯ CHÚC MỪNG

Của đồng chí Nguyễn Quân Chính - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhân dịp 30 năm đổi mới và phát triển ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (1989-2019)

Nhân dịp 30 năm đổi mới và phát triển ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Quảng Trị, thay mặt UBND tỉnh, Tôi xin gửi đến các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành KH&CN tỉnh nhà những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Sự trưởng thành, đổi mới cũng như những thành quả mà ngành KH&CN Quảng Trị đạt được trong chặng đường 30 năm qua đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trải qua 30 năm kể từ ngày lập lại tỉnh, hoạt động KH&CN đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, những bước tiến vượt bậc trên các lĩnh vực. Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Trên tinh thần đổi mới của Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế đã tạo tiền đề đổi mới và phát triển hoạt động KH&CN trên cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo. Cùng với cả nước, ngành KH&CN Quảng Trị đã đi đầu trong đổi mới phương thức tổ chức hoạt động, gắn nghiên cứu với thực tiễn, tăng cường nguồn lực cho KH&CN, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực KH&CN, tạo ra được những dấu ấn, những đột phá căn bản, toàn diện và khẳng định được vai trò là động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cũng là minh chứng cho tinh thần dám nghĩ, dám làm, cho sự đổi mới và sáng tạo trong tư duy quản lý và thực hành của ngành KH&CN.

Thay mặt UBND tỉnh, Tôi xin biểu dương những kết quả mà ngành KH&CN tỉnh nhà đã đạt được trong chặng đường 30 năm qua. Tôi mong rằng với những kết quả đạt được, các đồng chí sẽ tiếp tục phát huy tiềm năng hiện có, năng động hơn nữa, sáng tạo hơn nữa để KH&CN Quảng Trị ngày càng đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà trong thời gian tới.

Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và có nhiều đóng góp hơn nữa cho sự phát triển của ngành và của tỉnh.

Thân ái!

Nguyễn Quân Chính

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị

30 năm xây dựng, đổi mới và phát triển, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh, sự phối hợp của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (KH&CN), hoạt động KH&CN Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Thực hiện Nghị quyết 20–NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Trên tinh thần đổi mới của Luật KH&CN sửa đổi năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã tạo tiền đề đổi mới và phát triển hoạt động KH&CN trên cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh. Ngành KH&CN Quảng Trị đã thực hiện đổi mới toàn diện theo tinh thần và nội dung tái cơ cấu. Với sự chỉ đạo chọn đúng, chọn trúng những nhiệm vụ trọng tâm, những khâu trọng yếu trong công tác KH&CN để tập trung nguồn lực thực hiện, hoạt động KH&CN của tỉnh đã đạt nhiều thành tựu nổi bật, tạo ra được những đột phá căn bản, toàn diện và khẳng định được vai trò là động lực phát triển KT-XH của địa phương.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Trần Ngọc Lân
TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức KH&CN

Công tác tham mưu cụ thể hoá các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng và ban hành cơ chế đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ. Sở KH&CN đã tích cực chủ trì, tham gia xây dựng, đề xuất các chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án của UBND tỉnh trình Tỉnh uỷ và HĐND tỉnh làm cơ sở để ban hành các chủ trương, chính sách, nghị quyết về lĩnh vực KH&CN. Trong số đó, đáng chú ý là Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU ngày 13/5/2013 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TƯ, ngày 01/11/2012 của BCH TW Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh

về phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020; UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị đến năm 2020…*Đặc biệt*, trên tinh thần mạnh dạn tháo gỡ những "nút thắt" quan trọng trong công tác quản lý KH&CN thời gian qua, Sở KH&CN đã tham mưu ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách mới về KH&CN của Đảng và Nhà nước, qua đó đã tạo được hành lang pháp lý vừa thông thoáng vừa chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, tiêu biểu như: Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/03/2016 ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Có thể xem đây là bước đột phá về chính sách trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, khẳng định sự quan tâm của Lãnh đạo tỉnh cũng như sự quyết tâm của ngành KH&CN trong việc đưa kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Lần đầu tiên công tác ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh đã có một chính sách hỗ trợ khá toàn diện, bài bản trên các lĩnh vực với nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của địa phương.

Đồng chí Nguyễn Đức Chính, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phát biểu tại buổi làm việc giữa Lãnh đạo UBND tỉnh và Sở KH&CN. Ảnh: Tư liệu

Đổi mới cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN. Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/03/2016).* Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm thông qua các hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tiến hành cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm, với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Đặc biệt là các đề tài, dự án từ năm 2016 đến nay đảm bảo nguyên tắc thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao, không chạy theo số lượng. Trong đó, tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng; các nhiệm vụ KH&CN nhằm góp phần khôi phục sản xuất, chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển. Các nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, đầu tư xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, hoàn thiện quy trình, đưa vào áp dụng trong sản xuất để thương mại hoá các sản phẩm KH&CN. Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn toàn tỉnh, mang lại hiệu quả KT-XH cao; thông qua đó đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn.

Đoàn Sở Khoa học và Công nghệ khảo sát tại kho bảo quản, xưởng sản xuất về xuất xứ, chất lượng nhằm giải quyết tồn đọng hơn 1.000 tấn cá nục hấp sấy khô tại xã Gio Việt. Ảnh: Xuân Ngọ

Đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN. Cơ chế tài chính và đầu tư cho KH&CN được đổi mới toàn diện và mang lại kết quả tích cực. Công tác xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được tiến hành thường xuyên, liên tục trong năm. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Như vậy, thay vì phải giới hạn, phụ thuộc vào

kế hoạch năm, các đề tài có giá trị đều được xem xét tiến hành bất cứ lúc nào theo nhu cầu sáng tạo của nhà khoa học và nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp.

Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Quy định về định mức xây dựng, phân bổ quyết toán và dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015).* Theo đó, đã tiến hành thực hiện cơ chế đặt hàng, phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đối với một số nhiệm vụ KH&CN và đổi mới cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thông qua thực hiện cơ chế khoán kinh phí; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Đổi mới phương thức cấp kinh phí hoạt động thường xuyên từ cấp theo đầu biên chế sang cấp theo nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở KH&CN, đã giúp các đơn vị tháo gỡ được vướng mắc về tài chính, phát huy năng lực nội sinh, cũng là cơ sở để đánh giá năng lực của các tổ chức KH&CN nhằm có giải pháp đầu tư, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, hiệu quả.

Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN. Hệ thống tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh được củng cố và kiện toàn. Toàn tỉnh hiện có 64 tổ chức KH&CN. Hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh ngày càng phát huy hiệu quả, thu hút được nhiều nhân lực KH&CN trên cả nước, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, triển khai và ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh. Các đơn vị sự nghiệp KH&CN thuộc KH&CN giữ vai trò hạt nhân trong hệ thống các tổ chức KH&CN của tỉnh và đang thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập, nhằm chuyển dần hoạt động của các đơn vị sang cơ chế thị trường, giảm bớt sự bao cấp của nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và các đơn vị sự nghiệp công lập nói riêng.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về *"tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập",* năm 2018, Sở KH&CN đã hợp nhất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN thành Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN và đưa Trung tâm đi vào hoạt động có hiệu quả. Các chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến thông tin KH&CN... được kết hợp chặt chẽ và phát huy hiệu quả tích cực.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN. Bộ máy tổ chức của Sở KH&CN hoạt động theo *Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV 15/10/2014 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện*. Đội ngũ cán bộ Sở KH&CN được tăng cường cả về số lượng và trình độ chuyên môn. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Sở KH&CN đã tiến hành xây dựng *Đề án rà soát, sắp xếp lại bộ máy của các phòng, đơn vị thuộc Sở* theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Từng bước ổn định về tổ chức, bộ máy

hoạt đông KH&CN cấp huyện theo đúng quy định Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/10/2014 nhằm từng bước ổn định về tổ chức, bộ máy hoạt động KH&CN cấp huyện. Nội dung, phương thức quản lý nhà nước về KH&CN thường xuyên được đổi mới và nâng cao chất lượng với phương châm "KH&CN phải xuất phát từ cơ sở và hướng về phục vụ cơ sở".

2. Đổi mới và phát triển hoạt động KH&CN toàn diện trên các lĩnh vực

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV): Các nhiệm vụ KHCH&NV tập trung vào việc phục vụ xây dựng các luận cứ khoa học cho các Nghị quyết của Đảng bộ, làm cơ sở cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh; nhiều nhiệm vụ đã chú trọng tổng kết về lịch sử, truyền thống cách mạng của địa phương. Các đề tài: "Địa Chí Quảng Trị"; "Một số vấn đề cơ bản về lịch sử địa phương Quảng Trị và việc đưa vào giảng dạy, giáo dục truyền thống trong các trường trung học cơ sở", "Nghiên cứu xây dựng chương trình và mô hình xã hội hoá học tập ở Quảng Trị", "Truyền thống lịch sử, văn hoá thị xã Đông Hà với sự phát triển văn hoá đô thị", "Nghiên cứu khảo cổ học Khu di tích căn cứ Tân Sở";… đã có tác dụng góp phần giáo dục truyền thống trong các tầng lớp nhân dân, thế hệ trẻ, trong các trường học, nâng cao nhận thức, lòng tự hào cho các thế hệ về truyền thống quê hương… Các nghiên cứu khảo cổ cung cấp các luận cứ khoa học lịch sử xác định vị trí 3 thủ phủ Ái Tử, Trà Bát, Cát Dinh và khoanh vùng bảo vệ phục vụ quy hoạch các di tích lịch sử văn hóa thời Chúa Nguyễn Hoàng trên đất Triệu Phong. Các nội dung nghiên cứu về bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa như nghiên cứu kiểm đếm di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Quảng Trị đã hoàn thành bộ dữ liệu khoa học về Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các nghiên cứu về phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh, phát triển dịch vụ du lịch bổ sung tại các di tích lịch sử văn hóa là giải pháp hữu hiệu để khai thác tốt hơn các tài nguyên du lịch đặc trưng của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển du lịch Quảng Trị theo hướng bền vững.

Lĩnh vực khoa học tự nhiên, điều tra cơ bản: Tiến hành nhiều dự án điều tra làm cơ sở cho việc quy hoạch vùng nguyên liệu, vùng sản xuất hàng hoá: tiêu, cà phê, lúa chất lượng cao, sản xuất vật liệu; cung cấp các dữ liệu quan trọng để tham khảo tính toán trong quá trình xây dựng các công trình. Nổi bật là các Đề tài "*Điều tra, phân định các tiểu vùng khí hậu nông nghiệp, áp dụng những luận cứ khí hậu thuỷ văn nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu và đa dạng hoá cây trồng bảo vệ môi trường sinh thái tỉnh Quảng Trị*"; "*Lập bản đồ thổ nhưỡng*"; "*Khảo sát tìm kiếm đánh giá đá vôi làm nguyên liệu xi măng khối D mỏ Tân Lâm và khu Khe Mèo-Khe Xêng tỉnh Quảng Trị*";… Thông qua công tác điều tra đã xây dựng bản đồ đất tỉnh Quảng Trị và phân hạng đất theo FAO - UNESCO trên bản đồ 1/50.000. Lập bản đồ đất 1/25.000 dọc tuyến hành lang đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh Quảng Trị và nhiều bản đồ chuyên đề khác cung cấp các luận cứ khoa học cho phát triển KT-XH và bảo vệ môi trường… Kết quả là cơ sở quan trọng để lãnh đạo tỉnh, các ngành và các huyện, thị hoạch định các mục tiêu chiến lược, xây dựng các dự án đầu tư phát triển KT-XH cho địa phương, thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài đến với Quảng Trị.

Các kết quả điều tra cơ bản về điều

kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường những năm qua đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho việc xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển KT-XH. Nhiều dự án điều tra làm cơ sở cho việc quy hoạch và khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, khoáng sản, khí tượng, thủy văn… được tiến hành phục vụ khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

ưu việt trong việc nâng cao năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng, nhất là trồng rừng theo chứng chỉ FSC.

Sản xuất thành công nhiều loại các loại chế phẩm vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường như: Chế phẩm xử lý chất thải, ủ phân hữu cơ vi sinh (Compo - QTMIC); Chế phẩm làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi (Bio - QTMIC); Chế phẩm xử lý ao nuôi thủy sản (Nitro - QTMIC); Chế phẩm bổ sung thức ăn

Nhằm giải quyết tồn đọng hơn 1.000 tấn cá nục hấp sấy khô tại Thị trấn Cửa Việt, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị tích cực hỗ trợ Ngư dân xã Gio Việt và Thị trấn Cửa Việt (huyện Gio Linh) truy xuất nguồn gốc, bảo hộ nhãn hiệu..., đảm bảo sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Ảnh: Sỹ Tiến.

Lĩnh vực công nghệ sinh học: Đã tiến hành nghiên cứu, tiếp nhận, hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ tế bào để bảo tồn, lưu giữ, phát triển và sản xuất các loại cây lâm nghiệp, cây hoa và cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như: Các dòng keo lai; cây Ba Kích, Lan Kim Tuyến, Sâm Cau; các giống hoa Lan, hoa Chuông, hoa Cúc, Đồng Tiền… Đặc biệt cây keo lai đã khẳng định tính

chăn nuôi (Pro - QTMIC), chế phẩm EM, nấm đối kháng *Trichoderma và Pseudomonas*… bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, chất lượng cao, hiệu quả sử dụng tốt, giá thành thấp, được người dân đón nhận, sử dụng rộng rãi. Một số nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng quy trình công nghệ để chẩn đoán bệnh cây trồng, vật nuôi bằng phương pháp tế bào (PCR).

Lĩnh vực công nghệ chế biến Nông - Lâm - Thủy sản: Tập trung nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện, đổi mới công nghệ để sản xuất, chế biến sâu theo hướng nâng cao giá trị các sản phẩm, nguyên liệu mang tính đặc thù của địa phương như: Xây dựng vùng nguyên liệu và sản xuất các loại trà hòa tan gồm: Chè Vằng (TralaVang), Cà gai leo - Linh chi (Cagali), Linh Chi (Đất lửa); Các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe gồm: Nhộng Trùng Thảo (Đông Trùng Hạ Thảo), rượu Đông Trùng Hạ Thảo; Tỏi đen (Winner), rượu Tỏi đen các sản phẩm có giá trị kinh tế lớn, hàm lượng khoa học, sức cạnh tranh cao, có ý nghĩa thiết thực trong đời sống.

Các nhiệm vụ KH&CN cũng đã chú trọng nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sấy tiên tiến (sấy ở nhiệt độ thấp) để chế biến, bảo quản một số sản phẩm đặc thù, có giá trị kinh tế cao ở địa phương như: Ném, Hồ tiêu, Chuối, Cá... vừa bảo quản được nông sản, vừa nâng cao giá trị từ đó hình thành hàng hóa thương mại trong và ngoài nước.

***Lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông*:** Đẩy mạnh phát triển công nghiệp phần mềm, từng bước đáp ứng nhu cầu phần mềm trên địa bàn tỉnh. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin... Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và trong các doanh nghiệp.

***Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng*:** Từ công tác tham mưu xây dựng văn bản đến hoạt động quản lý đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, chống gian lận trong thương mại, hạn chế được việc sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đã hình thành được mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường đáp ứng được yêu cầu của địa phương; Thực hiện tốt việc kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện tốt việc thanh tra,

Lễ Ký kết Hợp đồng thương mại sản phẩm Chè vằng hòa tan Tralavang. Ảnh: Tư liệu

kiểm tra về nhãn hàng hoá, chất lượng sản phẩm hàng hoá lưu thông, hàng hoá xuất nhập khẩu trên địa bàn, góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người tiêu dùng.

Hoạt động hướng dẫn, phổ biến, đào tạo, tập huấn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn chất lượng, chứng nhận chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, các công cụ năng suất, chất lượng, thử nghiệm, kiểm định đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật được triển khai tích cực, đã phổ biến kiến thức về TC-ĐL-CL sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp. Công tác quản lý về TC-ĐL-CL đã được cải tiến và chuẩn hóa đáp ứng với điều kiện thực tiễn của cơ chế thị trường. Các phòng thử nghiệm được đánh giá phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025, LAS-XD 81 đã đáp ứng phần lớn nhiệm vụ quản lý nhà nước và nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm cải tiến và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa cho doanh nghiệp. Hàng năm, bình quân Chi cục đã kiểm định được khoảng 5.000 PTĐ các loại và 02 tổ chức kiểm định: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị: 12.000 công tơ nước; Trung tâm thí nghiệm điện Quảng Trị: 13.000 PTĐ, nâng tổng số PTĐ được kiểm định hàng năm trên toàn tỉnh bình quân trên 32.000 PTĐ. Công tác phân tích, thử nghiệm ngoài nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm cung cấp số liệu pháp lý kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra cũng như giám định, trọng tài giải quyết tranh chấp, phục vụ nghiên cứu khoa học... đóng vai trò hết sức quan trọng cho việc cải tiến chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thống kê từ các ngành bình quân hàng năm trên địa bàn tỉnh đã tiến hành thử nghiệm hơn 5.000 mẫu sản phẩm hàng hóa các loại.

Hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ: Đã chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn có nhiều đổi mới và đạt những kết quả quan trọng. Từ năm

Chỉ dẫn địa lý Hạt tiêu Quảng Trị

1989 đến 31/12/2018, tổng số các đơn nhãn hiệu hàng hóa mà Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận từ tỉnh là 388 Đơn và số văn bằng cấp là 197 văn bằng. Trong 05 năm gần đây số đơn Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận tăng 73,8% và số văn bằng cấp tăng 33,4%, đều này phản ánh sự tiến bộ vượt bậc trong việc xác lập quyền về sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát

triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đạt kết quả nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh. 09 sản phẩm đặc sản của 09 địa phương trong toàn tỉnh đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận *(Rau an toàn Đông Hà, Chuối Hướng Hóa, Rượu truyền thống men lá Ba Nang, Khoai Môn Vĩnh Linh, Cao dược liệu Định Sơn, Đậu đen xanh lòng Triệu Vân, Nước mắm Cửa Việt, Nước mắm Cồn Cỏ, Nước mắm Mỹ Thủy*). Năm 2018, chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Quảng Trị đã mở rộng khu vực địa lý bao gồm 38 xã, thị trấn trên địa bàn 4 huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa. Đây tiền đề để sản phẩm đặc sản hồ tiêu Quảng Trị tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định được giá trị và thương hiệu ở trong và ngoài nước.

Đặc biệt trong 2 năm 2018-2019, Sở KH&CN đã tiến hành tư vấn và hỗ trợ kinh phí cho các chủ thể là Hợp tác xã, tổ chức hội các đoàn thể, tổ chức quản lý trên địa bàn xác lập 17 nhãn hiệu tập thể và 05 nhãn hiệu chứng nhận mang yếu tố địa danh trên địa bàn tỉnh, bước đầu đã tạo dấu ấn về vai trò của sở hữu trí tuệ đối với việc phát triển KT-XH địa phương, phục vụ có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Hoạt động quản lý về lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua đã hoàn thành theo nội dung kế hoạch, góp phần tích cực trong việc phòng ngừa ảnh hưởng của hoạt động bức xạ đến sức khỏe của cộng đồng.

Hoạt động quản lý công nghệ và thị trường công nghệ: Đã thực hiện tốt việc quản lý chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư và thẩm định nội dung KH&CN các quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương; hỗ trợ các tổ chức cá nhân đổi mới công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và các hoạt động khác áp dụng vào sản xuất, kinh doanh.

Thị trường KH&CN và hoạt động đổi mới sáng tạo có chuyển biến tích cực. Công tác phát triển thị trường KH&CN trên mạng được chú trọng, thông qua Trang web Techmart online tại địa chỉ: *http://techmartquangtri.com.vn*, tham gia các kỳ Chợ Công nghệ và Thiết bị (Techmart), kết nối cung cầu công nghệ, Techfest…

Năm 2017-2018 đánh dấu sự chuyển biến của hoạt động quản lý công nghệ với việc thành lập được 02 doanh nghiệp KH&CN và 01 Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Trên cơ sở Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KH&CN, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ.

Hoạt động thông tin, thống kê KH&CN có nhiều đổi mới, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý: Các ấn phẩm chuyên ngành ngày càng cải tiến về nội dung và hình thức, tập trung tuyên truyền sâu rộng chủ trương chính sách, thành tựu, kết quả hoạt động KH&CN… đến người dân và doanh nghiệp. Đặc san Khoa học và Công nghệ và Kinh tế (đã được đổi tên thành Đặc san Khoa học và Công nghệ từ năm 2014), góp phần cung cấp một kênh thông tin KH&CN cho lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban,

ngành, huyện/thị xã,… Các bản tin chọn lọc chuyên sâu phục vụ cho từng đối tượng độc giả riêng biệt (Bản tin Thông tin KH&CN phục vụ Doanh nghiệp, Bản tin Thông tin KH&CN phục vụ Nông nghiệp, nông thôn) đã cung cấp các kiến thức khoa học kỹ thuật, các chính sách mới theo từng lĩnh vực đã được tuyên truyền, phổ biến một cách cụ thể.

Công tác truyền thông KH&CN ngày càng được đẩy mạnh với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Các tin ngắn, tin sâu, chuyên mục KH&CN được phát sóng trên các kênh truyền hình trung ương và địa phương, các trang báo, trang thông tin điện tử đã thu hút được người dân quan tâm hơn đến các thành tựu cũng như hoạt động KH&CN của tỉnh nhà.

Công tác phát triển nguồn lực thông tin KH&CN của tỉnh đã được định hình và triển khai có hiệu quả. Hệ thống các CSDL khoa học công nghệ được cập nhật hàng năm và đã được tích hợp lên Cổng thông tin điện tử KH&CN Quảng Trị nhằm phục vụ cho công tác tra cứu thông tin.

Hoạt động KH&CN cấp huyện đã đóng góp tích cực vào sự phát triển KT-XH của tỉnh: Công tác quản lý KH&CN trên địa bàn huyện, đặc biệt trong giai đoạn 2010-2019 đã có những chuyển biến mới tích cực, rõ nét. Tổ chức bộ máy quản lý KH&CN đã được kiện toàn ở tất cả các huyện/thị. Hội đồng KH&CN cấp huyện đã đi vào hoạt động theo quy chế ban hành, đã thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của tổ chức tư vấn về KH&CN để tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện. Đặc biệt từ năm 2016 đến nay, các nhiệm vụ cơ sở và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở được xây dựng trên quan điểm định hướng tái cơ cấu, đã giải quyết những vấn đề KHCN đặt ra đối với địa phương và yêu cầu của nhân dân. Một số nhiệm vụ có hiệu ứng lan tỏa lớn, được nhiều địa phương, đơn vị đến tham quan học tập và ứng dụng nhân rộng, điển nhình như: Dự án xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản mang yếu tố địa danh ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Dự án sản xuất thử nghiệm cây chè vằng tạo sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Việc trồng thử nghiệm thành công cây chè vằng đã gải quyết được vấn đề nguyên liệu cho người sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cho người trồng. Các địa phương đẩy mạnh nhân rộng cây chè vằng là Hải Lăng, Cam Lộ. Dự án trồng thử nghiệm một số cây dược liệu trên địa bàn Cam Lộ đã đem lại hiệu quả cao cho nông dân.

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ: Có những bước phát triển mới, qua đó đã tiếp nhận, chuyển giao công nghệ nhằm tranh thủ nguồn kinh phí lớn, nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng cao và huy động được sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị để nâng cao tiềm lực KH&CN cho tỉnh, phục vụ phát triển KT-XH địa phương.

Tỉnh đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với hơn 30 viện, trung tâm KH&CN, trường đại học trong cả nước để triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ KH&CN. Thực tế cho thấy đây là một trong những hình thức chuyển giao tiến bộ KH&CN hiệu quả và là động lực thúc đẩy KH&CN địa phương phát triển.

Đặc biệt, ngành đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức nước ngoài như: Nhật Bản, CHLB Đức, Cộng hòa Pháp... triển khai có hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN để

tiếp nhận, chuyển giao công nghệ nhằm tranh thủ nguồn kinh phí lớn, nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng cao và huy động được sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị để nâng cao tiềm lực KH&CN cho tỉnh, góp phần giải quyết những vấn đề trọng điểm, cấp bách mà điều kiện địa phương không giải quyết được. Chỉ riêng với đối tác Nhật bản, thông qua dự án *Ứng dụng đèn LED cho các tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị*, ngành đã tranh thủ được nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài không

chặt chẽ với tỉnh Savanakhet và Salavan của CHDCND Lào. Thông qua các dự án, đã tiến hành đánh giá hiện trạng tự nhiên, KT-XH, xây dựng luận cứ khoa học nhằm phát triển KT-XH và bảo vệ môi trường khu vực biên giới Quảng Trị và hai tỉnh Savannakhet và Salavan; các vùng kinh tế động lực của Quảng Trị và Savannakhet trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Sở KH&CN Quảng Trị đã giúp Sở KH&CN các tỉnh Savannakhet và Salavan đào tạo nghiệp vụ về KH&CN, tin học, sản xuất và nuôi trồng nấm ăn,

Dự án Ứng dụng đèn LED cho các tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngư dân, góp phần tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường biển. Ảnh: Tư liệu

hoàn lại *3.238.611 USD* hỗ trợ cho ngư dân 03 huyện ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển. Việc ứng dụng đèn LED cho tàu đánh bắt xa bờ đã tăng năng suất đánh bắt, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngư dân, góp phần tiết kiệm nhiên liệu (khoảng 70% chi phí nhiên liệu cho mỗi chuyến đi biển), bảo vệ môi trường biển.

Tỉnh Quảng Trị đã xúc tiến hợp tác

kiểm định phương tiện đo; trang bị các chuẩn, thiết bị đo lường nước, điện... Các nội dung trên từng bước được triển khai, phát huy tác dụng.

Tiềm lực, trình độ KH&CN của tỉnh được nâng cao, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế: Trong điều kiện kinh tế của

tỉnh còn khó khăn, đầu tư cho KH&CN vẫn được chú trọng. Nguồn lực tài chính cho KH&CN được tăng cường. Kinh phí sự nghiệp KH&CN bố trí năm sau cao hơn năm trước. Đội ngũ cán bộ tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với trình độ chuyên môn khá cao đã ngày càng đáp ứng yêu cầu tổ chức, hợp tác nghiên cứu và giải quyết những nhiệm KH&CN then chốt của tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN, nhất là các chuyên gia giỏi được quan tâm.

Hạ tầng KH&CN được đầu tư phát triển đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong tất cả các lĩnh vực. Các trung tâm, các đơn vị sự nghiệp KH&CN được củng cố và nâng cấp phục vụ có hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN. Hệ thống trang thiết bị đo lường, thử nghiệm, hệ thống phòng thí nghiệm… được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, đã đưa vào vận hành gói thiết bị dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Phát triển công nghệ sinh học nhằm ứng dụng, triển khai thành tựu công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan cho nhân dân trên địa bàn với việc trang bị cơ sở vật chất hiện đại cho các phòng chuyên môn, các thiết bị hiện đại trong lĩnh vực công nghệ sinh học,... tăng cường đảm bảo đủ năng lực nghiên cứu và làm chủ được các công nghệ tiên tiến, triển khai ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống. Trạm nghiên cứu, ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động nhằm nghiên cứu, khảo nghiệm các đối tượng cây trồng, con nuôi mới phù hợp với đặc điểm của tiểu vùng khí hậu mang tính đặc thù, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao hướng tới mở rộng sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu sản xuất, chế biến để nâng cao hiệu quả trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập cho người dân. Đây cũng là mô hình trình diễn công nghệ cao với quy mô lớn đầu tiên của tỉnh và cũng là cơ sở để xây dựng khu Nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

30 năm qua, mặc dù gặt hái được những kết quả nhất định trên nhiều lĩnh vực, tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, hoạt động và hiệu quả của công tác nghiên cứu triển khai KH&CN của tỉnh, trong từng ngành, huyện, thị xã, thành phố chưa mang lại sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, chưa có những đóng góp lớn về chất lượng, nâng cao giá trị của sản phẩm và hàng hoá ở địa phương, chưa trở thành nhân tố chủ yếu trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tiềm lực KH&CN của tỉnh đã được tăng cường một bước nhưng một số lĩnh vực còn yếu chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp của tỉnh chuyển biến chậm. Đội ngũ cán bộ KH&CN, nhất là cán bộ có trình độ chuyên môn cao còn ít, thiếu chính sách thu hút và quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao thuộc các lĩnh vực KH&CN ưu tiên, mũi nhọn, chiến lược và đột phá.

3. Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới và phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị trong những năm tiếp theo

Thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc

về định hướng, giải pháp đột phá chiến lược thúc đẩy phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, để tiếp tục đổi mới và phát triển, KH&CN Quảng Trị cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với tổ chức, hoạt động KH&CN. Đổi mới hệ thống tổ chức, cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN; thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức KH&CN công lập, từng bước thực hiện phương thức nhà nước đặt hàng, đấu thầu và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng. Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN.

2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực KH&CN theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, địa phương. Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch KH&CN phục vụ phát triển KT-XH. Điều chỉnh tổ chức các nhiệm vụ KH&CN theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm.

3. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển "6 cây, 2 con" chủ lực của tỉnh theo hướng bền vững thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các sản phẩm có khả năng phát triển thành sản phẩm chủ lực trong Chương trình OCOP của tỉnh giai đoạn 2018-2020.

4. Thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ và các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN để nâng cao hàm lượng KH&CN, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao; đảm bảo nguyên tắc các đề tài/dự án KH&CN hàng năm thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao, không chạy theo số lượng.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, dịch vụ công; nhất là hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến thông tin, kiến thức về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần hình thành tinh thần khởi nghiệp, văn hóa khởi nghiệp trong cộng đồng. Đào tạo kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng dành cho khởi nghiệp của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp (cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh). Hình thành vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN thuộc Sở KH&CN để tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

6. Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường KH&CN với

thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn. Kết nối có hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng với Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN của tỉnh. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ.

7. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ (xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh), tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ có hiệu quả phát triển KT-XH và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Tăng cường quan hệ hợp tác về KH&CN với các cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu nhằm tranh thủ nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển KH&CN, KT-XH của tỉnh. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN với các nước Lào, Thái Lan, Nhật Bản...

9. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với đặc thù của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn. Đẩy mạnh phân cấp nhiệm vụ KH&CN giữa cấp tỉnh với cấp huyện nhằm chuyển một phần các nhiệm vụ chuyên ngành hẹp về cơ sở, hướng mạnh về hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, xây dựng và phát triển thương hiệu.

Đồng chí Nguyễn Đức Chính, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị kiểm tra thực địa mô hình trồng hoa Lily tại Sa Mù. Ảnh: Tư liệu

10. Xây dựng tiềm lực KH&CN đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH. Xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao theo mô hình thích hợp với Quảng Trị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa. Tập trung huy động nguồn

lực, thu hút đầu tư để xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả *Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa*. Thu hút nguồn cán bộ khoa học từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; đặc biệt là cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành.

11. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KH&CN. Tăng cường nhận thức của cán bộ và người dân về KH&CN nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu KH&CN trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực.

12. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để phát triển KH&CN. Tranh thủ vốn đầu tư của các chương trình, dự án KH&CN cấp quốc gia thông qua việc xây dựng các chương, trình, dự án KH&CN trọng điểm phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh. Lồng ghép các chương trình, dự án KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh. Thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng số lượng và quy mô các Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác công - tư nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào các hoạt động đổi mới sáng tạo. Hợp tác khoa học, kêu gọi đầu tư các dự án khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh.

13. Ứng dụng, nhân rộng và phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN của tỉnh trong thời gian tới. Đầu tư kinh phí thích đáng cho phát triển KH&CN, hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Hàng năm dành một phần kinh phí thoả đáng để nhân rộng các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định. Đẩy mạnh phong trào thi đua ứng dụng KH&CN. Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ KH&CN, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến tận cơ sở và người sản xuất. Triển khai thực hiện có hiệu quả *Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025.*

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, tỉnh Quảng Trị đã vượt qua muôn vàn khó khăn để vươn lên mạnh mẽ và đạt được những thành tựu rất quan trọng và có ý nghĩa trên tất cả các lĩnh vực. 30 năm đồng hành cùng tỉnh nhà phát triển, Ngành KHCN tự hào với những nỗ lực không mệt mỏi để góp sức vào sự phát triển của tỉnh bằng những nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, gắn liền với thực tiễn. Nhìn lại chặng đường 30 năm, tự hào về những thành tựu đã đạt được, ngành KH&CN Quảng Trị tiếp tục đổi mới và phát triển, đưa tri thức nở hoa trên đất quê hương, góp phần phát triển tiềm lực và đưa KH&CN thực sự trở thành động lực, thành chìa khóa mở ra cánh cửa hội nhập và phát triển KT-XH của tỉnh nhà trong thời đại công nghiệp 4.0.

T.N.L

Cách đây 30 năm, ngày 01/7/1989 tỉnh Bình Trị Thiên tách thành ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế. Tỉnh Quảng Trị được lập lại trong thời gian này, Ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị được thành lập. Ngày 01/11/1993, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UB về việc đổi tên Ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị thành Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, quy định về chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và môi trường. Ngày 16/9/2003, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1946/2003/QĐ-UB, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Trị thành Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị. Trong 20 năm đầu, chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Sở liên tục được điều chỉnh, bổ sung, kiện toàn. Các tổ chức trực thuộc Sở đã dần dần được hoàn thiện để giúp Sở có thể hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được giao.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Nguyễn Hữu Thông
Nguyên Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, sự phối hợp của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ KH&CN, hoạt động KH&CN đã có bước chuyển biến, đạt được một số tiến bộ và kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác tham mưu cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, xây dựng ban hành cơ chế đổi mới hoạt động KH&CN; Sở KH&CN đã chủ trì, tham gia xây dựng, đề xuất các chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án của UBND tỉnh trình Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh. Nhiều đề án, chương trình được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân đưa vào nghị quyết triển khai thực hiện, góp phần khẳng định đóng góp của KH&CN vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Trong số các chủ trương, Nghị quyết đó đáng chú ý là Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương II (khóa VIII) về Định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-

HĐH); Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII, BCH Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt đề án đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2015; Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng và hội nhập và thành lập Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh và hoạt động theo Điều lệ Quỹ...

Hội thảo Đề án phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010-2015 có tính đến 2020. Ảnh: Tư liệu.

Công tác nghiên cứu và triển khai đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn được triển khai trên nhiều lĩnh vực của đời sống văn hóa - xã hội. Trong đó kết quả nổi bật tập trung vào việc tổng kết thực tiễn, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước trên địa bàn, biên soạn truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương; đã đề xuất nhiều giải pháp có căn cứ khoa học tham mưu cho lãnh đạo tỉnh tổ chức, thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ văn hóa, xã hội mà Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII, XIII và XIV đã đề ra. Các kết quả điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã cung cấp thông tin đáng tin cậy cho việc xây dựng, phê duyệt, thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực nghiên cứu thực nghiệm đã đưa nhiều kỹ thuật và công nghệ tiến bộ vào địa bàn tỉnh, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Việc ứng dụng kỹ thuật tiến bộ thuộc lĩnh vực nông nghiệp đã tạo chuyển biến tích cực làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thay đổi bộ mặt nông thôn, cải tạo và phát triển hệ sinh thái tự nhiên theo hướng bền vững. Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục… trên cơ sở các chủ trương, chương trình trọng điểm của Nhà nước, của tỉnh đã nghiên

cứu xây dựng mô hình, đề xuất các giải pháp cơ chế, chính sách phát triển. Các đề án phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; phòng, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng ngày càng phát huy có hiệu quả trong đời sống. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, các nhiệm vụ KH&CN tập trung ứng dụng có hiệu quả: các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong thi công cầu, đường, công trình xây dựng, chế tạo sản

Bản đồ đất tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

phẩm mới, xử lý môi trường. Các lĩnh vực công nghệ mới: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, năng lượng mới… được ứng dụng và ngày càng phát huy hiệu quả trong sản xuất, quản lý.

Hoạt động quản lý công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, kiểm soát an toàn bức xạ hạt nhân, hợp tác quốc tế về KH&CN được tăng cường.

Ngoài nhiệm vụ quản lý nhà nước, Sở KHCN đã chủ động đề xuất các chương trình KH&CN cấp nhà nước, tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương. Thời kỳ này, Sở đã được giao trực tiếp chủ trì thực hiện 20 đề tài, dự án KH&CN các cấp, trong đó 8 nhiệm vụ cấp nhà nước, 12 nhiệm vụ cấp tỉnh. Trong số đó, đáng chú ý là 02 nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN với Savannakhet (Lào) được đưa vào Nghị định thư của 2 chính phủ thực hiện từ năm 2007 và 2009, 06 dự án thuộc chương trình Nông thôn - Miền núi ở các vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

Nhìn lại quá trình hoạt động của Sở, những thành tựu đạt được ở chặng đường đầu tuy chưa nhiều, chưa đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhưng những kết quả có được đều bắt nguồn từ tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, từ thái độ hợp tác với các tổ chức KH&CN và các nhà khoa học, sự phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, địa phương của ngành KH&CN Quảng Trị. Từ thực tiễn, có thể khẳng định những kết quả có ý nghĩa quan trọng của giai đoạn này là:

Trong điều kiện mới lập lại tỉnh, công tác điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên được quan tâm, chú trọng ngay từ đầu. Sau hơn 10 năm triển khai tích cực, sản phẩm thu được từ kết quả điều tra cơ bản đáng được ghi nhận, trân trọng. Từ việc xây dựng bản đồ đất Quảng Trị 1/100.000 thời kỳ đầu, đến nay chúng ta đã có khá đầy đủ các thông tin về điều tra cơ bản. Các bản đồ đất, nước, khí hậu, khoáng sản, tài nguyên động thực vật, tai biến môi trường... tỉ lệ 1/50.000 và nhiều loại bản đồ tỷ lệ lớn hơn phục vụ trực tiếp cho quy hoạch nông nghiệp, các vùng chuyên canh cà phê, cao su, hồ tiêu... khai thác khoáng sản, phát triển du lịch... và điều

đặc biệt là các bản đồ, tài liệu điều tra cơ bản đã được số hóa, cập nhật sử dụng lâu dài về sau.

Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, hoạt động nghiên cứu, triển khai đã có sự tập trung, phát huy hiệu quả cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh. Ngoài các mô hình về giống cây, con các đề tài, dự án đã tập trung hệ canh tác cho các vùng sinh thái khác. Riêng vùng cát với trên 31.000 ha đã có hàng trăm đề tài lớn nhỏ, giải quyết toàn diện các vấn đề về nông, lâm, thủy sản, thủy lợi, môi trường... đã mang lại bộ mặt mới, giá trị mới cho vùng cát ven biển Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh. Cánh đồng "50 triệu đồng/ha", mô hình sản xuất lúa chất lượng cao được nhân rộng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 và đến nay là kết quả từ chương trình ứng dụng tiến bộ KH&CN cho các vùng sinh thái của tỉnh.

Lĩnh vực công nghệ mới, ngay từ khi hình thành và được giao nhiệm vụ giúp Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin của tỉnh, Sở KH&CN, các cán bộ KH&CN lĩnh vực công nghệ thông tin đã tham mưu giúp tỉnh hoàn thành xuất sắc Đề án 112 của Chính phủ về tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước tại địa phương và Đề án 47 tin học hóa quản lý các cơ quan Đảng. Sở KH&CN đi đầu thiết kế, xây dựng và quản trị Website tỉnh Quảng Trị; xây dựng, thiết kế, quản trị cho hàng chục đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; xây dựng và quản trị website KH&CN Quảng Trị. Trên 2.000 học viên được đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin là hạt nhân thực hiện thành công các chương trình công nghệ thông tin của tỉnh trong giai đoạn này cũng như nhiều năm về sau.

Hội thảo xây dựng trang web tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

Hoạt động quản lý nhà nước, nhất là lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Quảng Trị luôn là một trong các tỉnh dẫn đầu khu vực về chương trình năng suất, chất lượng, giải thưởng chất lượng Việt Nam, ISO hành chính công... Kiểm tra, giám định hàng xuất nhập khẩu.

Một trong những hoạt động có ý nghĩa, tiếp tục được phát huy cho đến

nay là hợp tác KH&CN với 2 tỉnh bạn Savannakhet và Salavan (CHDCND Lào). Trong điều kiện tiềm lực vẫn còn nhiều khó khăn, nhận thức rõ về tầm quan trọng của mối quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống giữa Quảng Trị và các tỉnh bạn Lào, được sự đầu tư, hỗ trợ của chính phủ, của tỉnh, nhiều dự án hợp tác KH&CN được triển khai, đạt hiệu quả, được các tỉnh bạn đánh giá cao. Sự trưởng thành, phát triển nhanh chóng của ngành KH&CN các tỉnh bạn Savanakhet, Salavan thời gian qua, luôn có sự đồng hành, hỗ trợ, hợp tác có hiệu quả của đội ngũ cán bộ của Sở KH&CN Quảng Trị.

Một đóng góp quan trọng nữa trong chặng đường đầu (1993-2003) là quản lý nhà nước về môi trường. Với thời gian không dài, vừa tìm hiểu, học tập, vừa tham mưu quản lý, hoạt động quản lý môi trường đã có những đóng góp quan trọng trong tổ chức, đào tạo, xây dựng mạng lưới, nâng cao nhận thức cộng đồng, tạo phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường... Có thể nói hoạt động quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ và môi trường trong thời kỳ này được triển khai toàn diện, sôi nổi, vai trò của ngành khoa học - công nghệ và môi trường càng được khẳng định rõ ràng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chúng ta tự hào là ngành đầu tiên được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý môi trường, tự hào về các cán bộ quản lý môi trường ngày đầu của Sở trưởng thành, nay là các cán bộ quản lý chủ chốt ngành Tài nguyên - Môi trường của tỉnh.

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên thành công của KH&CN trong chặng đường xây dựng và phát triển là sự phấn đấu, nỗ lực vươn lên của chính cán bộ, công chức và người lao động của Sở KH&CN, sự hợp tác, phối hợp tích cực của đội ngũ cán bộ KH&CN trong tỉnh, trong cả nước vì sự phát triển của địa phương. Cũng trong thời kỳ này ngoài các cơ quan, đơn vị, cán bộ KH&CN của tỉnh, hàng chục Viện Khoa học, Trường Đại học với hàng trăm nhà khoa học đã tham gia và có nhiều đóng góp kết quả nghiên cứu, triển khai quan trọng cho sự nghiệp phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh, được lãnh đạo tỉnh và nhân dân tỉnh nhà ghi nhận, đánh giá cao.

Nói đến chặng đường đầu của ngành KH&CN, chúng ta luôn nhớ và tri ân các thế hệ lãnh đạo tỉnh, các nhà khoa học hàng đầu của đất nước đã đến với Quảng Trị trong những ngày đầu: GS. Viện sĩ Nguyễn Văn Hiệu, GS. Hồ Sỹ Thoảng... trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn luôn tâm huyết, động viên, chia sẽ, tin tưởng vào đội ngũ KH&CN của tỉnh nhà.

Trong xu thế hội nhập, đẩy mạnh CNH-HĐH, để đưa Quảng Trị nhanh chóng phát triển cùng các địa phương khác trong cả nước, hoạt động KH&CN trong thời kỳ mới có nhiệm vụ hết sức to lớn. Phát huy thế mạnh, rút ra những bài học kinh nghiệm từ 30 năm xây dựng và phát triển cho thời kỳ mới. Tin tưởng được sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư của Đảng, Nhà nước, của tỉnh với nhiều cơ chế chính sách mới, nguồn lực mới với tinh thần đổi mới sáng tạo, đội ngũ cán bộ KH&CN không ngừng nổ lực vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao./.

N.H.T

Sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng bao gồm cả nông - lâm - thủy hải sản, trồng trọt - chăn nuôi), ngành nghề nông thôn luôn được Lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương Quảng Trị quan tâm. Các định hướng, chủ trương và giải pháp tác động đã mang lại kết quả. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết Trung ương 6, khóa X, năm 2008 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn;... Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy Quảng Trị về tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết chuyên đề sâu cho riêng vùng núi, vùng biển… nằm trong hàng loạt Nghị quyết, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động của Trung ương và địa phương... đã dẫn dắt việc tổ chức thực hiện.

Sản lượng lương thực có hạt (chủ yếu là lúa gạo) tỉnh Quảng Trị sau 30 năm: Thành tựu, hạn chế và những trao đổi

Văn Viết Hóa
Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị

Do không thể đề cập toàn bộ mảng kinh tế nông nghiệp, nông thôn rộng lớn, cũng như không thể dẫn và phân tích từ cả các giải pháp tác động đã triển khai trong 1 bài viết ngắn, xin chỉ khuôn viên tổng hợp, trao đổi về sản xuất lương thực có hạt, chủ yếu là cây lúa, liên quan đến an ninh lương thực, đến khai thác tiềm năng, lợi thế và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai… đã nêu trong tiêu đề bài viết.

Năm mới lập lại tỉnh (1989), sản lượng lương thực có hạt đạt 11,3 vạn tấn. Bình quân các năm 1990-1995, đạt 11,8 vạn tấn. Giai đoạn 1996-1999, bình quân 17,1 vạn tấn. Bình quân các năm 2000 đến 2004 vượt lên, đạt 20,29 vạn tấn và bình quân đầu người 300 đến 350 kg/năm. Không dừng lại mức này, năm 2018 đạt 25,7 vạn tấn, điều mà nhiều năm trước chưa ai dám nghĩ đến và đây là mốc son, là con số ấn tượng để đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội ở một tỉnh thiên không thật thời, địa không thật lợi (xưa gọi chung là vùng ô châu ác địa). Thành tựu nổi bật này, có công chung đóng góp của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là công "một nắng hai sương" của đông đảo bà con nông dân đã áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và công đóng góp miệt mài của đội ngũ trí thức, cán bộ kỹ thuật cho mảng sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng). Đã từ lâu, Trung ương xác định khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, phải áp dụng đồng bộ các giải pháp tác

động, với cây lúa nói riêng, giải pháp giống và thủy lợi giữ vai trò quyết định mức độ tăng trưởng, chất lượng lúa gạo và độ ổn định của mỗi vụ sản xuất và của các năm, của mỗi năm. Theo ông Cao Đức Phát, nguyên Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bài đăng báo xuân 2015), khẳng định, khoa học và công nghệ là khâu đột phá trong tái cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, đang chiếm tỷ lệ 30% tổng mức tăng trưởng của giá trị nông sản hàng hóa (tổ chức FAO của Liên hợp quốc cũng nêu con số này và dẫn thêm ở Trung Quốc là

Hội nghị đánh giá thực hiện dự án liên kết sản xuất lúa hữu cơ vụ đông-xuân 2018-2019. Ảnh: http://baoquangtri.vn

51%, ở các nước nông nghiệp tiên tiến, cao nhất, chiếm tới 80-90%). Ông Trần Thiềm, Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, đánh giá việc ứng dụng khoa học công nghệ đã có bước khởi sắc, song vẫn còn hạn chế. Một số đề tài, dự án về giống, về chuyển đổi, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ… đã mang lại kết quả, hiệu quả, bao gồm cả với cây lúa và cây lương thực có hạt. Nhiều vị Lãnh đạo đều khẳng định, phải tiếp tục đột phá về nghiên cứu, sản xuất các giống có ưu thế vượt trội, giống thích nghi với sự biến đổi của khí hậu và của nhu cầu thị hiếu thị trường cũng luôn thay đổi. Phải tiếp tục cơ giới hóa trong nông nghiệp, trong bảo quản, chế biến nông sản, trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Giống cây trồng biến đổi gen (lúa, ngô, đậu tương…) được chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ sinh học Việt Nam đến 2020, và chương trình cho mảng nông nghiệp, phát triển nông thôn… Từ 2005, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhấn mạnh phải sản xuất nông sản hàng hóa với chất lượng cao để hòa nhập, để cạnh tranh, sản xuất phải theo yêu cầu của thị trường. Ở Quảng Trị, theo ông Trần Thiềm, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, 70-80% đề tài được nghiệm thu đánh giá tốt, chủ nhiệm đề tài phải có trách nhiệm triển khai ứng dụng nhân rộng trong thực tế, điều mà từ trước chưa ràng buộc, nhưng nay đã có trong Nghị quyết 08 năm 2004 của Hội đồng

nhân dân tỉnh. Diện tích sản xuất giống lúa chất lượng cao, cánh đồng mẫu lớn cũng đã sớm hình thành. Thương hiệu gạo hữu cơ, gạo ngon, gạo sạch của Quảng Trị đã vượt chợ làng, đến với các siêu thị thành phố lớn.

Mừng vui tự hào vì cái đói ăn, khát uống của thời xa *xưa "ăn cơm bữa diếp"* đã đi vào quá vãng từ lâu vì Quảng Trị đã có thóc gạo hàng hóa, thừa gạo cám làm thức ăn gia súc. Điều đáng quan tâm riêng với sản xuất lương thực có hạt là mức tăng trưởng còn chưa thật ổn định. Năm nào gặp thiên không thời và có dịch hại, năng suất sụt giảm nên sản lượng cũng sụt giảm (các năm 1990-1994, chỉ còn bình quân trên dưới 10 vạn tấn, mất gần 4 vạn tấn mức đạt trước đó…). Năm cao nhất, sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng 5,56%, là mức tăng ít khi đạt được. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, ổn định, những năm gần đây, tăng ngoại tệ cho quốc gia. Tuy nhiên, vai trò đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội vẫn chiếm vị trí hàng đầu. Sản xuất nông nghiệp thường trãi rộng không gian, trải dài thời gian, phụ thuộc không ít vào điều kiện tự nhiên (bất thường, bất an) và yếu tố sinh học (đặc tính di truyền vốn có của cây trồng vật nuôi)… Quy hoạch để định hướng và vạch kế hoạch sản xuất đã đi trước một bước, nhưng dù đã đúng, vẫn luôn rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, bởi khí hậu đang biến đổi (Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất, lớn nhất) và yêu cầu, đòi hỏi của thị trường (nơi quyết định đầu ra của nông sản, hàng hóa) cũng không ngừng đổi thay. Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của Quảng Trị rất khiêm tốn về tỷ trọng chung cả nước và điều kiện ưu đãi về thiên thời địa lợi không bằng nhiều tỉnh thành khác, nhưng nhiều năm gần đây, sản lượng lương thực có hạt vượt xa mức an toàn lương thực (trừ năm hoặc vụ gặp thiên tai nghiêm trọng), bản thân người viết đã không một lần nêu ý kiến cần mạnh dạn giảm diện tích gieo cấy lúa có độ an toàn không cao (do dễ ngập úng hoặc dễ bị khô hạn) chuyển qua trồng ngô, đậu tương (đậu nành) ở đất không dồi dào nước tưới. Ngô hạt và đậu tương biến đổi gen đang phải nhập ngoại làm thức ăn gia súc, tốn nhiều ngoại tệ. Giảm diện tích lúa không giảm diện tích đất nông nghiệp, đã được Chính phủ nêu rõ trong chuyển đổi cây trồng vật nuôi tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp để tăng thu nhập từ mỗi đơn vị diện tích đất và có đầu ra tiêu thụ nông sản thuận lợi (ngô hạt, đậu tương cả nước đang có nhu cầu lớn). Trong báo Quảng Trị số xuân 2019, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, chốt lại những số liệu về diện tích sản xuất những loại cây trồng chính, cây ăn quả 12.000 ha gồm chuối 6.000 ha, dứa 1.000 ha, bơ 500 ha… (trong các năm tiếp theo). Thực tế, Quảng Trị đã có lúc đạt hơn 5.000 ha cây ăn quả. Sở Nông nghiệp và tiếp theo là Hội Làm vườn phối hợp với Hội Nông dân tỉnh (năm 2006) đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, tổng điều tra thực tế đánh giá về cây ăn quả dài ngày. Kết quả được đánh giá khá, được khuyến cáo bằng văn bản, chuyển phát rộng rãi… song vẫn rơi vào lãng quên. Hầu hết các văn bản quan trọng của tỉnh về kinh tế - xã hội, không nhắc đến cây ăn quả, không định hướng chỉ đạo nên việc thực hiện vẫn chỉ tự phát và mới chỉ có vùng chuối đường 9 và 14, dưa hấu Vĩnh Tú, bơ Khe Sanh, cam K4 Hải Phú,... có kết quả và hiệu quả rõ.

Ba điểm nghẽn, ba điểm yếu cốt lõi của sản xuất và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, phạm vi cả nước (không

loại trừ Quảng Trị), đó là sản xuất nhỏ lẽ, manh mún, phân tán; chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao; nông dân (chủ thể chính của sản xuất nông nghiệp) chưa chuyên nghiệp (về kiến thức, tác phong công nghiệp…). Thực hiện việc mở rộng quy mô sản xuất để có khối lượng nông sản hàng hóa lớn, có chất lượng đồng đều, khi đất đai Quảng Trị ở nhiều địa bàn dạng "da báo", đan xen các loại chất đất khác nhau, khó hình thành cánh đồng mẫu lớn (cò bay thẳng cánh) thì phải tổ chức sản xuất theo cách liên kết nhóm hộ, tổ hợp tác chung một loại nông sản nhưng ở các địa bàn dân cư không nhất thiết chung một làng, một xã, một huyện. Trường hợp có một doanh nghiệp chuyên mặt hàng nông sản đó chủ động đứng ra liên kết, ký hợp đồng với các hộ, nhóm hộ sản xuất, đầu tư ứng vốn, vật tư, bao tiêu sản phẩm và nếu được hướng dẫn kỹ thuật sản xuất từ một cá nhân hoặc đơn vị kỹ thuật do doanh nghiệp hợp đồng… Đó là cách liên kết tổ chức sản xuất có sự gắn kết "các nhà" như 80 của Chính phủ đề ra từ nhiều năm trước.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Nguyễn Quân Chính cho biết, năm 2019 có nhiều sự kiện quan trọng, là năm có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016-2020, trong đó có sự kiện kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, Quảng Trị quyết tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) cao hơn so với năm 2018. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt từ 7,5-8,0% so với năm 2018, GRDP bình quân đầu người đạt từ 46 đến 48 triệu đồng. Tiếp tục thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp bảo đảm tăng trưởng từ 4-5% gắn liền với chuỗi giá trị sản phẩm liên kết trong nông nghiệp từ sản xuất đến chế biến, bảo quản và thị trường phân phối tiêu thụ. Củng cố nâng cao chất lượng nông thôn mới, duy trì thành quả đã đạt được trong nhiều năm qua.

Phía Nhà nước, các ngành chức năng liên quan, các doanh nghiệp, các nhà khoa học cũng chưa có sự quan tâm đúng mức cho "tam nông", nhất là lúa phải bứt tốc chuyển nông nghiệp phát triển chủ yếu từ chiều rộng, lấy năng suất sản lượng (tức là coi trọng số lượng) qua phát triển theo chiều sâu (tăng chất lượng nông sản phẩm, tăng giá trị thu nhập cao trên 1 đơn vị diện tích). Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến… càng có vai trò quan trọng để sản xuất phát triển nhanh, bền vững, tăng sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa khi hội nhập và vượt địa giới hành chính tỉnh nhà (đất không rộng, người không đông…).

Sau cùng là vấn đề phải tìm cách bứt phá, vượt khó, vươn lên, để không chỉ tự thắng mình (so với những thập niên đã qua) mà phải rút ngắn quảng cách lạc hậu so với các tỉnh thành bạn trong cả nước, bởi kết thúc 2018 Quảng Trị có tốc độ phát triển 7,2% và ngân sách thu được 2.700 tỷ đồng, trong khi các con số tương ứng của tỉnh Bắc Ninh là 10,6% và 27.600 tỷ đồng, Ninh Bình là 9,27% và 10.450 tỷ đồng, Vĩnh Phúc là 8% và 30.000 tỷ đồng, Thanh Hóa là 15,16% và 23.460 tỷ đồng… Rất đáng trông người để ngẫm đến ta khi đọc các con số biết nói này./.

V.V.H

Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã mang lại nhiều kết quả thiết thực. Đây cũng là công cụ hữu hiệu trong cải cách hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại

ISO hành chính - Công cụ hiệu quả góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại

Trần Thiềm
Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Nhằm hướng đến xây dựng một nền hành chính hiện đại, dân chủ, trong sạch, vững mạnh, việc sử dụng công cụ phù hợp là rất quan trọng. Trong khá nhiều các mô hình quản lý có thể đưa vào áp dụng trong các cơ quan hành chính, hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 là một lựa chọn thích hợp.

Áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCNN), về lâu dài, là nhằm tạo ra một phương pháp làm việc khoa học (như là một công cụ quản lý mới), góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các quá trình thực thi nhiệm vụ (tức giải quyết các công việc) nhằm đáp ứng các yêu cầu, nguyện vọng của công dân (dưới danh nghĩa tổ chức hay cá nhân) và phù hợp với các chế định (gồm hệ thống pháp quy và các quy định khác phải thực hiện). Đây là một quá trình về bản chất là một sự thay đổi về tư duy và phương pháp làm việc.

Thực hiện Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các CQHCNN, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động các CQHCNN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2010 (Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 29/01/2007).

Thực hiện Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 quy định áp

dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động các CQHCNN, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động các CQHCNN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2013 (Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 25/01/2011).

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND phường, xã, thị trấn giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 2446/QĐ-UBND 03/11/2014).

Qua 13 năm thực hiện Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006, Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 và Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, việc áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 vào cơ quan hành chính của tỉnh Quảng Trị đã mang lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ đắc lực mục tiêu CCHC của tỉnh.

Cho đến nay, 44 (100%) cơ quan hành chính thuộc đối tượng bắt buộc đã triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, bao gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh; UBND cấp huyện (10 cơ quan); Hệ thống các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh (19 cơ quan); Hệ thống các Chi cục trực thuộc Sở, ngành (13 cơ quan).

Đối với hệ thống UBND cấp xã được khuyến khích áp dụng. Cho đến nay có 120/141 UBND phường, xã, thị trấn đã triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu

Tập huấn triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động UBND phường, xã, thị trấn. Ảnh: Hải Yến

chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Việc áp dụng HTQLCL trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đã mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể như sau:

Đã xây dựng được các quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hoá quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của doanh nghiệp, địa phương, cơ sở; giảm các tác động tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức khi giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân. Góp phần tích cực trong việc thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" theo quy định của Chính phủ; chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính công được nâng cao; từng bước tạo được lòng tin và sự hài lòng của người dân khi đến CQHCNN.

Về phía lãnh đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng và áp dụng HTQLCL: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị điều hành công việc nội bộ trôi chảy và có hiệu quả hơn nhờ thiết lập cơ chế giải quyết công việc rành mạch và thống nhất, xác định rõ trách nhiệm của lãnh đạo và cán bộ, công chức trong quá trình xử lý công việc; đặc biệt, đối với cơ quan, đơn vị áp dụng công nghệ thông tin trong điều hành xử lý công việc. Lãnh đạo cơ quan không cần phải thường xuyên có mặt tại cơ quan vẫn điều hành và nắm được tình hình công việc ở mọi nơi, mọi lúc. Lãnh đạo cơ quan, đơn vị kiểm soát được toàn bộ quá trình xử lý công việc tại cơ quan, đơn vị; nắm rõ công việc ai đang làm, có đúng tiến độ hay không; hạn chế được cách thức giải quyết công việc tuỳ tiện theo chủ quan của cán bộ, công chức.

Về phía cán bộ, công chức: Được đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; được làm việc trong môi trường ngày càng tốt hơn. Được phân công rõ ràng trách nhiệm trong quá trình xử lý công việc tại cơ quan, đơn vị; được đánh giá năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm khách quan hơn. Việc áp dụng HTQLCL đối với các quy trình nội bộ của cơ quan, đơn vị giúp cán bộ, công chức thực hiện trách nhiệm, quyền lợi của mình đúng nơi, đúng người có thẩm quyền phê duyệt.

Về phía các tổ chức, công dân (người thụ hưởng kết quả của việc áp dụng HTQLCL): Tại UBND các cấp và các cơ quan chuyên môn trực thuộc, việc xây dựng, áp dụng HTQLCL đối với các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân đã thực sự đem lại hiệu quả, đặc biệt là trong các lĩnh vực được coi là vấn đề nhạy cảm đối với xã hội hiện nay như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp giấy khai sinh, chứng thực... Các TTHC đều có quy trình xử lý công việc công khai, minh bạch; quy định rõ các loại giấy tờ cần phải có trong hồ sơ; quy định thời gian xử lý và trả kết quả, làm cho người dân không mất nhiều thời gian đi lại, chờ đợi, sự hài lòng về chất lượng dịch vụ công ngày càng cao hơn. Áp dụng HTQLCL làm giảm thiểu sự nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Tổ chức, người dân đến cơ quan nhà nước đã được hướng dẫn, trả kết quả xử lý đúng hẹn... là một bước tiến rất quan trọng trong tiến trình cải cách TTHC.

Ngoài ra việc áp dụng HTQLCL đối

với các lĩnh vực liên quan đến giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân còn là biện pháp để kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên thực tế các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là với các quy định về thời gian xử lý hồ sơ, về phí, lệ phí, về việc áp dụng thống nhất các biểu mẫu... từ đó nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi hoặc sửa đổi cho phù hợp với đặc điểm từng địa phương, ban ngành, tránh bị chồng chéo, rườm rà các thủ tục, giấy tờ không cần thiết. Đây chính là một nội dung đáp ứng mục tiêu đơn giản hoá TTHC của Đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc xây dựng, áp dụng HTQLCL vào hoạt động của CQHCNN một cách có hiệu lực, hiệu quả là một trong những biện pháp thúc đẩy công cuộc CCHC của Chính phủ. Qua khảo sát, đánh giá thực trạng tại các cơ quan hành chính đã và đang xây dựng HTQLCL có thể thấy rằng, chủ trương áp dụng HTQLCL vào hoạt động các cơ quan hành chính là hoàn toàn đúng đắn. Việc xây dựng và áp dụng HTQLCL trong cơ quan hành chính nếu được kết hợp với TTHC "một cửa" và công nghệ thông tin thì hiệu quả rất cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số vấn đề còn tồn tại trong quá trình triển khai như:

Một số cơ quan hành chính, trong quá trình triển khai áp dụng, duy trì, cải tiến, chưa thấu hiểu các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với từng lĩnh vực hoạt động tại đơn vị mình; còn chậm khắc phục các điểm không phù hợp, chưa đưa ra các giải pháp cải tiến sau kiểm tra, đánh giá nội bộ, họp xem xét lãnh đạo. Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL chưa thường xuyên, kịp thời. Các phòng chuyên môn; cán bộ, công chức chưa thực sự tích cực vận hành HTQLCL do đó phần nào đã làm hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

Sự thành công của việc áp dụng HTQLCL vào hoạt động của mỗi CQHCNN chủ yếu được quyết định bởi sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo các cấp, ý chí quyết tâm của lãnh đạo cơ quan, sự nhận thức đúng đắn về HTQLCL của lãnh đạo và cán bộ trong đơn vị. Tiêu chuẩn ISO 9001 là một công cụ tốt, hữu ích có thể giúp người lãnh đạo cao nhất sử dụng để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn này có thành công hay không phụ thuộc chủ yếu vào vai trò của người lãnh đạo cao nhất của CQHCNN. Nếu lãnh đạo cao nhất thực sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt, vận dụng việc áp dụng hợp lý thì sẽ có hiệu quả lớn. Ngược lại, nếu người lãnh đạo cao nhất không quan tâm, không sát sao thì có thể dẫn tới việc phản tác dụng trong quá trình áp dụng. Việc áp dụng sẽ trở nên nặng nề, mang tính hình thức và làm giảm năng suất thực hiện công việc.

Các thủ tục/quy trình mà ISO bắt buộc phải lập văn bản, như Kiểm soát tài liệu, Kiểm soát hồ sơ, Kiểm soát sản phẩm/dịch vụ không phù hợp, Thực hiện hành động khắc phục phòng ngừa, Đánh giá nội bộ... một số cơ quan còn xem nhẹ việc áp dụng các thủ tục này trong khi các thủ tục này chính là xương sống của ISO 9001.

Qua kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm về tình hình triển khai áp dụng HTQLCL cho thấy, việc duy

trì, cải tiến HTQLCL tại một số cơ quan hành chính còn mang tính hình thức, thậm chí tại một số cơ quan hệ thống quản lý đã được xây dựng không được duy trì, cải tiến thường xuyên.

Kinh phí phục vụ cho việc duy trì và cải tiến HTQLCL theo quy định không được các cơ quan hành chính lập dự toán, bố trí hàng năm đã làm ảnh hưởng đến việc duy trì và cải tiến HTQLCL.

Để HTQLCLCT theo ISO 9001 thực sự là một công cụ hiệu quả góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, trong thời gian tới cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Lãnh đạo các cơ quan hành chính và Ban ISO cần có biện pháp thích hợp để áp dụng triệt để HTQLCL vào các hoạt động của cơ quan. Cần có biện pháp cụ thể để nâng cao nhận thức về chất lượng của CBCC và tăng cường hiệu lực áp dụng của hệ thống. Đây là công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động của cơ quan áp dụng và các đơn vị cơ quan liên quan, đòi hỏi sự thống nhất về ý chí và hành động từ lãnh đạo cao nhất đến mọi thành viên trong cơ quan cùng với sự phối hợp của cấp uỷ và lãnh đạo các đoàn thể.

Các cơ quan hành chính cần thực hiện nghiêm túc việc công bố, duy trì và cải tiến HTQLCL. Việc đánh giá chỉ số CCHC đối với việc áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính hàng năm dựa trên các bằng chứng về công bố HTQLCL, kế hoạch và kết quả thực hiện duy trì và cải tiến HTQLCL: đánh giá chất lượng nội bộ, kiểm soát sản phẩm/văn bản không phù hợp, hành động khắc phục và phòng ngừa, kiểm soát tài liệu…

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo ISO hành chính của tỉnh tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ triển khai xây dựng và áp dụng HTQLCL trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được phê duyệt (đến năm 2020, 100% UBND phường, xã, thị trấn hoàn thành triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015). Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi HTQLCL theo phiên bản TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan hành chính thuộc tỉnh đang áp dụng HTQLCL theo phiên bản TCVN ISO 9001:2008. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về áp dụng HTQLCL vào hoạt động của các CQHCNN. Đầu mối hướng dẫn nghiệp vụ các cơ quan hành chính xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch chung của tỉnh. Căn cứ mô hình khung HTQLCL, phổ biến, hướng dẫn để UBND các cấp, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện áp dụng. Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao nhận thức về HTQLCL, đặc biệt hoạt động duy trì và cải tiến HTQLCL cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tổ chức đào tạo cán bộ, công chức và sử dụng cán bộ, công chức đủ năng lực để giúp tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL. Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính.

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục nghiên cứu, chuẩn hóa bộ tài liệu ISO để áp dụng cho phù hợp và hiệu quả hơn đối với CQHCNN; có những quy định cụ thể về việc kết nối xây dựng, áp dụng HTQLCL theo phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015 với Đề án đơn giản hóa TTHC, cơ chế một cửa,

(Xem tiếp trang 93)

Trên quan điểm cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm; với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh định hướng cơ cấu, phương pháp xác định nhiệm vụ và cơ chế quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trên địa bàn.

Những định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2018-2020

Lê Thanh Nam
Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học
Sở Khoa học và Công nghệ

Ở tỉnh Quảng Trị trong những năm qua, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã có những chuyển biến tích cực, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được chú trọng, năng suất và chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên. Bước đầu hình thành một số mô hình sản xuất trang trại nông - lâm kết hợp, sản xuất theo hướng hàng hóa và phát triển một số cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao; an toàn lương thực được đảm bảo, nâng cao đời sống cho người nông dân. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế, yếu kém đó là cơ cấu kinh tế nông nghiệp và ngành nghề nông thôn dịch chuyển chậm; sử dụng đất chưa hợp lý, sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu ổn định, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán; trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh kém. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là sử dụng giống mới, kỹ thuật canh tác bền vững, sản xuất gắn kết với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa còn hạn chế. Việc bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch chưa được quan tâm, đầu ra của các loại nông sản chưa ổn định, thu nhập của người lao động thấp và chịu nhiều rủi ro.

Thực hiện chủ trương chung của cả nước triển khai Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị đã có Kế hoạch hành động số 928/KHHĐ-SNN ngày 11/9/2013 và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 09/10/2013. Theo đó, xác định khoa học và công nghệ là giải pháp đột phá nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, là nhân tố then chốt để chuyển đổi sản xuất từ số lượng sang lấy chất lượng và giá trị làm mục tiêu phát triển.

Cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ đang tích cực triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015).

Trên quan điểm cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm; với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh định hướng cơ cấu, phương pháp xác định nhiệm vụ và cơ chế quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng sau:

Đồng chí Nguyễn Quân Chính, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phát biểu tại Phiên họp Hội đồng KH&CN cấp tỉnh. Ảnh: Tư liệu

Định hướng chung về xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trong quá trình xây dựng nhiệm vụ thực hiện theo cơ cấu sau đây: Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao,

các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, cơ cấu ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án khoa học và công nghệ về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng nhằm nâng cao giá trị và tính cạnh tranh của các sản phẩm đó theo yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp.

Điều chỉnh cơ cấu hợp lý giữa nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ với tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Trị.

Cơ cấu, sắp xếp lại các chương trình khoa học và công nghệ theo hướng: lồng ghép một số chương trình hoặc nội dung thuộc chương trình khoa học và công nghệ vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh hợp lý số lượng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản; nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và đề án khoa học.

Các hướng nghiên cứu chủ yếu từ năm 2018-2020

Ưu tiên những nhiệm vụ liên quan nghiên cứu ứng dụng trong sản xuất và đời sống, có tính ứng dụng cao, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đảm bảo tính mới, tính khoa học; các nghiên cứu liên quan chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Hạn chế tối đa các đề xuất nghiên cứu nặng về báo cáo, tổng hợp phục vụ công tác chuyên môn của các sở, ban, ngành, cơ quan nhà nước.

Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến để cơ giới hóa nông nghiệp, tự động hóa hướng đến phát triển nền nông nghiệp 4.0 là một trong những ưu tiên lựa chọn nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2018-2020. Ảnh: Tư liệu

Tập trung cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm phát triển các sản phẩm hàng hóa, tạo dựng thương hiệu để phát triển thông qua việc chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản của Quảng Trị. Đồng thời chú trọng nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến để cơ giới hóa nông

nghiệp, tự động hóa hướng đến phát triển nền nông nghiệp 4.0 nhằm hỗ trợ người nông dân trong sản xuất, canh tác và tạo ra hàng hóa sản phẩm tốt, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu tác động xấu của môi trường.

Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm chế biến từ nông sản (cây, con) có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, hướng theo các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, các sản phẩm tiềm năng. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến chế biến nâng cao giá trị các sản phẩm dược liệu tạo tiền đề cho phát triển tiềm năng cây dược liệu Quảng Trị, kể cả các nghiên cứu điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng và triển vọng phát triển cây dược liệu tại Quảng Trị.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ lực của từng địa phương, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất tăng năng suất và chất lượng đối với cây trồng, vật nuôi, hình thành các mô hình sản xuất trang trại nông - lâm kết hợp, sản xuất theo hướng hàng hóa và phát triển một số cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao; an toàn lương thực được đảm bảo, nâng cao đời sống cho người nông dân. Lưu ý việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là sử dụng giống mới, kỹ thuật canh tác bền vững, sản xuất gắn kết với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa, công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch, các giải pháp về thị trường đầu ra cho các loại nông sản.

Đối với nhiệm vụ khoa học về điều tra cơ bản, cần thu thập, tổng kết và số hóa các cơ sở dữ liệu nghiên cứu trước đây để làm cơ sở khoa học phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Quảng Trị.

Các đề xuất đặt hàng cần được xem xét đánh giá kỹ, có cam kết sử dụng kết quả nghiên cứu khi kết thúc và đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành.

Cùng với định hướng đó, việc thực hiện xã hội hóa trong hoạt động nghiên cứu khoa học, huy động các nguồn lực trong xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, định hướng liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh dần hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học với doanh nghiệp và các tổ chức khác để xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tiễn, các tổ chức, cá nhân đề xuất, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở theo Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh. Như vậy việc xác định, xem xét lựa chọn, phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được tiến hành liên tục trong năm theo các tiêu chí quy định trong quy chế và định hướng cụ thể nêu trên./.

L.T.N

Sau 30 năm từ khi tái lập tỉnh (1989-2019), hệ thống sở hữu trí tuệ và hoạt động sở hữu trí tuệ luôn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà. Trong xu thế hội nhập sâu và toàn diện như hiện nay, sở hữu trí tuệ luôn khẳng định vai trò không thể thiếu trong chính sách phát triển các ngành kinh tế - xã hội, từ công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa đến y tế, giáo dục, môi trường..

Hệ thống sở hữu trí tuệ và hoạt động sở hữu trí tuệ sau khi tái lập tỉnh Quảng Trị 1989-2019

Lê Dinh
Trưởng phòng Quản lý chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ

Hệ thống sở hữu trí tuệ được hiểu là tập hợp các quyền sở hữu trí tuệ và các chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Hệ thống sở hữu trí tuệ mang tính quốc gia vì nó phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội riêng biệt của từng quốc gia.

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống sở hữu trí tuệ ở cấp Trung ương gồm ba lĩnh vực chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý của ba bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ (quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp và là cơ quan đầu mối quản lý chung về sở hữu trí tuệ, cơ quan đầu mối là Cục Sở hữu trí tuệ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan, cơ quan đầu mối là Cục Bản quyền tác giả); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng; cơ quan đầu mối là Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng thuộc Cục Trồng trọt).

Ở các địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thông qua các cơ quan chuyên môn giúp việc tương ứng là các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại địa phương theo thẩm quyền.

Trên cơ sở Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 cùng với 17 nghị định quy định chi tiết, 19 thông tư và thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành góp phần đưa các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn của các điều ước quốc tế mà còn tiến gần hơn đến hệ thống sở hữu trí tuệ của nhiều nước tiên tiến trên thế giới.

Ngày 01/7/1989 tỉnh Bình Trị Thiên tách thành ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; Ngày 01/11/1993,

UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UB về việc đổi tên Ban Khoa học và Kỹ thuật thành Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Ngày 16/9/2003, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1946/2003/QĐ-UBND đổi tên Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Trị thành Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Ngày 10/4/2009, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó cơ cấu tổ chức hình thành phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ - An toàn bức xạ hạt nhân, biên chế 02 cán bộ; Ngày 25/6/2015, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó cơ cấu tổ chức phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ - An toàn bức xạ hạt nhân đổi thành phòng Quản lý Chuyên ngành, biên chế 03 cán bộ.

Quảng Trị trong thời gian qua đã tiến hành xây dựng các văn bản xúc tiến hoạt động, quản lý và hỗ trợ thúc đẩy hoạt động về lĩnh vực này, đó là: Quyết định số 948/2005/QĐ-UBND ngày 19/5/2005 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định tạm thời chính sách hỗ trợ xác lập Quyền sở hữu công nghiệp; Chỉ thị số 622/CT-UBND ngày 28/3/2006 của UBND tỉnh về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất - Chất lượng - Hội nhập giai đoạn 2010-2015, trong đó dành riêng Mục II.1 "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thiết kế, đăng ký, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu công nghiệp"; Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 20/07/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu

Hội thảo Sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động quản lý về lĩnh vực này.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm cung cấp thông tin, giới thiệu cơ chế chính sách về xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ được

Đồng chí Nguyễn Quân Chính - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị và đồng chí Phan Ngân Sơn - Phó Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ trao Giấy chứng nhận và hoa cho 9 đơn vị được cấp giấy chứng nhận Nhãn hiệu tập thể, Nhãn hiệu chứng nhận các sản phẩm mang yếu tố địa danh. Ảnh: Tư liệu

các cấp, các ngành triển khai, thực hiện đều hàng năm: Hội nghị tập huấn hướng dẫn đăng ký và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; Hội nghị bảo hộ và thực thi quyền Sở hữu công nghiệp; Hội nghị bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc sản địa phương; Hội nghị hướng dẫn các thủ tục Hồ sơ đăng ký xác lập quyền về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp diễn ra thường xuyên với nhiều đối tượng trên địa bàn tham gia; Tổ chức tập huấn triển khai các văn bản quy định nhà nước (Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ về sử đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan; Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan), tuyên truyền Chuyên mục "Trang Công Thương Quảng Trị" trên sóng truyền hình Quảng Trị hàng tháng... nhằm nâng cao nhận thức và ý thức về pháp luật sở hữu trí tuệ... Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 hàng năm bằng các hoạt động (Hội thảo, Hội nghị, Bài viết, thông tin, in ấn và xuất bản (Sổ tay hướng dẫn đăng

ký nhãn hiệu, Cẩm nang sở hữu công nghiệp) và nhiều ấn phẩm (poster) để cổ động và tuyên truyền. Chương trình tuyên truyền và phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát và Truyền hình Tỉnh vừa đa dạng về nội dung và phong phú về hình thức thể hiện, đã phát hành, trong số 92 bản tin, 52 phóng sự và 12 tọa đàm với nội dung tuyên truyền, phát hiện các tình huống vi phạm pháp luật Sở hữu trí tuệ, cách xử lý; phản ánh về hiệu quả ứng dụng của sở hữu trí tuệ trong mọi lĩnh vực của cuộc sống nhất là đối với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, xây dựng thương hiệu của các ngành nghề bước đầu đã nâng cao nhận thức và ý thức về vai trò vị trí và tác dụng của hoạt động sở hữu trí tuệ đối với công chúng địa phương.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật Sở hữu trí tuệ với nhiều phương thức thực hiện và hình thức thể hiện phần nào đã giúp cho người dân, cộng đồng ở địa phương ngày càng hiểu hơn và nhận thức đầy đủ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ trong việc chấp hành đầy đủ các cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường góp phần thiết thực và đem lại giá trị kinh tế cho địa phương.

Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành đặt nền móng pháp lý cho việc thiết lập cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bộ máy vận hành áp dụng. Luật Sở hữu trí tuệ có hiệu lực, các loại đơn xác lập quyền sở hữu công nghiệp mà Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) tiếp nhận tăng trung bình mỗi năm khoảng 10%-15%; xác lập quyền đối với giống cây trồng, Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tiếp nhận 927 đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng và cấp 432 Bằng bảo hộ đối với giống cây trồng; về xác lập quyền tác giả và quyền liên quan, theo quy định của pháp luật, đăng ký các quyền này không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả và quyền liên quan. Số liệu tính đến hết năm 2015, Cục Bản quyền tác giả đã thụ lý và cấp 43.450 Giấy chứng nhận đăng ký, trong đó có 43.321 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; 129 Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (nguồn tư liệu từ Cục Sở hữu trí tuệ).

Đối với Quảng Trị từ năm thành lập tỉnh 1989 đến 31/12/2018 tổng số các đơn nhãn hiệu hàng hóa mà Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận là 388 Đơn và số văn bằng cấp là 197 văn bằng; Trong đó từ 1989 đến 2004 tổng số các đơn nhãn hiệu hàng hóa mà Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận là 23 Đơn và số văn bằng cấp là 07 văn bằng; Từ năm 2005 đến 2009 là 72 Đơn và số văn bằng cấp là 54 văn bằng nhãn hiệu; Từ năm 2010 đến 2014 là 107 Đơn và số văn bằng cấp là 54 văn bằng; Từ năm 2015 đến 2018 là 186 Đơn và số văn bằng cấp là 82 văn bằng. Tổng số Đơn trong 15 năm đầu 1989 đến 2004 so với 15 năm sau từ 2005 đến 2018 là 23/365 Đơn, số văn bằng cấp 07/190 Văn bằng; mặt khác số Đơn từ 2010 đến 2014 so với 2015 đến 2018 là 107/186 Đơn, số văn bằng cấp là 54/82 Văn bằng. Như vậy số Đơn 05 năm gần đây tăng 73,8% và số văn bằng cấp tăng 33,4 %, đều này phản ánh sự tiến bộ vượt trội trong việc xác lập quyền về sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua; Về xác lập quyền tác giả và quyền liên quan đến nay Quảng Trị có 16 tác giả, nhóm tác giả đăng ký cấp bản quyền tác phẩm, Quảng Bình có 04 tác giả, nhóm tác giả đăng ký cấp bản

quyền tác phẩm; Thừa Thiên Huế có 07 tác giả, nhóm tác giả đăng ký cấp bản quyền tác phẩm; Về xác lập quyền đối với giống cây trồng đến nay Quảng Trị chưa có văn bằng nào, Quảng Bình và Thừa Thiên Huế mỗi tỉnh có 01 văn bằng (nguồn tra cứu thông tin).

Công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực sở hữu trí tuệ luôn được chú trọng; các đơn vị chức năng tích cực trong công tác phối hợp kiểm tra, thanh tra giải quyết đơn khiếu nại về sở hữu công nghiệp góp phần bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lợi ích nhà nước. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về chức vụ và kinh tế (PC46) - Công an tỉnh, Sở Công thương, Chi cục Quản lý thị trường, Cục Hải quan tỉnh đã tiến hành kiểm tra vi phạm về nhãn hiệu hàng hóa trên địa bàn và đã đề xuất UBND tỉnh ban hành Quyết định số 400/QĐ-CT ngày 19/03/2013 của Chủ tịch tỉnh về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, số tiền xử phạt 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Chi cục Quản lý thị trường tỉnh đã phối hợp với các doanh nghiệp - chủ sở hữu nhãn hiệu tăng cường công tác nắm tình hình, kiểm tra, xử lý hàng giả, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ trên địa bàn. Kết quả tổng số vụ kiểm tra là 2.182 vụ, Phát hiện hành vi vi phạm: 822 hành vi; Tổng trị giá hàng hoá tạm giữ, tịch thu và xử phạt vi phạm hành chính: 7.384.976.000 đồng. Trong đó: Trị giá hàng hóa: 5.436.320.000 đồng, xử phạt vi phạm hành chính: 1.948.656.000 đồng (Trích báo cáo của Cục Quản lý Thị Trường); Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra bản quyền tác giả tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở bán hàng lưu niệm, văn hóa phẩm; qua kiểm tra trong lĩnh vực in ấn đã có 10 trường hợp về các tác phẩm nhiếp ảnh, mỹ thuật trên các ấn phẩm đặc san, báo chí, tập thơ - văn, trưng bày các tác phẩm nhiếp ảnh... không xin phép tác giả, không trả nhuận bút, không tặng ấn phẩm cho tác giả đã có nhiều đối tượng vi phạm, kiểm tra 267 cơ sở đã có 23 cơ sở bị xử lý hành chính phạt cảnh cáo (Trích báo cáo của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Quảng Trị); Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, đã đấu tranh phát hiện, bắt giữ và xử lý 544 vụ vi phạm pháp luật về hải quan, trị giá hàng phạm pháp 8,196 tỷ đồng; trong đó nổi bật là đơn vị đã Quyết định khởi tố hình sự 2 vụ buôn lậu qua cửa khẩu Lao Bảo; thực hiện kiến nghị khởi tố hình sự 03 vụ vận chuyển hàng cấm và lâm sản trái phép (thuốc lá, pháo nổ, gỗ); 05 vụ gian lận thương mại hàng xuất khẩu, trị giá hàng hóa khai khống là 2,23 tỷ đồng.

Trong khuôn khổ của Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục Sở hữu trí tuệ; Quảng Trị đã được hỗ trợ thực hiện và hoàn thành dự án: "Xác lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Quảng Trị" và được cấp Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý theo Quyết định số 3875/QĐ-SHTT của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; mặt khác, trong khuôn khổ của Chương trình Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện 02 Dự án "Tuyên truyền và phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thành và Truyền hình tỉnh" và dự án: "Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Khe Sanh" cho sản phẩm cà phê chè

vùng Hướng Hóa". Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành tư vấn và hỗ trợ kinh phí cho các chủ thể là Hợp tác xã, tổ chức hội các đoàn thể, tổ chức quản lý trên địa bàn xác lập 17 nhãn hiệu tập thể và 05 nhãn hiệu chứng nhận mang yếu tố địa danh trên địa bàn tỉnh, bước đầu đã tạo dấu ấn về vai trò

Nhãn hiệu tập thể "Khe Sanh" cho sản phẩm cà phê chè vùng Hướng Hóa

của sở hữu trí tuệ đối với việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tuy vậy, nhìn lại cơ cấu tổ chức chung của hệ thống sở hữu trí tuệ ở nước ta tồn tại không ít hạn chế, hệ thống văn bản pháp luật vẫn tương đối cồng kềnh và phức tạp, gồm nhiều tầng, nấc với các văn bản hướng dẫn thi hành khác nhau; mô hình ba cơ quan phụ trách ba lĩnh vực khác nhau về quyền sở hữu trí tuệ ít nhiều phản ánh tính đồng bộ và thống nhất trong quy định giữa các văn bản pháp luật chưa cao; một số quy định chưa chi tiết, rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu và thi hành khác nhau; một số quy định còn thiếu tính khả thi, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ trong thời gian tới cần tăng cường thông tin, tuyên truyền các cơ chế chính sách về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức tập huấn, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho cán bộ chuyên môn, chủ doanh nghiệp về các chính sách, pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hướng dẫn xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp thông qua chính sách hỗ trợ xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025.

Tăng cường phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương (các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chi cục Quản lý thị trường,...) trong việc kiểm tra, thanh tra, chống hàng giả, chống gian lận thương mại, chống vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng, giải quyết tranh chấp xãy ra trên địa bàn./.

L.D

Qua thời gian 30 năm kể từ khi thành lập tỉnh đến nay (1989-2019), cùng với hoạt động của ngành khoa học và công nghệ của tỉnh nhà nói chung thì hoạt động khoa học và công nghệ của các huyện, thị xã, thành phố (KH&CN cấp huyện) ngày càng được cũng cố và phát triển.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN
30 năm nhìn lại một chặng đường phát triển

Tạ Sáu
Trưởng phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở
Sở Khoa học và Công nghệ

Những năm của thập niên 80, 90 của thế kỷ XX, hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện chưa được quan tâm đúng mức, việc xây dựng bộ máy tổ chức chưa được kiện toàn. Nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực KH&CN cấp huyện do phòng Kinh tế là cơ quan tham mưu cho UBND huyện trong lĩnh vực này, nhưng chưa có quy định về chức năng nhiệm vụ cụ thể, chưa thành lập được các Hội đồng khoa học cấp huyện. Nguồn ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện đầu tư cho sự nghiệp khoa học (SNKH) còn rất hạn chế, nếu có thì được đầu tư vào các mô hình sản xuất nông nghiệp và một số chính sách về khuyến nông, khuyến công hoặc hỗ trợ một phần cho hoạt động tuyên truyền tập huấn chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là chủ yếu; Công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ ở địa phương đều do Chi cục Tiêu chuẩn Đo Lường Chất lượng và phòng chuyên môn thuộc Sở KH&CN trực tiếp triển khai thực hiện.

Bước sang giai đoạn từ năm 2000 cho đến nay về mặt cơ cấu tổ chức đã được kiện toàn, phòng chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn huyện là Phòng

Kinh tế hoặc Kinh tế - Hạ tầng. Lãnh đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn huyện là Trưởng hoặc Phó trưởng phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng. Cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN là 01 chuyên viên kiêm nhiệm, chỉ riêng huyện Vĩnh Linh có bố trí 01 biên chế chuyên trách về KH&CN. Trong thời gian này các Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện, thị xã, thành phố (Hội đồng KH&CN cấp huyện) Đông Hà và huyện Hải Lăng). Thành viên Hội đồng KH&CN cấp huyện là các đồng chí lãnh đạo các phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp & PTNT, phòng Giáo dục, Trung tâm Y tế, Hội Nông dân và lãnh đạo các Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông huyện. Hội đồng KH&CN cấp huyện đã tư vấn tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành quy chế hoạt động về KH&CN cấp huyện, trong đó nêu rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và

Hội nghị Sơ kết 6 tháng hoạt động KH&CN cấp huyện. Ảnh: Tư liệu

được thành lập và liên tục điều chỉnh, bổ sung: Đã có 9/10 huyện thành lập Hội đồng KH&CN cấp huyện (trừ huyện Đảo Cồn Cỏ). Số lượng thành viên Hội đồng KH&CN ở các huyện dao động từ 10-13 thành viên, trong đó Hội đồng có số lượng thành viên nhiều nhất là Gio Linh (13 người), thấp nhất là Vĩnh Linh (10 người). Phần lớn Chủ tịch Hội đồng là các đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện (07 huyện), cũng có huyện cử Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng (Thành phố phương thức hoạt động của Hội đồng. Nhờ vậy, Hội đồng KH&CN cấp huyện đã làm tốt công tác tư vấn, phản biện khoa học, phản biện xã hội, đóng góp nhiều ý kiến cho các đề án, dự án phát triển KT-XH của huyện và đề xuất chủ trì thực hiện nhiều nhiệm vụ KH&CN các cấp để giải quyết kịp thời các vấn đề cấp thiết ở địa phương.

Về cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành KH&CN đã được Lãnh đạo tỉnh quan tâm đúng mức, năm 2011, Ủy

ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND, ngày 20/7/2011 Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đến năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 17/12/2017 về chính sách hỗ trợ, ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2025. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1569/KH-UBND ngày 11/7/2018 về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 17/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu trên. Đây là một trong những chủ trương về hỗ trợ chính sách có tính đột phá và kịp thời, nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh nói chung và các huyện nói riêng, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH ở địa phương.

Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ cấp kinh phí hỗ trợ cho hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN cho các huyện, thị xã và thành phố, với mức hỗ trợ bình quân 40 triệu đồng/huyện/năm. Số kinh phí này tuy không nhiều, nhưng đây lại là nguồn để chủ động phục vụ kịp thời cho công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp huyện.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Quảng Trị kiểm tra thực địa mô hình "Sản xuất thử nghiệm cây chè vằng tạo sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh". Ảnh: Sỹ Tiến.

Ngoài ra, nguồn kinh phí ngân sách cấp huyện cũng được bố trí đầu tư cho phát triển KH&CN, bình quân mỗi huyện đầu tư từ 200-300 triệu đồng/năm nhằm hỗ trợ xây dựng các đề tài/dự án cơ sở, các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN mới, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ; tổ chức các cuộc thi sáng kiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích; xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và nhãn

hiệu chứng nhận của một số mặt hàng hóa đặc sản chủ lực của địa phương,... Nhưng từ năm 2017 đến nay, khi Luật ngân sách nhà nước năm 2015 có hiệu lực (năm 2017) thì ngân sách cấp huyện không bố trí cho KH&CN được nữa, nên các hoạt động nghiên cứu ứng dụng ở cơ sở có phần chững lại.

Tuy nguồn nhân lực và ngân sách đầu tư về tiềm lực KH&CN cũng như chính sách về tài chính còn hạn hẹp, nhưng với sự nỗ lực quyết tâm của cả hệ thống chính trị và toàn ngành trong thời gian qua hoạt động KH&CN cấp huyện đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ mà chúng ta có thể điểm lại một số nét nổi bật như sau:

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đã được lãnh đạo Sở KH&CN cũng như các huyện, thị xã, thành phố xác định đây là hoạt động ưu tiên hàng đầu và đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức các lớp tập huấn và trực tiếp hướng dẫn, nhằm nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn. Hàng năm Sở KH&CN tổ chức 1-2 đợt tham gia học tập kinh nghiệm công tác quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện tại các tỉnh bạn.

Công tác thông tin thống kê về KH&CN về cơ sở ngày càng được chú trọng, Sở KH&CN đã đầu tư thực hiện dự án hỗ trợ xây dựng các điểm thông tin KH&CN cho 20 xã; tăng cường viết và đăng báo, tạp chí, ấn phẩm, tin tức, phóng sự truyền hình chuyên mục KH&CN để phổ biến kiến thức về KH&CN; xây dựng phần mềm về thống kê KH&CN, phần mềm quản lý nguồn bức xạ, thiết bị bức xạ, quản lý phương tiện đo nhóm 2, kiểm tra đo lường đối với chất lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

Đồng chí Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN kiểm tra thực địa mô hình trồng nấm Linh chi đỏ tại Gio Linh. Ảnh: Tư liệu

Kinh phí đầu tư sự nghiệp khoa học ngày càng được tăng lên, Sở KH&CN cũng đã đầu tư như hỗ trợ máy vi tính, máy chiếu phục vụ hoạt động hành chính và triển khai các chương trình, đề tài/ dự án nghiên cứu khoa học và phát triển

công nghệ như: Chương trình phát triển hầm ủ khí khí sinh học Biogas; Chương trình xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp đạt giá trị 50 triệu đồng/ha; Chương trình nghiên cứu, sản xuất các giống lúa chất lượng cao... Việc tổ chức thực hiện các đề tài/dự án KH&CN cơ sở (nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở) với yêu cầu kết quả của nhiệm vụ phải có tính ứng dụng cao và có địa chỉ nhân rộng cụ thể. Bởi vậy, đã có nhiều đề tài/dự án KH&CN các cấp nghiên cứu trong

cách nghiêm túc, các nhiệm vụ tập trung vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến sâu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, nhằm làm tăng chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa từ khâu sản xuất đến việc chế biến sâu thành các sản phẩm hàng hóa có đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, vệ sinh an toàn thực phẩm và đã được thương mại hóa trên thi trường như: Chè vằng hòa tan nhãn hiệu TRALAVANG, Cà gai leo-Linh chi hòa tan

Các sản phẩm chế biến sâu đã được đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, vệ sinh an toàn thực phẩm và thương mại hóa trên thị trường. Ảnh: Tư liệu.

lĩnh vực sản xuất nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp dịch vụ và lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn đã được triển khai nhân rộng đem lại hiệu quả bước đầu thiết thực ở các địa phương.

Với phương châm đưa KH&CN về cơ sở, không ngừng tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng, từ năm 2016 đến nay bình quân mỗi năm Sở KH&CN phê duyệt và triển khai thực hiện từ 7-10 đề tài/dự án, với tổng mức kinh phí đầu tư bình quân gần 2 tỷ đồng/năm. Việc lựa chọn danh mục và tổ chức thẩm định một

CAGALI, tỏi đen và rượu tỏi đen Winner, Linh chi hòa tan Đất Lửa, Nhộng trùng thảo, Tinh bột nghệ hòa tan QT-Stac, chế phẩm vi sinh QT-Mic, Trichoderma... Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cơ sở như mô hình sản xuất mướp đắng trong nhà lưới, trồng nấm dược liệu, nuôi tôm thẻ chân trắng 02 giai đoạn, hoa lily thương phẩm và một số cây dược liệu mới như cây Chè vằng, Trạch tả, Ngưu tất... đã được nhân rộng và đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế ở các địa phương.

Trong việc phát triển ngành nghề nông thôn, nhờ đẩy mạnh hoạt động KH&CN trong sản xuất ở các huyện, đồng thời kết hợp với nhiều chương trình, dự án hỗ trợ như Chương trình 134, 135, 30a, Chương mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới,… Do vậy, trong những năm gần đây nhiều ngành nghề nông thôn được khôi phục như: nghề nấu rượu, thêu ren, dệt thổ cẩm, sản xuất nón lá, nước mắm, bánh ướt,... và theo đó nhiều ngành nghề mới như nghề nấu Cao dược liệu - Định Sơn, mứt gừng và chổi đót - Mỹ Chánh, sản xuất tinh bột nghệ,... cũng bắt đầu hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được triển khai thực hiện thường xuyên; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã được tổ chức nhiều lớp tập huấn, phổ biến kiến thức tại nhiều địa phương, doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với các mặt hàng hóa như xăng dầu, khí hóa lỏng, đồng hồ tắcximét, đồng hồ nước, cân điện tử, thiết bị điện, điện tử dân dụng, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, vàng bạc,...; chủ động phối hợp với cơ quan Y tế kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhằm ngăn chặn nguồn hàng bẩn, hàng giả, hàng kém chất lượng, góp phần bảo vệ quyền, lợi chính đáng của người tiêu dùng và hạn chế tác hại đến sức khỏe của cộng đồng. Nổi bật nhất là việc kiểm định cân cấp 4 tại các chợ trên địa bàn đã được triển khai thực hiện một cách thường xuyên và liên tục, hàng năm tổ chức 2-3 đợt kiểm định. Đồng thời, đã đầu tư kinh phí lắp đặt 57 trạm cân đối chứng tại 33 chợ trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Sở KH&CN cũng đã đầu tư cho mỗi huyện 01 bộ cân chuẩn M1 cho các Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng để phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, góp phần hạn chế tình trạng gian lận về trọng lượng hàng hóa.

Hoạt động quản lý về lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong giai đoạn này cũng rất sôi động, nhất là việc xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu thông thường, kiểu dáng công nghiệp,... được lãnh đạo các huyện, các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất quan tâm đúng mức. Tính đến nay Quảng Trị có 338 đơn đăng ký, trong đó có 197 đơn đã được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ và đã cấp Giấy chứng nhận như: Chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Quảng Trị, cà phê Khe sanh và 17 nhãn hiệu tập thể và 05 nhãn hiệu chứng nhận khác. Hàng năm, Sở KH&CN đã phối hợp với các ngành tổ chức các đợt thanh tra định kỳ và đột xuất về an toàn bức xạ hạt nhân tại một số doanh nghiệp và phòng chụp X-Quang của các Trung tâm y tế.

Công tác thẩm định công nghệ cũng đã được chú trọng các dự án đầu tư phát triển đều được thực hiện nghiêm túc, tư vấn giúp các doanh nghiệp trên địa bàn mua sắm thiết bị máy móc hiện đại, với công nghệ sạch và ít ảnh hưởng về môi trường. Việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đã được tỉnh quan tâm bằng các chính sách cụ thể để hỗ trợ kịp thời trong việc đổi mới công nghệ, tiết kiệm năng lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN phục vụ doanh nghiệp; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Chương trình ISO hành chính đã được triển khai đồng bộ, hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình ISO 9001:2000 vào các cơ quan hành chính

tỉnh Quảng Trị được triển khai đúng tiến độ và mục tiêu đề ra, năm 2010 ngân sách tỉnh đã đầu tư 1.135 triệu đồng cho cho chương trình ISO. Tính đến nay đã có 24 cơ quan hành chính của tỉnh đã triển khai áp dụng. Việc áp dụng ISO hành chính ở cấp huyện, cấp xã cũng đã đạt được kết quả bước đầu, đến nay đã có 10 huyện, thị xã, thành phố và 120 xã, phường, thị trấn đưa vào áp dụng.

Nhìn lại 30 năm qua, hoạt động KH&CN cấp huyện đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác quản lý KH&CN trên địa bàn huyện, đặc biệt trong giai đoạn 2010-2019 hoạt động KH&CN cấp huyện đã có những chuyển biến mới tích cực, rõ nét. Tổ chức bộ máy quản lý KH&CN đã được kiện toàn ở tất cả các huyện. Hội đồng KH&CN cấp huyện đã đi vào hoạt động theo quy chế ban hành, đã thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của tổ chức tư vấn về KH&CN để tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện. Với nguồn kinh phí SNKH hỗ trợ, cùng với việc bố trí ngân sách của các huyện đã tổ chức được nhiều hoạt động, trong đó tập trung vào công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý, tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ phụ trách về KH&CN; triển khai các đề tài/dự án cấp cơ sở; hướng dẫn chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất cho doanh nghiệp và người dân áp dụng nhân rộng mô hình sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực ở địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý về KH&CN cấp huyện đến nay *vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:*

Nguồn nhân lực KH&CN ở các địa phương còn mỏng và hạn chế về trình độ chuyên môn; các cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm còn yếu. Về công tác tổ chức cán bộ chủ yếu là kiêm nhiệm, thời gian công tác không ổn định, thường có sự thay đổi như chuyển sang làm công tác khác hoặc nghỉ hưu,... Bởi vậy việc đầu tư thời gian cho công tác chuyên môn là chưa nhiều, còn thiếu kinh nghiệm, thường lúng túng trong việc triển khai quản lý về KH&CN trên địa bàn.

Về cơ chế chính sách và nguồn kinh phí SNKH tỉnh đầu tư cho hoạt động KH&CN cấp huyện còn rất hạn hẹp, trong khi đó việc đầu tư bổ sung kinh phí này từ huyện những năm gần đây là gần như không có. Các nguồn đầu tư về KH&CN của các doanh nghiệp còn rất khiêm tốn, công tác xã hội hóa về KH&CN chưa được thực hiện.

Các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở mặc dù có nhiều kết quả nghiên cứu ứng dụng đã được triển khai nhân rộng vào sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế cao, song nhìn tổng thể thì tỷ lệ kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn trên tổng số nhiệm vụ KH&CN được thực hiện chưa nhiều; một số mô hình sản xuất kết quả nghiên cứu được các HĐKH đánh giá đem lại hiệu quả cao, nhưng việc triển khai nhân rộng còn rất chậm.

Hoạt động của Hội đồng KH&CN ở một số huyện còn cầm chừng, chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tư vấn và phản biện khoa học, phản biện xã hội; chất lượng tư vấn KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trên địa bàn huyện.

Để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, nhằm đưa Quảng Trị nhanh chóng phát triển cùng với các địa phương bạn trong cả nước, hoạt động KH&CN cấp huyện trong thời kỳ mới có nhiệm vụ hết sức khó khăn,

với yêu cầu phát triển KH&CN nói chung và hoạt động KH&CN cấp huyện nói riêng phải đạt mục tiêu bảo đảm cung cấp đầy đủ về luận cứ khoa học cho quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, chúng ta cần phải có những quyết sách ưu tiên mạnh mẽ đầu tư cho phát triển KH&CN; nhất là đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ KH&CN mới, chú trọng thực hiện công nghệ 4.0, ứng dụng công nghệ cao vào các mô hình nghiên cứu thực nghiệm gắn với sản xuất nhân rộng, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Muốn vậy, trong thời gian tới chúng ta cần quan tâm thực hiện một số giải pháp để đẩy mạnh hoạt động KH&CN cấp huyện cụ thể như sau:

Đối với các huyện cần chủ động phối hợp với các ngành có liên quan để thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ; Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, bố trí cán bộ công chức chuyên trách về quản lý KH&CN của các huyện theo Đề án vị trí việc làm và Chính sách cải cách tiền lương của nhà nước. Đồng thời tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm một cách cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Ngoài kinh phí SNKH tỉnh được hỗ trợ hàng năm, các huyện cần lồng ghép với các chương trình/dự án khác để huy động nguồn vốn đầu tư cho hoạt động KH&CN cấp huyện. Xác định các vấn đề ưu tiên mũi nhọn, có tính đột phá để tập trung chỉ đạo có hiệu quả, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đối với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp tục tăng cường công tác phổ biến kiến thức, thông tin tuyền truyền pháp luật về KH&CN; tham mưu tỉnh chỉ đạo các huyện cũng cố về mặt tổ chức, không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện. Hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và 5 năm phù hợp với từng địa phương, vùng miền. Tích cực chủ động phối hợp để hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ cấp huyện trong việc quản lý nhà nước về KH&CN.

Đối với các ngành có liên quan hàng năm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân các huyện tăng cường công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành, ứng dụng và chuyển giao công nghệ về cơ sở trên tinh thần phát huy lợi thế từng vùng miền để định hướng chiến lược và xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với ngành mình, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển KH&CN cấp huyện.

Trước những thách thức và cơ hội trong giai đoạn mới, cùng với những định hướng đúng, huy động mọi nguồn lực để tập trung đầu tư cho KH&CN, với sự nỗ lực quyết tâm của toàn hệ thống chính trị và toàn ngành, hy vọng rằng trong thời gian tới hoạt động KH&CN cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hứa hẹn sẽ có nhiều thành quả khởi sắc./.

T.S

Ngày 26/8/1989, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TC-ĐL-CL) thuộc Ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 191-QĐ/UB của UBND tỉnh Quảng Trị, gồm ba phòng: Phòng Tiêu chuẩn – Chất lượng, Phòng Đo lường và Phòng Kiểm nghiệm cơ lý hóa. Những năm sau đó, Ban Khoa học Kỹ thuật được đổi tên thành Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1993), Sở Khoa học, Công nghệ (2003). Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo các cấp, sự phối hợp hoạt động của các Sở, ban ngành, đoàn thể, địa phương, sự hưởng ứng của nhân dân trong tỉnh hoạt động TC-ĐL-CL Quảng Trị đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của ngành, tham gia giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).

30 năm hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương

Dương Mạnh Tường
Chi cục Trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Trong quá trình xây dựng và phát triển Chi cục TC-ĐL-CL Quảng Trị với chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy dần được kiện toàn và là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý về TC-ĐL-CL sản phẩm và hàng hoá trên địa bàn tỉnh. Để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới cũng như tăng tính minh bạch trong hoạt động ngày 27/4/2011, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Chi cục TC-ĐL-CL) được thành lập theo Quyết định số 769/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về TC-ĐL-CL, thực hiện dịch vụ kỹ thuật về lĩnh vực TC-ĐL-CL phục vụ chức năng quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp KH&CN.

Ba mươi năm qua, trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng KT-XH và hội nhập kinh tế sâu rộng hiện nay, các hoạt động trong lĩnh vực TC-ĐL-CL đã đóng góp vai trò quan trọng, là công cụ đắc lực tham gia giải quyết các vấn đề phát triển KT-XH,... góp phần bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người tiêu

dùng, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế,…

Công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản pháp luật được quan tâm thực hiện, như: Quyết định số 156/2007/QĐ-UBND ngày 29/01/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2010; Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh v/v ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa về kiểm tra chất lượng; vệ sinh, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu vào Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo; Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phối hợp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và nhiều văn bản đã được tham mưu ban hành đã tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý về công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong các hoạt động kinh doanh xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ, thiết bị điện - điện tử, thép xây dựng, vật liệu thi công công trình, phân bón, vật tư nông nghiệp, thực phẩm, giống cây trồng vật nuôi... tạo hành lang pháp lý, quy chế phối hợp giữa các ngành trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực TC-ĐL-CL cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh được tiến hành kịp thời, đầy đủ với nhiều nội dung và hình thức phong phú thông qua các lớp tập huấn, các ấn phẩm, website chuyên ngành, các cơ quan Đài, Báo địa phương… đã giúp chuyển tải kịp thời, đầy đủ các chủ chương, chính sách, văn bản mới cũng như các kiến thức quan trọng trong lĩnh vực TC-ĐL-CL. Với trên 200 lớp tập huấn về kiến thức liên quan đến TC-ĐL-CL; hướng dẫn phổ biến pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ghi nhãn hàng hóa, phân biệt hàng giả, nhận biết những loại sản phẩm hàng hóa kém chất lượng cho trên gần 43.000 lượt tổ

Hội thảo khoa học về thúc đẩy năng suất chất lượng và sơ kết 5 năm hoạt động phong trào thập niên chất lượng 2006-2015 tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu.

chức, cá nhân kinh doanh; thực hiện ký cam kết cho gần 1.500 hộ kinh doanh;… Thông qua công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức của các cấp quản lý, doanh nghiệp, người lao động, người tiêu dùng về tiêu chuẩn, quy chuẩn, từ đó góp phần thúc đẩy phong trào năng suất chất lượng tỉnh nhà.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng đã góp phần ổn định và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, tăng khả năng cạnh tranh, tạo đà phát triển nhanh và bền vững cho nền kinh tế của tỉnh.

Việc rà soát, chuẩn hóa, đề xuất bãi bỏ và rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính được chú trọng các dịch vụ hành chính công trực tuyến trong lĩnh vực TC-ĐL-CL được cung cấp ở mức độ 3 và mức độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác, như công tác đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu từ 03 ngày sang 01 ngày, từ dịch vụ công mức độ 1 nay đã đạt dịch vụ công mức độ 4 đảm bảo TTHC được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, góp phần hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính. Chi cục TCĐLCL là đơn vị giúp việc cho Sở KH&CN tham mưu Ban chỉ đạo ISO tỉnh trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng vào cơ quan hành chính của tỉnh Quảng Trị. Cho đến nay, 44 (100%) cơ quan hành chính thuộc đối tượng bắt buộc đã triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Đối với hệ thống UBND cấp xã được khuyến khích áp dụng, cho đến nay có 120/141 UBND phường, xã, thị trấn đã triển khai áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; Mục tiêu, đến năm 2020, 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp xã, phường, thị trấn áp dụng HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015; Việc áp dụng HTQLCL vào cơ quan hành chính của tỉnh Quảng Trị đã mang lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ đắc lực mục tiêu CCHC của tỉnh. Thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng, suất chất lượng - hội nhập giai đoạn 2006-2010; Chương trình "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp Quảng Trị giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020".

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng được triển khai với nhiều hoạt động hướng về cơ sở như: hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký mã số mã vạch; công bố hợp chuẩn, hợp quy, chứng nhận chất lượng trên 10.000 lượt sản phẩm; cung cấp các thông tin, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến, Giải thưởng chất lượng quốc gia; Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ, ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025; Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020... Cơ quan Thông báo và Hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại Quảng Trị đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định của các nước thành viên WTO như: cập nhật các tin cảnh báo từ các quốc gia thành viên WTO (các quy định mới của EU, Mỹ, Nhật... đối với thủy sản nhập khẩu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị y tế, nông nghiệp...); các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác liên quan được cung cấp bằng các hình thức cập nhật

trên website tbtquangtri.org.vn và bài viết trên bản tin Thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp.

Công tác quản lý chất lượng trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn và các kết quả đo lường, thử nghiệm đã và đang góp phần giúp các cơ quan quản lý chống tiêu cực, chống thất thu thuế, chống hàng giả, chống buôn lậu và gian lận thương mại, bảo vệ môi trường, bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hợp lý, góp phần lập lại trật tự trong xây dựng, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu. Sở KH&CN đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các mô hình đảm bảo chất lượng; khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn tiên tiến của quốc tế ISO 9001, ISO 14000, HACCP, GMP... Đến nay toàn tỉnh có trên 2.000 sản phẩm hàng hóa được công bố áp dụng TCCS/phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn thuộc lĩnh vực quản lý được phân cấp của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Xây dựng với hơn 600 đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn; gần 40 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001, ISO 14000, ISO 5000; 138 tàu cá áp dụng GMP, 132 cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản sản xuất theo hướng VietGap; 40 lượt/22 doanh nghiệp tham gia và đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia…

Kiểm định phương tiện đo tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Ảnh: Tư liệu.

Cơ sở vật chất được đầu tư nhằm nâng cao năng lực đo lường, thử nghiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH địa phương. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã có các phòng thử nghiệm được các bộ, ngành chỉ định thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp phục vụ hoạt động quản lý nhà nước trong phạm vi được phân cấp gồm Trung tâm kỹ thuật TC-ĐL-CL đạt chuẩn TCVN ISO / IEC 17025:2005 (VILAS 106); Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường Quảng Trị đạt chuẩn VIMCERTS 021; Trung tâm

Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm đạt TCVN ISO /IEC 17025:2005 (VILAS 602); Trung tâm Y tế dự phòng Quảng Trị TCVN ISO /IEC 17025:2005. Ngoài ra còn nhiều phòng thử nghiệm khác được đưa vào hoạt động phục vụ kiểm soát chất lượng SPHH tại các nhà máy, xí nghiệp và đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Với mục tiêu hướng về cơ sở, việc tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động về đo lường tuyến huyện chú trọng như hỗ trợ trang bị trạm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh và các quả cân chuẩn phục vụ công tác quản lý đo lường được tăng cường. Đến nay các huyện đã trang bị được 34 trạm cân đối chứng trên địa bàn toàn tỉnh, là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong mua bán, thanh toán.

Về năng lực kiểm định, các tổ chức kiểm định được chỉ định trên địa bàn có khả năng kiểm định được các phương tiện đo (PTĐ) thuộc các lĩnh vực: khối lượng, dung tích, lưu lượng, áp suất, điện, điện từ, các PTĐ trong lĩnh vực y học... Hàng năm, bình quân đã kiểm định được trên 32.000 PTĐ các loại. Trong đó, Trung tâm Kỹ thuật TC-ĐL-CL: 5.000 PTĐ các loại (gồm công tơ điện 1 pha, 3 pha; cân phân tích, cân kỹ thuật, cân ô tô, cân đồng hồ lò xo; taximet; cột đo xăng dầu; áp kế, huyết áp kế, điện tim, điện não, đồng hồ đo nước lạnh...), Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị: 12.000 đồng hồ đo nước lạnh; Trung tâm thí nghiệm điện Quảng Trị: 13.000 PTĐ (gồm công tơ điện 1 pha, 3 pha và máy biến dòng các loại).

Công tác phân tích, thử nghiệm ngoài nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm cung cấp số liệu pháp lý kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra cũng như giám định, trọng tài giải quyết tranh chấp, phục vụ nghiên cứu khoa học... còn đóng vai trò hết sức quan trọng cho việc cải tiến chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thống kê từ các ngành bình quân hàng năm trên địa bàn tỉnh đã tiến hành thử nghiệm hơn 5.000 mẫu sản phẩm hàng hóa các loại, bao gồm các chỉ tiêu hóa sinh, chỉ tiêu cơ lý. Kết quả phân tích thử nghiệm đã giúp các đơn vị sản xuất điều chỉnh, phối liệu, đổi mới công nghệ và tìm các giải pháp có liên quan nhằm sản xuất ra sản phẩm có chất lượng ngày càng cao và ổn định. Các số liệu phân tích thử nghiệm cũng là cơ sở pháp lý giúp các cơ quan nhà nước kịp thời phát hiện và ngăn chặn tệ nạn sản xuất và lưu thông hàng giả, hàng kém chất lượng.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra về TC-ĐL-CL được chú trọng. Đã chủ trì/phối hợp với các sở, ngành tổ chức thanh tra, kiểm tra về hoạt động chứng nhận hợp quy, về công bố chất lượng, về ghi nhãn sản phẩm hàng hóa của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu trên địa bàn Quảng Trị với trên 25.000 cơ sở được thanh tra, kiểm tra, xử lý trên 8.896 cơ sở vi phạm về chứng nhận chất lượng, về công bố chất lượng, về ghi nhãn sản phẩm. Công tác thanh tra, kiểm tra đã góp phần tăng cường hiệu lực trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cơ quan pháp luật xử lý các vi phạm về tiêu chuẩn công bố, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, vi phạm về nhãn của các tổ chức đơn vị sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu. Các cuộc thanh tra đã kịp thời phát hiện và xử lý nhiều hành vi vi phạm hành chính về công bố chất lượng, chứng nhận chất lượng, ghi nhãn sản phẩm hàng hóa như: kinh doanh vàng không đủ hàm

lượng như đã công bố, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, thuốc thú y, dược phẩm, phân bón... hết hạn sử dụng; mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện tử ghi nhãn không đúng quy định, có chất lượng không đạt so với công bố... đã góp phần đáng kể trong việc ngăn chặn hàng giả, tăng cường hiệu lực của pháp luật và hiệu lực quản lý nhà nước góp phần bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh chân chính; bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng, đảm bảo trật tự trong sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Trong suốt hành trình xây dựng và phát triển, bên cạnh những kết quả đã đạt được, ngành TC-ĐL-CL tỉnh nhà vẫn còn những tồn tại cần khắc phục. Thời gian tới ngành TC-ĐL-CL Quảng Trị sẽ tập trung vào các hoạt động như: Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực của ngành như: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Đo lường, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn các Luật trên. Xây dựng tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa chủ lực; Tăng cường tiềm lực của Trung tâm Kỹ thuật TC-ĐL-CL - tổ chức đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn;Đầu tư xây dựng các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu đánh giá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm, hàng hóa chủ lực; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, kỹ thuật viên của Trung tâm Kỹ thuật TC-ĐL-CL. Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng; Đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất và chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, người lao động trong các doanh nghiệp; Đưa nội dung năng suất và chất lượng vào chương trình đào tạo nghiệp vụ về khoa học và công nghệ… Tổ chức hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chính sách, kiến thức liên quan đến hoạt động TC-ĐL-CL… trên các phương tiện truyền thông đại chúng của tỉnh và Trung ương. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước TC-ĐL-CL tránh chồng chéo…

Nhìn lại chặng đường 30 năm qua, cùng với sự phát triển KT - XH của tỉnh nhà những người làm công tác TC-ĐL-CL vui mừng về sự phát triển của ngành với những đóng góp tuy còn khiêm tốn nhưng rất có ý nghĩa trong sự nghiệp, được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba, Chi cục và nhiều cá nhân, cán bộ cũng đã vinh dự đón nhận nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước ghi nhận những thành tích xuất sắc trong hoạt động, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển KT - XH của đất nước... Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới, những người làm công tác TC-ĐL-CL sẽ phải nỗ lực hơn, năng động hơn nữa để trang bị hành trang cho mình, cho doanh nghiệp doanh nghiệp tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, đóng góp chung cho sự phát triển KT-XH của tỉnh trong thời kỳ đổi mới./.

D.M.T

Với mục tiêu "Khoa học và công nghệ phục vụ thiết thực sản xuất và đời sống", thời gian qua ngành Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả nổi bật đối với sản xuất nông nghiệp, cụ thể đã tập trung đổi mới, cải tạo giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế của địa phương góp phần nâng cao chất lượng giống, tăng năng suất, chất lượng, sản lượng cây trồng, vật nuôi và góp phần từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi của tỉnh.

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Đào Ngọc Hoàng
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu,
Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Đã tập trung ứng dụng có hiệu quả các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong sản xuất; xây dựng và chuyển giao nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống góp phần giúp người dân trên địa bàn nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, đóng góp tích cực cho sự phát triển KT-XH địa phương. Tiêu biểu là từ Chương trình Nông thôn miền núi, tỉnh đã tranh thủ được nguồn lực từ trung ương thực hiện 11 dự án KH&CN nhằm hỗ trợ cho nhân dân vùng ven biển phát triển sản xuất, chuyển đổi sinh kế nhằm ổn định đời sống sau sự cố môi trường biển và tập trung phát triển các cây, con chủ lực, tiềm năng của tỉnh. Các kết quả nghiên cứu ngày càng được người dân và doanh nghiệp quan tâm ứng dụng và nhân rộng. Nhiều loại giống, quy trình sản xuất, quy trình phòng trừ dịch bệnh mới được ứng dụng và nhân rộng trong sản xuất như: Các loại chế phẩm sinh học trong chăn nuôi, xử lý môi trường, ủ phân sinh học và phòng bệnh cho cây trồng vật nuôi; các loại cây dược liệu; công nghệ tưới; công nghệ làm đất…

Về công nghệ sinh học: Đã nghiên cứu, tiếp nhận, hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ tế bào để bảo tồn, lưu giữ, bồi dục, phát triển và sản xuất các loại cây lâm nghiệp, cây hoa và cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như: Các dòng keo lai; cây Ba Kích, Lan Kim Tuyến, Sâm Cau; các giống hoa Lan, hoa Chuông, hoa Cúc, Đồng Tiền… các

loại cây trồng đảm bảo chất lượng tốt, tính di truyền ổn định, sạch bệnh và đưa vào sản xuất cho hiệu quả cao thể hiện rõ tính ưu việt của mình. Đặc biệt cây keo lai đã khẳng định tính ưu việt của mình trong việc nâng cao năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng, nhất là trồng rừng theo chứng chỉ FSC. Nghiên cứu, phân lập, lựa chọn, lưu giữ, nhập máy móc, thiết bị, hoàn thiện quy trình công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất thành công nhiều loại các loại chế phẩm vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường như: Chế phẩm xử lý chất thải, ủ phân hữu cơ vi sinh (Compo - QTMIC); Chế phẩm làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi (Bio - QTMIC); Chế phẩm xử lý ao nuôi thủy sản (Nitro - QTMIC); Chế phẩm bổ sung thức ăn chăn nuôi (Pro - QTMIC), chế phẩm EM, nấm đối kháng Trichoderma và Pseudomonas… bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, chất lượng cao, hiệu quả sử dụng tốt, giá thành hạ, được người dân đón nhận, sử dụng rộng rãi.

Về chế biến nông sản: Đã nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện, đổi mới công nghệ để sản xuất, chế biến sâu theo hướng nâng cao giá trị các sản phẩm, nguyên liệu mang tính đặc thù của địa phương, đặc thù của miền quê nắng gió Quảng Trị như: Xây dựng vùng nguyên liệu và sản xuất các loại trà hòa tan gồm: Chè Vằng (TralaVang), Cà gai leo - Linh chi (Cagali), Linh Chi (Đất lửa); Các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe gồm: Nhộng Trùng Thảo (Đông Trùng Hạ Thảo), rượu Đông Trùng Hạ Thảo; Tỏi đen (Winner), rượu Tỏi đen các sản phẩm có giá trị kinh tế lớn, hàm lượng khoa học cao, mang tính đặc thù của địa phương, sức cạnh tranh cao, có ý nghĩa thiết thực trong đời sống. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sấy tiên tiến (sấy ở nhiệt độ thấp) để chế biến, bảo

Thứ Trưởng Bộ KH&CN Phạm Công Tạc tham quan dây chuyền công nghệ tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị. Ảnh: Sỹ Tiến

quản một số sản phẩm đặc thù, có giá trị kinh tế cao ở địa phương như Ném, Hồ tiêu, Chuối... vừa bảo quản được nông sản, vừa nâng cao giá trị từ đó hình thành hàng hóa thương mại trong và ngoài nước.

Về ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp: Năm 2016 đánh dấu một số tín hiệu tích cực việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất. Căn cứ vào đặc điểm tình hình, đặc tính đa dạng sinh học, đặc thành vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến để nâng cao hiệu quả trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập cho người dân. Đây cũng là mô hình trình diễn công nghệ cao với quy mô lớn đầu tiên của tỉnh và đây cũng là cơ sở để xây dựng khu Nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Bên cạnh đó ngành Khoa học và Công nghệ đã đồng hành cùng nhiều huyện đã đi trước đón đầu trong triển khai ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất. Đây là một trong

Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, UVTW Đảng, Bí Thư tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Đức Chính, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị tặng bằng khen cho Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN tại Lễ biểu dương 30 tổ chức, doanh nghiệp tiêu biểu nhân kỷ niệm 30 năm ngày tái lập tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Hưng Thơ.

điểm về đất đai, thời tiết, khí hậu Sở Khoa học và Công nghệ đã đề xuất xây dựng Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa nhằm nghiên cứu, khảo nghiệm các đối tượng cây trồng, con nuôi mới phù hợp với đặc điểm của tiểu vùng khí hậu mang tính đặc thù, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao hướng tới mở rộng sản xuất, hình những bước đột phá nhằm tái cơ cấu nông nghiệp, mở ra hướng đi thích hợp nhằm giúp tỉnh khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và lao động, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; từng bước chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nông sản sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Về thương mại sản phẩm nông nghiệp, nông thôn: Sở KH&CN phối hợp với Sở Công Thương triển khai hiệu quả Chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực có tiềm năng của tỉnh, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa một số lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, ngành công nghiệp then chốt như chế biến nông, lâm, thủy sản; khai thác khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng... Đặc biệt chú trọng công nghệ cao, công nghệ sạch trong chế biến hàng nông sản xuất khẩu làm tăng chất lượng, giá trị sản phẩm.

Đồng chí Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN giới thiệu hoạt động nuôi cấy mô tại Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị với Thứ trưởng Bộ KH&CN Phạm Công Tạc. Ảnh: Sỹ Tiến

Công tác hướng dẫn các đơn vị, địa phương phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đã giúp nhiều doanh nghiệp, địa phương nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm chủ lực của tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ; góp phần đưa sản phẩm của Quảng Trị đến với thị trường trong nước và thế giới. Sở KH&CN đã xuất bản và phổ biến rộng rãi cuốn "Sổ tay hướng dẫn quản lý sở hữu công nghiệp cấp huyện, thị xã, thành phố". Giai đoạn 2013-2018, Sở KH&CN đã tiến hành hỗ trợ các đơn vị, địa phương đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ về sở hữu công nghiệp đối với 82 nhãn hiệu các loại. Riêng năm 2017 - 2018 Sở KH&CN đã hướng dẫn 09 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm đặc sản, truyền thống của địa phương và phấn đấu trong năm 2019 mỗi huyện, thị xã, thành phố sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho 01 sản phẩm đặc sản, truyền thống của địa phương.

Đặc biệt, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm hạt tiêu Quảng Trị và cây cà phê chè Catimor ở Hướng Hóa, đến nay, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ

dẫn địa lý cho sản phẩm hạt tiêu "Quảng Trị" và Nhãn hiệu tập thể "Khe Sanh" cho sản phẩm cà phê chè vùng Hướng Hóa. Nhằm phát triển chỉ dẫn địa lý hồ tiêu Quảng Trị, Sở KH&CN đã phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN và Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) triển khai dự án "Hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam" tại Quảng Trị cho sản phẩm hạt tiêu, nhằm tiếp tục phát triển thương mại hóa sản phẩm hạt tiêu Quảng Trị, góp phần đưa sản phẩm tiêu trở thành sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh; mở rộng, tiếp cận thị trường cho sản phẩm hạt tiêu Quảng Trị đến với thế giới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về công tác đào tạo, huấn luyện, chuyển giao tiến bộ KH&CN cho người dân: Mặc dù với lực lượng cán bộ còn mỏng nhưng toàn ngành đã đóng vai trò quan trọng trong công tác đào tạo, huấn luyện và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho người dân bằng các hoạt động cụ thể như: Tham gia nhiều chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao công nghệ về sản xuất rau, hoa, nấm, xử lý môi trường, chăn nuôi an toàn sinh học, quy trình phòng bệnh cho cây trồng, vật nuôi...; tư vấn, hỗ trợ người dân trong ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất như công nghệ tưới tiết kiệm, công nghệ chế biến một số loại nông sản; công nghệ thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản; quy trình trồng và thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP; quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; công nghệ chăn nuôi chuồng kín; công nghệ sản xuất một số giống cây... Ngoài ra thông qua bản tin chuyên ngành, website của ngành, chuyên mục KH&CN ... đã tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin và chuyển giao cho người dân nhiều nội dung thiết thực, phong phú phục vụ sản xuất và xây dựng, phát triển nông thôn.

Một số giải pháp trong thời gian tới

Khảo nghiệm, tuyển chọn các giống cây, con có năng suất chất lượng phù hợp điều kiện sản xuất để bổ sung vào cơ cấu sản xuất; bảo tồn các cây, con đặc sản của địa phương.

Khyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao cho các sản phẩm như rau, hoa cao cấp, cây dược liệu, chăn nuôi... đầu tư trang thiết bị, quy trình kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống canh tác, giao thông thủy lợi.

Đầu tư, trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nhân lực cho lĩnh vực sau thu hoạch sơ chế, chế biến, bảo quản; Đầu tư các nhà máy chế biến nông sản, kết hợp vào thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất...; khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đẩy mạnh đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ thông tin trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ KHCN phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là các kết quả trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn./.

Đ.N.H

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế (gọi tắt là Trường ĐH Khoa học) có lịch sử 62 năm xây dựng và phát triển (1957-2019), là địa chỉ có truyền thống nghiên cứu khoa học cơ bản và kỹ thuật - công nghệ ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Nhà trường có nền tảng nghiên cứu đa ngành nghề, lực lượng nhà giáo - nhà khoa học khá hùng hậu, có nhiều kinh nghiệm, thành tích trong nghiên cứu. Trong nhiều năm qua, Trường ĐH Khoa học đã có các hoạt động hợp tác tích cực trong nghiên cứu khoa học cộng tác với các địa phương nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng, qua đó phần nào thể hiện được năng lực nghiên cứu, cống hiến xã hội và tinh thần phụng sự người dân của một trường Đại học hiện đại, phát triển theo mô hình Đại học nghiên cứu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Những kết quả và tiềm năng hợp tác trong công tác nghiên cứu khoa học giữa tỉnh Quảng Trị và Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Phan Tuấn Anh, Trương Đình Trọng
Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tiềm năng và tiền đề hợp tác

Hiện nay, Nhà trường có 297 giảng viên, 02 giáo sư, 44 phó giáo sư tiến sĩ, 77 tiến sĩ và 154 thạc sĩ, công tác tại 15 khoa với 27 ngành đào tạo cử nhân, 26 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 17 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đổi mới chương trình, quan điểm giáo dục hiện nay, lãnh đạo Trường ĐH Khoa học lại càng chú ý quan tâm, tạo điều kiện phát triển cho mảng khoa học công nghệ. Tuyên bố về Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định là: "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Đến năm 2030, là trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất khu vực miền Trung, Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo đại học có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á". Trường ĐH Khoa học luôn được định hướng để trở thành một trường đại học nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Trong tinh thần giáo dục đại học, quá trình giáo dục phải song hành với nghiên cứu khoa học. Giáo dục và nghiên cứu khoa học được xem như hai mặt của một tờ giấy, luôn tương hỗ và tạo điều kiện thúc đẩy nhau cùng phát triển. Giáo dục đại học không phải là giáo dục truyền thụ một chiều mang tính giáo điều, kinh viện mà là quá trình nghiên cứu, khám phá, thử sai, tìm tòi nên những công nghệ mới, chân lý mới, nhận thức mới. Những tri thức khoa học trường đại học hiện đại, phát triển theo mô hình đại học nghiên cứu. Mặt khác, nguồn kinh phí từ các đề tài liên kết địa phương cũng góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy và cả thu nhập cho cán bộ Trường ĐH Khoa học. Tinh thần tự chủ đại học đích thực do đó, chỉ có thể thực hiện được nếu thực hiện thành công cả hai quá trình giáo dục và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, Nhà trường luôn chú trọng đến các đề tài đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế

Hội thảo "Thí điểm xây dựng mạng lưới quản lý nguồn nước dựa vào cộng đồng" ngày 29/01/2007 tại xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

mới mẻ này cần được kiểm chứng, áp dụng trong thực tiễn, gắn bó mật thiết với đời sống thường ngày của nhân dân các địa phương. Chính vì nhận thức như vậy, nên nhiều năm qua, Trường ĐH Khoa học, rất chú trọng đến việc cộng tác với các địa phương trong nghiên cứu khoa học, trong đó có tỉnh Quảng Trị.

Việc cộng tác với các địa phương nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng đã phần nào thể hiện được năng lực nghiên cứu, cống hiến xã hội và tinh thần phụng sự người dân của một - xã hội thực tiễn của các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Trong mối quan hệ nghiên cứu với các địa phương, Trường ĐH Khoa học đặc biệt chú trọng đến tỉnh Quảng Trị bởi nhiều lý do đặc thù. Trước tiên là mối quan hệ bền chặt, truyền thống về mặt địa lý. Quảng Trị là tỉnh gần nhất, có ranh giới kéo dài với tỉnh Thừa Thiên Huế, trong quá khứ từng có giai đoạn Bình - Trị - Thiên là một tỉnh thống nhất. Chính sự gần gũi về mặt địa lý và cả văn hóa này đã giúp cho sự giao lưu, hợp tác,

nghiên cứu diễn ra thuận lợi, hiệu quả. Nhiều nhà khoa học có uy tín, là lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Nhà trường, quý thầy cô giáo cũng có quê hương ở tỉnh Quảng Trị. Rất đông con em của tỉnh Quảng Trị cũng chọn Trường ĐH Khoa học làm cơ sở đào tạo đáng tin cậy, nơi thắp sáng ước mơ và tương lai, nên mối quan hệ này giữa địa phương và Nhà trường liên tục được bồi đắp trong một thời gian dài. Quảng Trị mặc dù là một tỉnh còn nhiều khó khăn trong phát triển, nguồn tài chính có hạn, nhưng là quê hương cách mạng với nhiều chiến công hiển hách và di tích lịch sử - văn hóa quan trọng. Ngoài ra, Quảng Trị là một tỉnh ở khu vực Bắc Trung Bộ, nằm trên hành lang kinh tế Đông - Tây và có nhiều tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quảng Trị là nơi có điều kiện tự nhiên khá khắc nghiệt, là tỉnh chịu thiệt hại trong chiến tranh, nền kinh tế dựa chủ yếu vào sản xuất nông - lâm nghiệp nên đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn. Từ thực tiễn đó, tỉnh đã ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất và đời sống nhằm tạo động lực trực tiếp cho sự phát triển. Những thành quả của khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao đời sống của người dân.

Sản phẩm bản đồ du lịch tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

Trong những năm qua, hoạt động KH&CN tỉnh Quảng Trị đã không ngừng đổi mới và phát huy hiệu quả thông qua việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ KH&CN với sự tham gia đông đảo các nhà khoa học trong, ngoài tỉnh. Trong số đó, sự hợp tác trong nghiên cứu khoa học giữa Trường ĐH Khoa học và tỉnh Quảng Trị là rất đáng ghi nhận, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Lịch sử quan hệ cộng tác nghiên cứu khoa học

Mối quan hệ cộng tác nghiên cứu giữa Trường ĐH Khoa học với tỉnh Quảng Trị liên tục được củng cố và bồi đắp trong quá trình phát triển và xây dựng từ cuối thế kỉ XX cho đến nay. Có thể chia tiến trình hợp tác này thành ba giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn trước thập niên 90 của thế kỉ XX: Đây là giai đoạn Nhà trường tái thiết, xây dựng lại mô hình giáo dục xã hội chủ nghĩa, sau khi hòa bình được lập lại. Đứng trước nhiều khó khăn về nhân sự, kinh phí, máy móc thiết bị, nên số lượng đề tài nghiên cứu liên kết địa phương còn ít, quy mô hạn chế. Tuy nhiên, mối quan hệ cộng tác nghiên cứu với tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn này đã được đặt nền móng với những viên gạch hồng đầu tiên. Tiêu biểu là đề tài *"Chuyển giao quy trình ươm và trồng cây mây giống để làm vành đai bảo vệ tiêu nông trường Tân Lâm*" và đề tài *"Nghiên cứu sử dụng than bùn huyện Triệu Hải ứng dụng làm phân bón*" do PGS. TS. Lê Bá Thừa và cộng sự thực hiện từ năm 1982 - 1984. Năm 1985, cũng chính tác giả đã tiến hành thực hiện đề tài: *"Nghiên cứu ảnh hưởng các nguyên tố vi lượng đến cây tiêu ở Quảng Trị"*. Mặc dù số lượng đề tài khoa học còn ít, nhưng tính ứng dụng của các đề tài trên khá cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cho các vùng chuyên canh của tỉnh Quảng Trị (nông trường Hồ tiêu Tân Lâm, vùng chuyên canh Hồ tiêu ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, Vĩnh Linh), tạo ra nguồn nguyên liệu mới cho sản xuất như phân bón làm từ than bùn.

Giai đoạn từ thập niên 90 cho đến năm 2000: Giai đoạn này chứng kiến sự phát triển toàn diện *năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất của Trường ĐH Khoa học*. Tỉnh Quảng Trị cũng bước vào giai đoạn đổi mới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận, các nguồn lực dành cho khoa học công nghệ cũng được tập trung hơn. Từ những tiền đề tất yếu đó, các hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa hai đơn vị mở rộng về số lượng, quy mô và hiệu quả xã hội. Tiêu biểu có thể kể đến một vài nghiên cứu chính như:

Năm 1992, PGS.TS. Nguyễn Văn Canh và cộng sự đã thực hiện đề tài: *"Nghiên cứu nguyên nhân nứt đất gây biến dạng công trình tại bệnh viện huyện Cam Lộ, Quảng Trị*" và đến năm 1993 đã thực hiện thêm đề tài: *"Nghiên cứu xác định đứt gãy kiến tạo, hiện tượng nứt đất, đề xuất biện phát ổn định nền nhà máy xi măng Đông Hà Quảng Trị"*. Trong các nhà khoa học của Nhà trường, PGS.TS. Nguyễn Văn Canh và PGS.TS. Võ Văn Phú được đánh giá là hai người có nhiều đề tài (cấp tỉnh) bậc nhất ở Quảng Trị và cũng là những người thầy góp phần đào tạo nhiều thế hệ nhà khoa học cho tỉnh Quảng Trị, nhiều người ngày nay là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh trên các lĩnh vực.

Năm 1994, GS. TSKH. Nguyễn Thanh và cộng sự cũng đã tiến hành thực hiện đề tài *"Khảo sát, đ*ánh giá chất lượng, trữ lượng đá vôi Tà Rùng thuộc xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị" và đến năm 1996 đã nghiên cứu *"Tổ chức lãnh thổ kinh tế trọng điểm Trung Việt Nam - hành lang kinh tế trọng điểm đường 9, tỉnh Quảng Trị"*.

Năm 1999, GS. TSKH. Nguyễn Thanh và PGS. TS. Nguyễn Văn Canh đã tiến hành nghiên cứu đề tài *"Xác định nguyên nhân gây sụt lún mặt đất, xói lở bờ sông Hiếu tại Hậu Viên"* và *"Nghiên cứu sụt lún mặt đất ở thôn Hậu Viên, Cam Lộ, Quảng Trị, nguyên nhân và hướng khắc phục"*. Cũng trong năm

1999, PGS.TS. Võ Văn Phú đã tiến hành thực hiện đề tài "Đánh giá tác động môi trường dự án khả thi khu nuôi tôm công nghiệp Vĩnh Linh - Quảng Trị".

Về lĩnh vực xã hội và nhân văn, trong giai đoạn 1996 - 1998, PGS. TS. Đỗ Bang đã tiến hành nghiên cứu *"Biên soạn lịch sử huyện Cam Lộ - Thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị"*. Nhiều nhà nghiên cứu khác đã tiến hành thực hiện các đề tài nghiên cứu về lịch sử, văn hóa cấp xã…

Các đề tài trên nhìn chung đã đi vào thực tiễn đời sống nhân dân, giúp cải thiện đời sống người dân tỉnh Quảng Trị trên các phương diện xã hội và cải tạo tự nhiên. Uy tín của các nhà khoa học thực hiện từ đó được nâng cao, tỉnh Quảng Trị cũng có được những cơ sở thuận lợi trong quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Giai đoạn đầu thế kỉ XXI: Đây là giai đoạn Trường ĐH Khoa học mở rộng quy mô đào tạo và nghiên cứu, dưới định hướng trở thành một trường đại học nghiên cứu có năng lực ở miền Trung và Tây Nguyên. Tỉnh Quảng Trị trong gần hai thập niên qua cũng đạt nhiều thành tựu toàn diện và quan trọng trong quá trình hội nhập và đổi mới. Những yêu cầu nghiên cứu khoa học tại địa phương ngày càng trở nên cấp thiết, cũng như đòi hỏi hàm lượng chất xám cao hơn. Trường ĐH Khoa học đã liên tục có những cộng tác quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đời sống sinh kế và những vấn đề thực tiễn cho người dân Quảng Trị. Các nghiên cứu trong giai đoạn này không chủ yếu nằm ở khu vực khoa học tự nhiên và công nghệ như các giai đoạn trước, mà nhiều đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cũng được chú trọng, phát triển.

Về khoa học tự nhiên và công nghệ, tiêu biểu có đề tài của PGS.TS. Hoàng Đức Triêm và cộng sự đã nghiên cứu "Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên và đề xuất hệ thống sử dụng lãnh thổ đồi núi tỉnh Quảng Trị cho mục đích nông - lâm nghiệp trên quan điểm phát triển bền vững" (giai đoạn 2002 – 2003).

Vào năm 2004, trong công trình "Điều tra, đánh giá tổng hợp tiềm năng, xây dựng luận cứ khoa học để khai thác hợp lý các dạng tài nguyên phục vụ cho phát triển KT-XH khu vực Tà Rùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị", PGS.TS. Nguyễn Văn Canh và cộng sự đã đi sâu đánh giá chi tiết trữ lượng và chất lượng đá vôi, đồng thời xây dựng luận cứ khoa học phục vụ cho khai thác hợp lý tài nguyên lãnh thổ.

Việc nghiên cứu tài nguyên và đa dạng sinh học đã được PGS.TS. Võ Văn Phú thực hiện khá sớm qua các đề tài: *"Phát triển bền vững tài nguyên vùng miền Trung (nghiên cứu hệ sinh thái vùng cửa sông Bến Hải)"* (2001) hay *"Khảo sát đa dạng sinh học về thành phần loài động - thực vật bậc cao ở khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông - tỉnh Quảng Trị nhằm đề xuất giải pháp phục vụ phát triển bền vững"* (2005) và "Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học khu vực đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng *Trị phục vụ phát triển bền vững"* (2007). Năm 2011, việc điều tra thành phần loài cũng được tác giả quan tâm nghiên cứu như đề tài: "Điều tra thành phần loài và đề xuất giải pháp phòng trừ sinh vật ngoại lai xâm hại tỉnh Quảng Trị".

ThS. Trương Đình Trọng và cộng sự cũng đã tiến hành nhiều chuyến khảo sát *"Điều tra và đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, phục vụ tổ chức lãnh thổ sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường dọc hành lang đường 9 tỉnh Quảng Trị"* (2008). Đồng thời, tác giả cũng đã đi sâu với đề tài *"Nghiên cứu,*

đánh giá mức độ suy thoái đất và đề xuất mô hình sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai ở vùng cát ven biển tỉnh Quảng Trị" (2009).

PGS.TS. Nguyễn Văn Hợp với đề tài *"Điều tra hiện trạng tồn trữ hoá chất bảo vệ thực vật, các hoá chất nguy hiểm và đề xuất giải pháp kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị" (2001)* hay *"Điều tra các nguồn phát thải dioxin và furan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị" (2003)* và *"Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt trên cơ sở chỉ số chất lượng nước (WQI) ở một số vùng trọng điểm của tỉnh Quảng Trị phục vụ quản lý nguồn nước và phát triển bền vững* (2005). Trong những năm 2006 - 2012, PGS.TS. Nguyễn Văn Hợp và cộng sự cũng đã tiến hành nghiên cứu *"Hiện trạng môi trường 5 năm tỉnh Quảng Trị (2006 - 2010)" và "Xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 định hướng đến năm 2020"*.

Năm 2008, PGS.TS. Võ Văn Phú đã tiến hành "Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường huyện đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị (phần mặt đất)". Đây là công trình nghiên cứu nối tiếp sau khi tác giả đã "Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học khu vực đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng trị phục vụ phát triển bền vững" vào năm 2007.

Trong những năm gần đây, PGS.TS. Phạm Khắc Liệu đã tiến hành "Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất giải pháp khắc phục ô nhiễm vùng nuôi tôm trên cát ven biển tỉnh Quảng Trị" (2011). Đồng thời, tác giả đã có nhiều chuyến khảo sát "Điều tra ô nhiễm sông Vĩnh Định và đề xuất giải pháp khắc phục" (2012).

Việc nghiên cứu tai biến thiên nhiên dưới tác động của biến đổi khí hậu đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Điển hình là: "Đánh giá hoạt động Karst gây biến dạng môi trường địa chất khu vực Cam Lộ, đề xuất giải pháp phòng tránh" của PGS. TS. Nguyễn Văn Canh (2008) và *"Đánh giá ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội ven biển tỉnh Quảng Trị"* của PGS.TS. Võ Văn Phú (2011). Trong những năm từ 2012 đến 2014, PGS.TS. Hà Văn Hành và cộng sự đã có những đợt khảo sát chi tiết và tiến hành "Đánh giá mức độ an toàn của các điểm dân cư miền núi tỉnh Quảng Trị dưới tác động của thiên tai và đề xuất các giải pháp giảm thiểu thiệt hại".

Gần đây, hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS cho phát triển KT-XH của các địa phương mới thực sự được quan tâm đến. Trong số đó đáng kể là công trình nghiên cứu *"Xây dựng bản đồ du lịch tỉnh Quảng Trị (QuangTri Tourmap) bằng công nghệ GIS"* của PGS.TS. Hà Văn Hành thực hiện năm 2009 và đề tài *"Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên khoáng sản và nước dưới đất làm luận cứ khoa học cho quy hoạch khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị"* của PGS.TS. Nguyễn Văn Canh thực hiện năm 2013.

Về khoa học xã hội, trong những năm từ 2002 đến 2007, PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh và cộng sự đã công bố nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử huyện Đảng bộ. Trong số đó có những công trình tiêu biểu là: *"Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng"* (2002); *"Lịch sử Đảng bộ huyện Đăkrông"* (2005) và *"Lịch sử Đảng bộ huyện Hướng Hóa"* (2007).

Nghiên cứu lịch sử lực lượng vũ trang đã được ThS. Nguyễn Quang Trung Tiến, ThS. Nguyễn Chí Kiếm và cộng sự quan tâm thực hiện vào các

năm 2008 và 2009, như: *"Lịch sử lực lượng vũ trang huyện Hải Lăng"* và *"Lịch sử lực lượng vũ trang thị xã Quảng Trị"*. Gần đây, việc nghiên cứu *"Truyền thống lịch sử Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị"* cũng được PGS. TS. Nguyễn Văn Tận và cộng sự thực hiện.

Các đề tài nghiên cứu ở các cấp khác, nhận các nguồn kinh phí trung ương như đề tài cấp Bộ trọng điểm, đề tài Nghị định thư, đề tài cấp Nhà nước, các nhà khoa học của Trường ĐH Khoa học cũng quan tâm đến thực tiễn tỉnh Quảng Trị. Tiêu biểu là đề tài cấp Bộ của PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng: "*Phát huy giá trị tâm linh tỉnh Quảng Trị*", đặc biệt là đề tài Nghị định thư hợp tác với Italy do PGS.TS. Nguyễn Văn Tận và PGS. TS. Hoàng Văn Hiển chủ trì: *"Khảo sát trên cơ sở ứng dụng công nghệ địa chất, sinh học và công nghệ thông tin để phục vụ việc quy hoạch, phục dựng và phát triển cảnh quan Thành Cổ Quảng Trị"*. Những đề tài cấp độ vĩ mô này dù không nhận kinh phí trực tiếp từ tỉnh Quảng Trị nhưng có nhiều đóng góp trực tiếp, hiệu quả cho sự phát triển của tỉnh. Điều này cho thấy mối quan hệ tốt đẹp, sự quan tâm sâu sát, thường xuyên của các nhà khoa học của Trường ĐH Khoa học đối với tỉnh Quảng Trị.

Đánh giá về vai trò quan trọng của mối quan hệ hợp tác nghiên cứu giữa tỉnh Quảng Trị với Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển, PGS.TS. Hoàng Văn Hiển - Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học nhận định "*Trong hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐH Khoa học đã nhận được sự chia sẻ, giúp đỡ, hợp tác toàn diện và hiệu quả của nhân dân và lãnh đạo các cấp của tỉnh Quảng Trị. Điều này là một sự động viên to lớn đối với sự nghiệp giáo dục và nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ của tập thể giảng viên, sinh viên của Nhà trường. Trường ĐH Khoa học cũng xác định tỉnh Quảng Trị là một địa phươngcó nhiều tiềm năng nghiên cứu khoa học, với nhiều vấn đề khoa học tự nhiên và xã hội mang tính cấp thiết. Do đó, các nhà khoa học, nhà giáo, học viên, sinh viên Trường ĐH Khoa học trong thời gian sắp đến sẽ nỗ lực tối đa nhằm thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ khoa học, đào tạo hợp tác với tỉnh Quảng Trị với tinh thần phụng sự khoa học, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương giàu tinh thần cách mạng và truyền thống hiếu học*".

Hơn 30 năm liên tục hợp tác trong lĩnh vực khoa học là một quãng đường khá dài giữa tỉnh Quảng Trị và Trường ĐH Khoa học, nhưng chắc chắn đây mới chỉ là giai đoạn mở đầu cho những nghiên cứu sâu rộng, quy mô hơn trong tương lai. Trong quá trình hợp tác nghiên cứu, nhiều công nghệ mới đã được áp dụng, các nhà khoa học có cơ hội thực nghiệm lý thuyết, thử sai, các học viên, giảng viên có sự trưởng thành nhanh chóng. Cũng trong quá trình ấy, tỉnh Quảng Trị đã có nhiều bài giải khoa học chính xác để nâng cao đời sống người dân và tư vấn xây dựng, điều chỉnh các chính sách. Đó là một quá trình hợp tác được xây dựng trên một nền tảng vững chắc của sự *tương trợ và thông hiểu nhau giữa nhân dân, lãnh đạo tỉnh với tập thể giảng viên, học viên, sinh viên* Nhà trường. Nền tảng quý báu ấy nhất định sẽ được tiếp tục gìn giữ, kế thừa và phát huy mạnh mẽ trong tương lai./.

P.T.A-T.Đ.T

Thực hiện đường lối phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) của Đảng và Nhà nước, thấy rõ vai trò to lớn của KH&CN trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân, trong thời gian qua, ngành Y tế Quảng Trị đã có những giải pháp đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động của ngành. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ được đưa vào phương hướng, nhiệm vụ của ngành và có kế hoạch cụ thể hằng năm.

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành Y tế Quảng Trị qua 30 năm
Kết quả và định hướng

Mai Năm
Phó Giám đốc Sở Y tế Quảng Trị

Từ khi tỉnh nhà mới lập lại, hoạt động KH&CN luôn được chú trọng và triển khai thường xuyên. Từ năm 2000, ngành Y tế đã thành lập Hội đồng Khoa học Kỹ thuật (KHKT) của ngành, có nhiệm vụ quản lý các hoạt động KH&CN. Hàng năm Hội đồng KHKT tổ chức các hoạt động, đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH), xét duyệt đề cương, triển khai thực hiện và đánh giá, nghiệm thu, phản biện đề tài theo đúng quy trình và có chất lượng. Hàng quý, Hội đồng KHKT họp để xác định các nhiệm vụ trọng tâm KH&CN của từng quý và theo dõi tiến độ các đề tài nghiên cứu, việc triển khai, ứng dụng các kỹ thuật mới. Tất cả các đơn vị trong ngành đều thành lập hội đồng KHKT của đơn vị để triển khai hiệu quả các hoạt động KH&CN của đơn vị.

Trong những năm qua, ngành Y tế đã có những bước phát triển nhanh, vượt bậc, trong đó có vai trò không nhỏ của việc nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào công tác y tế dự phòng, khám chữa bệnh, sản xuất thuốc, vật tư y tế. Với sự trợ giúp của các trang thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại, nhiều kỹ thuật mới đã được ứng dụng vào công tác khám chữa bệnh, công tác y tế dự phòng.

Công tác học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên trong ngành được chú trọng về mọi mặt. Sở Y tế đã phối hợp với các trường Đại học, các tổ chức quốc tế tổ chức các khóa đào tạo về phương pháp nghiên cứu khoa học cho cán bộ của ngành để triển khai có hiệu quả các đề tài nghiên cứu, phối hợp với bệnh viện tuyến trên. Đến nay, trong toàn ngành có 2.959 cán

bộ, đội ngũ cán bộ khoa học của ngành có 962 cán bộ đại học, trong đó có 632 Bác sỹ. Cán bộ có trình độ sau đại học 270/962, chiếm 28% cán bộ đại học của ngành, trong đó gồm 05 tiến sĩ, 38 thạc sĩ, 32 Bác sỹ Chuyên khoa Cấp II , 154 Bác sỹ Chuyên khoa cấp I , 68 dược sĩ đại học (02 thạc sỹ 19 Dược sỹ Chuyên khoa cấp I, 47 Dược sỹ), trên 300 cử nhân Y tế các loại. Hiện đang đào tạo: 02 tiến sĩ y học, 06 Thạc sỹ y học, 05 Bác sỹ Chuyên khoa cấp II, 30 Bác sỹ Chuyên khoa cấp I, 11 Dược sỹ Chuyên khoa cấp I, 88 Cử nhân y tế...

Bên cạnh các khóa đào tạo, ngành Y tế cũng luôn chú trọng việc tổ chức các Hội nghị, hội thảo khoa học để phổ biến các kỹ thuật mới, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho cán bộ. Hàng năm tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo mang tầm khu vực với sự tham gia của các GS.TS từ Bệnh viện Trung ương Huế, Hà nội và các chuyên gia quốc tế. Từ đó, giúp đội ngũ cán bộ liên tục được cập nhật, bổ sung kiến thức chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và trình độ về KH&CN, có khả năng ứng dụng các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị, dự phòng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

Trang thiết bị y tế ngày càng được nâng cấp cho các đơn vị cả lĩnh vực điều trị và dự phòng. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã được xây dựng mới khang trang, tăng cường ứng dụng các kỹ thuật mới để khai thác tối đa các trang thiết bị hiện đại được đầu tư từ các chương trình/ dự án và nguồn đầu tư phát triển của địa phương, đơn vị và tăng cường tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ Bệnh viện Trung ương Huế theo đề án 1816 của Bộ Y tế cũng như thực hiện công tác hợp tác quốc tế đã ứng dụng, triển khai các kỹ thuật chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị. Các trang thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại, nhiều kỹ thuật mới được ứng dụng đã hỗ trợ đắc lực cho việc chẩn đoán, điều trị nhiều bệnh lý về xương khớp, sọ não, tim mạch, lồng ngực... như CT Scaner 128 lát cắt, máy

Ca phẫu thuật nội soi cắt thùy phổi điều trị ung thư phổi ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Baoquangtri.vn

chụp mạch số hoá xóa nền (DSA), máy chụp cộng hưởng từ (MRI), X-Quang kỹ thuật số, siêu âm màu 4D, nội soi laze, máy thở, các thiết bị gây mê hồi sức, các kỹ thuật tự động trong chẩn đoán huyết học, hoá sinh, miễn dịch học..., tiếp tục đầu tư trang thiết bị và các kỹ thuật phẫu thuật nội, cắt đại tràng nội soi, phẫu thuật thay khớp háng toàn phần, đầu tư và triển khai kỹ thuật cận lâm sàng, thăm dò chức năng tuyến giáp, miễn dịch sắc ký, hoá phát quang... Các thành tựu mới trong công nghệ Laser được ứng dụng mạnh mẽ trong phẫu thuật, điều trị các bệnh da liễu, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng,... Với sự trợ giúp của các thiết bị hiện đại, kỹ thuật nội soi chẩn đoán, nội soi phẫu thuật đã được ứng dụng nâng cao chất lượng chẩn đoán, giảm thiểu tổn thương trong phẫu thuật, rút ngắn thời gian điều trị, sớm phục hồi sức khoẻ cho người bệnh. Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đang tiếp tục đầu tư trang thiết bị y tế từ nguồn ngân sách của tỉnh và đang hoàn thành tiếp nhận thiết bị từ nguồn vốn vay của Chính phủ Áo. Hàng năm, ngành đã tích cực tìm nguồn để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các đơn vị trong ngành. Tuyến huyện thị đã có siêu âm 4D, X-Quang kỹ thuật số, điện tim, máy răng và các thiết bị xét nghiệm đa chức năng khác...

Hệ y tế dự phòng ngày càng được củng cố và phát triển, đã đầu tư nâng cấp trang thiết bị đảm bảo cho các hoạt động kiểm tra chất lượng nguồn nước, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và xét nghiệm phát hiện độc chất, sàng lọc các yếu tố nguy cơ, phát hiện HIV. Trang bị các máy sàng lọc HIV tại 4 cơ sở: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện khu vực Triệu Hải, Trung tâm y tế Vĩnh Linh. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được trang cấp nhiều trang thiết bị xét nghiệm hiện đại: hệ thống sắc ký khí, sắc ký lỏng cao áp, máy quang phổ huỳnh quang, máy UV-VIS, máy sinh hóa tự động, PCR, ELISA... phục vụ chẩn đoán các tác nhân gây bệnh, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng nước sinh hoạt, quan trắc môi trường lao động, trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm đã được trang bị các thiết bị hiện đại đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm đã được Viện Kiểm nghiệm trung ương công nhận đạt chuẩn. Các Trung tâm y tế huyện đã được trang bị các máy móc cơ bản phục vụ cho công tác y tế dự phòng.

Công tác nghiên cứu khoa học ngày càng được chú trọng và nâng cao chất lượng. Nhờ đổi mới về phương thức xác định và giao nhiệm vụ các lĩnh vực nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu ngày càng được tập trung cho những nhiệm vụ trọng tâm, không dàn trải. Công tác chỉ đạo, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện các đề tài, dự án được tiến hành thường xuyên, chú trọng chất lượng kết quả công việc theo đúng nội dung và tiến độ đã được xác định trong đề cương nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, do đó đã đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ kịp thời cho các mục tiêu công tác của ngành.

Hàng năm, đặc biệt từ 2005 đến nay, mỗi năm có trên 100 đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật được triển khai tại các đơn vị, từ nguồn ngân sách của đơn vị, được Hội đồng KHKT ngành Y tế xét duyệt, nghiệm thu và trên 20 đề tài NCKH triển khai cấp Sở từ nguồn ngân sách của ngành. Ngoài ra, có khoảng 05 đề tài phối hợp Bộ Y tế, 10 đề tài phối hợp giữa các Vụ, Viện

và cơ quan đầu ngành của Bộ Y tế, 2 đề tài cấp tỉnh cùng với nhiều Luận án Tiến sĩ, Thạc sĩ trong và ngoài nước, bác sĩ CKII, CKI… Ngành Y tế cũng tham gia tích cực trong các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật do Hội Liên hiệp KHKT tỉnh tổ chức, đã có nhiều Giải pháp đạt giải và cấp giấy chứng nhận giải pháp KH&CN.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý cũng là một trong những giải pháp được ngành Y tế rất chú trọng. Đến nay đã có rất nhiều phần mềm tin học hỗ trợ cho công tác quản lý đã được ứng dụng trong quản lý hoạt động bệnh viện như phần mềm HIS, LIS, PACS, quản lý tài chính bệnh viện, quản lý nhân lực, quản lý dược,... đặc biệt đang xây dựng kế hoạch triển khai phần mềm quản lý bệnh viện theo mô hình bệnh viện thông minh. Tất cả các đơn vị trong ngành đã nối mạng Internet, kể cả trạm y tế xã. Văn phòng Sở Y tế đã triển khai mạng nội bộ từ năm 2000, Sở Y tế đưa vào hoạt động cổng thông tin điện tử từ năm 2011 và triển khai Văn phòng điện tử năm 2012, thực hiện quản lý công tác văn bản điều hành, lịch công tác,… cho tất cả các đơn vị từ tuyến tỉnh đến tuyến xã với tổng số điểm kết nối là 179 đơn vị trong toàn ngành với trên 1.500 tài khoản được sử dụng. Sử dụng CNTT trong công tác quản lý và thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. Hiện nay, 76 thủ tục hành chính được số hóa và áp dụng quy trình ISO 9001:2008, trong đó có 73 quy trình được thực hiện theo mức độ 3 (thực hiện tại cổng một cửa của UBND tỉnh), 3 quy trình được thực hiện mức độ 4 (được thực hiện tại cổng một cửa của Bộ Y tế). 100% các cơ sở y tế trong toàn ngành (kể cả đơn vị y tế tư nhân có hợp đồng bảo hiểm) sử dụng các phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, công tác giám định hồ sơ bệnh án thực hiện qua hệ thống mạng trên cơ sở liên thông dữ liệu giữa phần mềm khám

Hội đồng khoa học nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu thực trạng nhiễm vius viêm gan B ở cán bộ y tế và một số giải pháp can thiệp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị". Ảnh: Hải Yến

chữa bệnh và hệ thống giám định của Bảo hiểm xã hội. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đang xây dựng kế hoạch triển khai bệnh án điện tử và xây dựng bệnh viện không phim, 100% dân số được quản lý thông qua hệ thống phần mềm, Sở Y tế đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm cho các ngành y tế, công thương, nông nghiệp.

Hiện tại đã thực hiện phần mềm quản lý tiêm chủng, phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm trong vòng 24 giờ, đang triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân cho toàn bộ người dân, phần mềm quản lý mạng lưới cung ứng thuốc và chuẩn bị triển khai phần mềm quản lý bệnh không lây nhiễm.

Tóm lại, trong những năm qua, hoạt động KHCN của ngành Y tế đã có những bước phát triển vượt bậc. Đội ngũ cán bộ KHCN ngày càng tăng về số lượng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trang thiết bị y tế được đầu tư theo hướng hiện đại và chuyên sâu. Đã có nhiều ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới vào công tác khám chữa bệnh, dược và y tế dự phòng. Đã có nhiều đề tài được triển khai nghiên cứu và áp dụng hiệu quả trong thực tế hoạt động của ngành, giúp cho việc xây dựng các kế hoạch chiến lược và các giải pháp can thiệp phù hợp và hiệu quả.

Phong trào NCKH và ứng dụng công nghệ trong toàn ngành phát triển vượt bậc và là một trong các tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm của đơn vị cũng như tiêu chuẩn lựa chọn để cử đi đào tạo, thi nâng ngạch, bậc...

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN trong ngành Y tế còn một số tồn tại cần khắc phục như sau:

Tiềm lực KHCN của ngành đã được tăng cường nhưng một số lĩnh vực còn yếu, chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao. Điển hình là đầu tư tiềm lực phục vụ cho công tác nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới còn nhiều hạn chế. Lực lượng cán bộ kỹ thuật, cơ sở vật chất cho nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ còn mỏng.

Trong những năm qua, đầu tư ngân sách cho việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ mới còn hạn chế, chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

Việc chuyển giao công nghệ từ tuyến trên chưa được thực hiện thường xuyên. Nguồn kinh phí cho NCKH còn thiếu và chưa có văn bản quy định cụ thể các định mức chi và mục chi cho các đề tài cấp Sở để triển khai các đề tài nên còn gặp nhiều khó khăn trong thanh quyết toán.

Đội ngũ cán bộ khoa học tuy nhiều nhưng đa số chưa được đào tạo về phương pháp NCKH và triển khai các hoạt động nghiên cứu.

Để khắc phục những hạn chế trên, ngành Y tế đưa ra một số định hướng hoạt động KH&CN trong thời gian tới, cụ thể:

1. Tiếp tục nghiên cứu về dịch tễ học cộng đồng và điều tra cơ bản về một số tình hình dịch bệnh và tai nạn thương tích trên địa bàn tỉnh.

2. Tăng cường tiềm lực KHCN trên các lĩnh vực trọng tâm như các kỹ thuật chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị: phẫu thuật chấn thương sọ não, nội soi, ghép xương, thay ổ chỏm và các kỹ thuật trong chuyên khoa mắt, tai-mũi-họng và mắt, các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật ở người như ghép tạng, trị liệu tế bào gốc, mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử, y học hạt nhân trong chẩn đoán, điều trị, trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Nâng

cao chất lượng kiểm nghiệm dược phẩm-mỹ phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh lao động, kiểm dịch y tế. Đầu tư trang thiết bị chẩn đoán, điều trị và dự phòng.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, mô hình quản lý bệnh viện thông minh. Xây dựng mô hình tổng thể thực hiện việc chia sẽ thông tin dữ liệu giữa các hệ thống phần mềm trong các lĩnh vực. Đảm bảo liên thông dữ liệu giữa các hệ thống phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, hệ thống PACS, hệ thống LIS, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý hệ thống cung ứng thuốc, quản lý y tế cơ sở, an toàn vệ sinh thực phẩm, cải cách hành chính. Hình thành mạng lưới cơ sở dữ liệu về bệnh án, bệnh dịch... của tỉnh và kết nối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh toàn quốc.

4. Tăng đầu tư kinh phí để nâng cao quy mô và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học. Mở rộng giao lưu, hợp tác trao đổi KH&CN với các đơn vị tuyến trên và tìm kiếm công nghệ tiến bộ phù hợp, tổ chức giao ban trực tuyến với các bệnh viện tuyến trung ương. Phối hợp với các bệnh viện trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo chuyên đề, tăng cường công tác chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo.

5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý hoạt động KHCN trong ngành, củng cố Hội đồng KHKT của Ngành. Tập hợp, phát huy trí tuệ, đóng góp của đội ngũ cán bộ KH&CN, cán bộ quản lý để hình thành và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm phục vụ phát triển ngành trong giai đoạn đến năm 2025. Phối hợp chặt chẽ với Sở KH&CN đề xuất triển khai các chương trình/dự án nghiên cứu.

6. Tiếp tục đào tạo, tập huấn về KH&CN, đào tạo tin học, ngoại ngữ cho cán bộ khoa học của ngành. Phối hợp với Sở KH&CN đẩy mạnh tập huấn về quản lý khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ. Khai thác, ứng dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ đã được nghiên cứu và tích cực tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật của tỉnh.

7. Cần phải có chế độ chính sách thoả đáng phù hợp để động viên hoạt động NCKH, kỹ thuật, đẩy mạnh đầu tư, tăng cường tiềm lực và tạo cơ chế hoạt động thuận lợi cho ngành để thực hiện các nhiệm vụ KHCN, cần có văn bản quy định về định mức chi cho các hoạt động NCKH của các Sở, Ngành, làm cơ sở cho việc bố trí và sử dụng kinh phí triển khai các hoạt động nghiên cứu ứng dụng KHCN. Tạo ra được cơ chế thích hợp, môi trường và điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; coi trọng các kết quả NCKH là loại dịch vụ có giá trị cao; tôn vinh, khen thưởng thích đáng và tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân làm công tác nghiên cứu khoa học.

Thời gian tới, dù còn nhiều khó khăn, song với sự quan tâm và đầu tư của toàn hệ thống chính trị, nỗ lực của toàn ngành, sự tham gia tích cực của người dân, sự hỗ trợ của các tổ chức trong nước cũng như quốc tế, ngành Y tế sẽ tiếp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào hoạt động của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi vai trò, nhiệm vụ đặc biệt cao cả của ngành, đó là chăm sóc sức khoẻ cho con người - mục tiêu và động lực của quá trình phát triển./.

M.N

Sau ngày tái lập, Quảng Trị là một tỉnh nghèo với nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn lực phát triển, thêm vào đó, với vị trí địa lý thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, sau 30 năm nhìn lại, nông nghiệp đã và đang có những bước chuyển mình rõ rệt cả về chiều rộng và chiều sâu, góp phần không nhỏ cho công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đưa nông sản Quảng Trị lên những nấc thang mới trong tiến trình phát triển.

Nông sản Quảng Trị sau 30 năm đổi mới

Nguyễn Hồng Phương
Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Trị

Xuất phát điểm với tập quán canh tác nhỏ lẻ, manh mún, tự cung tự cấp, chạy theo số lượng, lấy công làm lãi, hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm nông nghiệp gần như không có, điệp khúc được mùa mất giá lặp đi lặp lại thường xuyên... là những cản trở không nhỏ cho tiến trình phát triển của ngành nói chung cũng như đời sống của người sản xuất.

Qua từng giai đoạn, từng thời kỳ, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và người dân trên địa bàn, cộng với những chủ trương đúng đắn trong lãnh và chỉ đạo đã mang lại những thành tựu hết sức quan trọng cho sản xuất nông nghiệp tỉnh nhà.

Thứ nhất, đổi mới phương thức sản xuất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, với chủ trương thúc đẩy chuyển đổi mạnh về cơ cấu bộ giống cây trồng nói chung và cây lúa nói riêng theo hướng ngắn ngày, chất lượng cao. Năm 1989, diện tích lúa dài ngày với thời gian sinh trưởng từ 140 - 150 ngày chiếm 100% diện tích, đến nay diện tích lúa ngắn ngày, chất lượng cao với thời gian sinh trưởng 90 - 100 ngày chiếm gần 100% diện tích, đã giảm thiểu được tác động bất lợi của thời tiết, nhất là tránh được ngập úng vào giai đoạn thu hoạch trong vụ Hè Thu. Đặc biệt từ chỗ sản xuất nhiều giống trên một cánh đồng với các phương thức sản xuất khác nhau, nay

có hơn 6.000 ha Lúa được sản xuất theo hướng cánh đồng lớn. Các cánh đồng lớn với quy mô 20 - 50ha được sản xuất cùng một giống, một quy trình có liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ đã làm gia tăng hiệu quả lên từ 20 - 30% so với sản xuất nhỏ lẻ; mỗi năm có hơn 300 ha lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên... tạo nên sản phẩm gạo sạch có chất lượng, thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị đã có mặt trên thị trường trong tỉnh và các tỉnh thành khác, góp phần nâng cao giá trị cho ngành hàng lúa gạo nói riêng và nông sản của tỉnh nói chung. Từ chỗ lựa chọn được bộ giống lúa ngắn ngày, ngành nông nghiệp và PTNT đã điều chỉnh mùa vụ thích hợp, vụ Đông Xuân gieo cấy muộn hơn trước đây 15 - 20 ngày để tránh rét đầu vụ, vụ Hè Thu gieo cấy sớm để thu hoạch sớm hơn 25 - 30 ngày so với khi mới thành lập tỉnh, do đó đã luồn lách thời tiết bất thuận, bảo vệ mùa màng.

Thứ hai, gia tăng hàm lượng khoa học công nghệ làm tăng năng suất và sản lượng cây trồng, đặc biệt là năng suất lúa và sản lượng lương thực cây có hạt. Nhờ ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống mới, thâm canh, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, phương pháp IPM, "1 phải 5 giảm", "3 giảm 3 tăng" nên năng suất các loại cây trồng chính đều tăng mạnh, năm sau cao hơn năm trước. Năng suất lúa trung bình toàn tỉnh năm 2018 đạt 56,2 tạ/ha, cao hơn 30 tạ/ha so với năm 1989. Năng suất ngô năm 2018 đạt 34,5 tạ/ha, tăng 24 tạ/ha so với năm 1989; Năng suất Lạc năm 2018 đạt 20,3 tạ/ha, tăng 12,7 tạ/ha so với năm 1989. Hầu hết các loại cây trồng đều tăng qua các năm, tốc độ tăng bình quân từ 5%/năm. Sản lượng lương thực có hạt năm 2018 đạt 28,9 vạn tấn, tăng 17,5 vạn tấn so với năm 1989.

Sản xuất nông nghiệp trên cánh đồng lớn đang là hướng đi hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Ảnh: Baoquangtri.vn

Thứ ba, xây dựng và mở rộng diện tích cao su tiểu điền đã giúp cho cuộc sống người dân trên địa bàn có nhiều đổi thay, nhiều hộ gia đình đã vươn lên

làm giàu từ cây cao su. Năm 1989, toàn tỉnh chỉ có diện tích cao su đại điền của Công ty cao su Quảng Trị với 4.178,4 ha tập trung trên địa bàn 02 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh thì đến nay đã có 19.512 ha, tăng 15.333 ha, trong đó có 14.652 ha cao su tiểu điền tập trung trên địa bàn 08 huyện, thị của tỉnh. Đã hình thành các nhà máy chế biến mủ cao su, chủ động trong việc thu gom, sơ chế các sản phẩm từ cao su, nâng cao lợi nhuận cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cây cao su đã góp phần quan trọng vào phủ xanh đất trống đồi trọc cải tạo môi trường sinh thái miền Tây Quảng Trị. Đặc biệt, nhờ trồng cao su các xã đồng bào dân tộc như: Vĩnh Khê, Vĩnh Hà (huyện Vĩnh Linh), Linh Thượng, Vĩnh Trường (huyện Gio Linh), A Dơi (huyện Hướng Hóa) đã giảm hẳn tập quán phá rừng làm rẫy, tỷ lệ hộ nghèo giảm, cuộc sống của bà con dân tộc các xã này ổn định khá giả hơn trước rất nhiều, trong đó có nhiều hộ trở nên giàu có.

Mô hình trồng Chanh leo tại Hướng Hóa bước đầu cho năng suất và chất lượng tốt, đem lại lợi nhuận cao. Ảnh: https://laodong.vn

cao su đã chứng minh hiệu quả rất rõ về cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Ước tính với giá trung bình khoảng 50 triệu đồng/tấn mủ cao su (*có thời điểm giá lên đến 100 - 120 triệu đồng/tấn, khi thấp 30 triệu đồng/tấn*) trong những năm qua mỗi năm Quảng Trị thu về từ cao su trên 500 tỷ đồng/năm, chiếm gần 10% GDP nông nghiệp, tạo nguồn thu ngoại tệ lớn, tạo việc làm cho gần 20.000 hộ lao động nông thôn. Cùng với chương trình trồng rừng 327, 661, việc phát triển

Thứ tư, thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo hướng sạch, chất lượng, cộng với sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi: Với mục tiêu đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, Ngành nông nghiệp và PTNT đã chú trọng công tác đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hữu cơ, sinh học vào sản

xuất các loại cây trồng chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh như lúa, rau các loại, cây ăn quả các loại, Hồ tiêu, cà phê, Dược liệu... đã góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và vị thế của các mặt hàng nông sản của tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế. Từ chỗ sản xuất theo truyền thống với các kỹ thuật đơn giản, đến nay, toàn tỉnh đã có hơn 300 ha lúa canh tác theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên/năm; 100 ha cây ăn quả canh tác theo hướng hữu cơ, có chứng nhận; có hơn 10 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trồng Dưa lưới, rau ăn lá... trong nhà lưới, nhà kính; hơn 60 ha Hồ tiêu, nghệ canh tác theo tiêu chuẩn hữu cơ của Mỹ và Châu Âu... Bên cạnh đó, các sản phẩm gạo hữu cơ, canh tác tự nhiên, Dưa lưới, Dược liệu (chè vằng, cà gai leo...), Hồ tiêu, cà phê, tinh bột nghệ... đã được các siêu thị, cửa hàng bán lẻ lớn trong nước tiêu thụ, đặc biệt sản phẩm Hồ tiêu, Cà phê,... đã được xuất khẩu ra một số thị trường yêu cầu chất lượng nghiêm ngặt ở Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu... là tiền đề, nền tảng thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng xanh, sạch, bền vững và hiệu quả cao trong giai đoạn mới. Sau 30 năm tái thành lập tỉnh, từ chỗ chưa có liên kết trong sản xuất, ngành nông nghiệp của tỉnh đã tăng cường xúc tiến, tiếp xúc với nhiều đối tác Doanh nghiệp lớn nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư và hợp tác. Hiện nay, đã liên kết với một số Doanh nghiệp lớn như: Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao; Công ty TNHH TM Đại Nam – NM sản xuất phân bón Obi – Ong biển; Tập đoàn Sumitomo, Tập đoàn FLC phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Tập đoàn ISE food… Nhiều sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh đã được tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, có chỗ đứng trên thị trường nội địa và xuất khẩu, như: Gạo hữu cơ Quảng Trị, Gạo

Mô hình trồng dưa, rau, củ, quả sạch trong nhà màng tại Vĩnh Linh.
Ảnh: Baoquangtri.vn

canh tác tự nhiên Triệu Phong; Cà phê Arabica Khe Sanh; Chè Vằng hòa tan; Cà gai leo An Xuân; Tiêu Cùa, Tiêu Vĩnh Linh… Nổi bật nhất là mô hình liên kết sản xuất Gạo hữu cơ Quảng Trị giữa các HTX, tổ hợp tác trên địa bàn với Công ty TNHH Sản xuất thương mại Đại Nam – Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Obi - Ong biển. Mô hình đã khẳng định sự thành công, bền vững, người nông dân rất phấn khởi, hưởng ứng, lan tỏa cách làm mới, thay đổi tư duy sản xuất lúa trên địa bàn.

Thứ năm, tập trung quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất cây trồng có tiềm năng lợi thế, nhiều vùng sản xuất chuyên canh đã hình thành và phát triển khá ổn định như cà phê, chuối ở Hướng Hoá; cao su ở Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ; hồ tiêu ở Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và Hướng Hoá; Cùng với việc tăng diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng này đã tạo nên sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao, là những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh, đến năm 2018: Diện tích cao su đạt 19.284,8 ha, sản lượng 15.282,2 tấn, tăng 4,6 lần về diện tích và 106,6 lần về sản lượng so với năm 1989; Diện tích cà phê đạt 4.904,3 ha, sản lượng 5.540,2 tấn, tăng 6,64 lần về diện tích và 92,49 lần về sản lượng so với năm 1989; Diện tích Hồ tiêu đạt 2.505,1 ha, sản lượng đạt 1.482,9 tấn, tăng 3,76 lần về diện tích và 6,46 lần về sản lượng so với năm 1989. Việc tăng cường đầu tư, mở rộng diện tích các loại cây công nghiệp dài ngày, đặc biệt là cao su, cà phê và hồ tiêu đã giúp khai thác được tiềm năng lợi thế của từng vùng, đưa lại giá trị kinh tế cao, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho người dân. Tuy trong điều kiện biến đổi khí hậu và kinh tế thế giới suy giảm nhưng vẫn xác định việc tiếp tục đầu tư trồng cao su, cà phê, hồ tiêu có nhiều lợi thế so với các cây trồng khác trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch được các vùng sắn nguyên liệu gắn với 03 nhà máy chế biến tinh bột sắn. Năm 1989, diện tích sắn trên địa bàn tỉnh chỉ 4.294 ha, chủ yếu là làm lương thực và chăn nuôi, sản lượng 41.032 tấn và đến năm 2018 diện tích sắn đạt 11.848,3 ha, sản lượng đạt 200.884,8 tấn, tăng 2,77 lần về diện tích và 4,9 lần về sản lượng, cung cấp nguyên liệu cho 03 nhà máy chế biến tinh bột sắn tại Hải Lăng, Cam Lộ và Hướng Hoá, góp phần nâng cao thu nhập và xóa đói, giảm nghèo cho người nông dân, đặc biệt ở đồng bào dân tộc ở huyện ĐaKrông và Hướng Hóa.

Thứ sáu, nâng cao công tác ứng dụng tiến bộ KHKT, công nghệ mới vào công tác dự tính dự báo sâu bệnh hại cây trồng. Từ năm 2016, công tác điều tra dự tính dự báo sâu bệnh cây trồng đã được thực hiện theo phần mềm PPDMS 2.0 trên phạm vi cả nước. Ngành đã áp dụng phần mềm vào công tác dự tính dự báo, qua đó đã hệ thống hóa được số liệu về dịch hại của các năm, các vụ, nâng cao tính hiệu quả trong việc đề xuất các biện pháp phòng trừ. Chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM, ICM) được áp dụng tại Quảng Trị từ những năm 1993-1994 của thế kỷ XX. Sau hơn 25 năm, chương trình đã chứng tỏ được vai trò ưu việt trong việc nâng cao nhận thức của người nông dân, giảm thiểu tối đa lượng thuốc Bảo vệ thực vật được sử dụng trên đồng ruộng, góp phần tăng năng suất cây trồng, tạo ra nông sản an toàn cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sống.

Sau 30 năm nhìn lại, Nông nghiệp Quảng Trị đã đạt được những bước tiến vững chắc trong tiến trình phát triển chung của đất nước. Để tiếp tục duy trì,

phát huy những thành quả đó, ngành tiếp tục chủ trương với định hướng đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng cho người sản xuất với nhiều mục tiêu, kế hoạch cụ thể góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên cơ sở định hình bộ sản phẩm 6 cây trồng (*lúa chất lượng cao, cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả đặc sản cây dược liệu và cây gỗ nguyên liệu*) gắn với phát triển các đặc sản địa phương. Chỉ đạo quyết liệt, tập trung nguồn lực, chuyển hướng từ sản xuất quy mô nhỏ sang quy mô lớn, chất lượng, giá trị theo chuỗi liên kết, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; xem Doanh nghiệp là động lực chính thúc đẩy sản xuất phát triển.

Duy trì sản lượng lương thực có hạt hàng năm từ 25 - 26 vạn tấn. Ổn định diện tích trồng lúa 45.500 ha/năm, năng suất lúa bình quân đạt 55 tạ/ha. Đảm bảo trên 95% diện tích được sử dụng giống xác nhận, giống ngắn ngày; Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao đạt 37.000 ha. Diện tích gieo trồng ngô ổn định 6.000 ha, năng suất bình quân đạt 40 - 45 tạ/ha.

Duy trì ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày, tập trung ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Diện tích hồ tiêu đạt 3.000 ha, năng suất trên 2 - 2,5 tấn/ha; Ổn định diện tích cây cà phê 5.300 - 5.500 ha, năng suất đạt 2,5 - 3 tấn nhân/ha; Ổn định diện tích cao su 25.000 ha (tập trung tại Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa), sản lượng 20.000 - 27.000 tấn.

Tập trung khai thác tiềm năng lợi thế của vùng miền, đặc biệt là vùng gò đồi, vùng núi để mở rộng quy mô sản xuất các cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu (Cà gai leo, Đinh lăng, Chè vằng...). Phấn đấu diện tích cây ăn quả đạt 12.000 ha, trong đó chuối đạt 5.000 - 6.000 ha (tập trung chủ yếu tại Hướng Hóa, Đakrông), bơ đạt 500 ha (tập trung tại Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Gio Linh), dứa 1.000 ha (tập trung chủ yếu tại Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Gio Linh).

Để duy trì những thành quả đã đạt được cũng như thực hiện thành công những mục tiêu, định hướng của ngành cần có sự đoàn kết, quyết tâm, chủ động và quyết liệt trong công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn từ trung ương đến địa phương, sự nỗ lực của người dân trong việc chủ động trong công tác sản xuất, liên kết, thực hiện tốt vai trò là mắt xích quan trọng trong mối liên kết 4 nhà, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững của ngành nông nghiệp tỉnh nhà trong thời kỳ mới.

N.H.P

Khoa học và công nghệ (KH&CN) có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội nói chung, ngành Công Thương nói riêng. Hoạt động KH&CN vì thế luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm ưu tiên phát triển nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành Công Thương Quảng Trị

Quốc Hồ Hiệp Nghĩa
Phó Giám đốc Sở Công Thương Quảng Trị

Có thể nói sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo tỉnh cho KH&CN được "kết tinh" và khẳng định rõ trong giai đoạn 2014 đến nay, với môi trường thể chế và các chính sách khuyến khích phát triển KH&CN được hoàn thiện tạo hành lang pháp lý cho hoạt động KH&CN phát triển.

Ngày 25/7/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND về phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020. Ngày 20/11/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2569/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với các định hướng: Đối với công nghiệp: "*Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn, các công trình công nghiệp mới; lựa chọn công nghệ, thiết bị hiện đại, ưu tiên ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, xử lý môi trường ở các Khu Kinh tế, các Khu Công nghiệp của tỉnh; áp dụng công nghệ tiên tiến sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trong các lĩnh vực chế biến nông sản, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Ứng dụng máy, thiết bị điều*

khiển vào những khâu, công đoạn sản xuất hàng gia công chi tiết, linh kiện cần độ chính xác cao. Điều tra khảo sát, quy hoạch và đề xuất sử dụng các khoáng chất công nghiệp có triển vọng vào sản xuất". Đối với thương mại – dịch vụ: "*Nghiên cứu dự báo về xu thế phát triển của các thị trường có liên quan tới sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nâng cao chất lượng thương mại, dịch vụ, đa dạng hóa hình thức kinh doanh, tập trung vào Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, thành phố Đông Hà, Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay. Phát triển thương mại điện tử và hệ thống dịch vụ ngân hàng theo hướng hiện đại hóa".*

Trên cơ sở đó, hàng năm Sở Công Thương đã triển khai rộng rãi chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh và đã đem đến những kết quả nhất định.

Triển khai nhiệm vụ kế hoạch ngành Công Thương giai đoạn 2016-2020, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức và nhiều bất ổn; áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường quốc tế và trong nước nhưng ngành Công Thương đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội để phát triển và đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp tích cực vào thành tựu phát triển và ổn định kinh tế của tỉnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) có xu hướng tăng, năm 2016 tăng 10,11% so với năm 2015, năm 2017 tăng 15,01% so với năm 2016 và năm 2018 tăng 9,28% so với năm 2017 (chỉ tiêu Đại hội đề ra là phấn đấu tốc độ tăng giá trị Công nghiệp - xây dựng bình quân 5 năm đạt 10,5-11%/năm). Khu vực thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển khá ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2016

Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng trị lần thứ IV - năm 2018. Ảnh: https://www.quangtri.gov.vn

đạt 21.801,6 tỷ đồng, tăng 7,47% so với năm 2015; năm 2017 đạt 25.000 tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2016, năm 2018 đạt 27.100 tỷ đồng, tăng 10,18% so với năm 2017 (mục tiêu bình quân đạt 8,5 - 9%/năm giai đoạn 2016-2020).

Có thể nói hoạt động KH&CN thời gian qua đã góp phần quan trọng vào thành tích chung của ngành Công Thương tỉnh nhà. Hoạt động khoa học và công nghệ ngành Công Thương đã bám sát các yêu cầu, định hướng phát triển, góp phần thực hiện tốt các yêu cầu và mục tiêu phát triển công nghiệp, thương mại của tỉnh.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN, cải tiến, đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm công nghiệp - TTCN và bảo vệ môi trường trong thời gian qua được ngành quan tâm thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

Năm 2007, tổ chức nghiên cứu Đề tài: "*Định hướng phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh Quảng Trị đến 2015, tầm nhìn đến năm 2020*". Năm 2010, tổ chức nghiên cứu đề tài "Điều tra, đánh giá thực trạng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong công nghiệp và thương mại giai đoạn 2001-2009, xây dựng Chương trình phát triển khoa học công nghệ ngành công thương đến 2020"; Năm 2013, tổ chức nghiên cứu luận cứ khoa học và thực tiễn về phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị; Năm 2015, nghiên cứu đề tài "*Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh*"; Năm 2016 và năm 2017, triển khai nghiên cứu 02 đề án khoa học, gồm: (i). Đề án "*Khảo sát, đánh giá nhu cầu vận*

Nghiệm thu đề tài "Điều tra, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ và đề xuất nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025". Ảnh: Tư liệu

chuyển tiêu thụ hàng hóa sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (các mặt hàng chủ yếu), đề xuất phương án phát triển dịch vụ Logistics để thúc đẩy thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"; (ii). Đề án: "Điều tra, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ. Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025".

Kết quả của việc triển khai thực hiện những đề tài/đề án nghiên cứu khoa học nói trên là cơ sở để ngành trình UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch cụ thể và đầu tư kinh phí để phát triển các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại thời gian đến.

Khoa học và công nghệ trở thành yếu tố then chốt góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh công nghiệp chủ yếu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng dần tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo, nhóm hàng có hàm lượng công nghệ và chất xám cao.

Thông qua hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại, những năm qua Sở Công Thương đã hướng dẫn, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa; ứng dụng thương mại điện tử để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tổ chức Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp đưa sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia, kết quả được công nhận qua các năm như sau:

Sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh: năm 2012 có 17 sản phẩm, năm 2014 có 23 sản phẩm, năm 2016 có 23 sản phẩm, đặc biệt năm 2018 có 40 sản phẩm được công nhận; Sản phẩm CNNT tiêu biểu khu vực miền Trung - Tây Nguyên: các năm 2012, 2014, 2016 và 2018 mỗi năm có 3 sản phẩm được công nhận; Sản phẩm CNNT tiêu biểu quốc gia: năm 2014 có 02 sản phẩm, năm 2016 có 01 sản phẩm, đặc biệt năm 2018 có 03 sản phẩm được công nhận.

Thông qua hoạt động hỗ trợ đầu tư cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, nhiều doanh nghiệp đã sản xuất ra sản phẩm mới, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản... mở ra hướng đi mới góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Thời gian tới trong bối cảnh môi trường quốc tế cạnh tranh ngày càng gay gắt, công nghệ được xem là công cụ chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội một cách nhanh chóng và bền vững, là bí quyết để phát triển kinh tế và khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Thực tế này đang đặt ra yêu cầu bức thiết về đổi mới, phát triển công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tạo được ưu thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Vì vậy, hoạt động khoa học, công nghệ của ngành công thương giai đoạn 2016 - 2020 cần tập trung vào các nhiệm vụ đã được đặt ra trong Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 và các định hướng phát triển mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra./.

Q.H.H.N

Văn hoá nói chung, di sản văn hoá nói riêng là sản phẩm kết tinh từ tâm hồn, trí tuệ, tài năng, cốt cách và đạo lý của cả dân tộc trong quá trình sống, lao động, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; nó luôn có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong đời sống con người cũng như trong bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc. Là tài sản vô cùng quý giá của đất nước, là chất keo gắn kết cộng đồng, là cơ sở để sáng tạo những giá trị tinh thần mới và giao lưu với văn hóa quốc tế. Bảo vệ, giữ gìn và phát huy kho tàng di sản văn hóa dân tộc là góp phần to lớn vào việc bảo vệ và xây dựng đất nước, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chính vì vậy giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá truyền thống và phát huy giá trị của nó trong đời sống đương đại và thời kỳ hội nhập hiện nay là một yêu cầu hết sức cần thiết.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa
30 năm nhìn lại

Cái Thị Vượng
Bảo tàng Quảng Trị

Trong bối cảnh chung đó, vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá ở Quảng Trị là việc làm hết sức cần thiết bởi: Quảng Trị là một vùng đất có bề dày lịch sử, truyền thống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đặc biệt là trong hai cuộc trường chinh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, lớp lớp cha ông đã để lại cho hậu thế hàng trăm di tích lịch sử và văn hoá có giá trị cũng như hàng vạn tài liệu, hiện vật gốc... hiện đang được bảo quản và trưng bày tại các Bảo tàng, nhà trưng bày truyền thống; hàng ngàn di vật, cổ vật hiện đang được người dân lưu giữ, bảo quản tại các địa phương... đây là một gia tài di sản văn hoá khổng lồ, phong phú, đa dạng được các thế hệ người Quảng Trị chắt chiu, xây dựng, bảo tồn, kế thừa, phát huy trong đời sống văn hoá, tinh thần; đồng thời nhắc nhở con cháu các thế hệ hôm nay và mai sau phải luôn trân trọng giữ gìn.

Qua 30 năm kể từ khi tỉnh Quảng Trị được tái lập (1989-2019), công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày và phát huy tác dụng của các di sản văn hóa đã được tỉnh chú trọng, góp phần tích cực vào việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa Quảng Trị.

1. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

Gia tài di sản văn hóa Quảng Trị được xây dựng bởi các tộc người Chăm, Việt, Bru - Vân Kiều và Tà Ôi trải suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm. Bằng cách chuyển tải liên tục trên sự kế thừa các yếu tố nội lực với tất cả sự năng động, sáng tạo, hội nhập, giao thoa, kết tinh

và lan tỏa với văn hóa các cộng đồng tộc người ở các vùng, miền để hòa nhập vào dòng chảy chung của đất nước. Đây là một bức tranh phức hợp, đa sắc màu thể hiện bản sắc văn hóa riêng của người Quảng Trị.

Di sản văn hóa truyền thống của Quảng Trị là sự hội tụ của vất vã, cơ cực, đau thương, mất mát, ly loạn chia cắt; nhưng chính đây là sự kết tinh của giá trị nhân bản, sáng tạo anh dũng, kiên cường và lạc quan cách mạng của các thế hệ người dân Quảng Trị trong quá trình sống, lao động, xây dựng và bảo vệ quê hương. Tất cả những giá trị văn hóa ấy ẩn dấu một phần không nhỏ trong các di tích. Hiện nay, ở Quảng Trị có một hệ thống di tích lịch sử - văn hoá rất phong phú và đa dạng gồm 533 di tích được tập hợp theo từng địa bàn các huyện, thị và phân theo các loại hình chính (Văn hóa khảo cổ, Kiến trúc - nghệ thuật, Lịch sử cách mạng và Danh lam thắng cảnh). Trong 21 di tích xếp hạng quốc gia có 4 di tích đặc biệt quan trọng (gồm 30 địa điểm di tích thành phần), 473 di tích cấp tỉnh. Nhiều di tích quan trọng, tiêu biểu được đầu tư tôn tạo, đưa vào khai thác và phát huy giá trị như: Thành Cổ Quảng Trị, Địa đạo Vịnh Mốc, Cụm di tích đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Nhà tù Lao Bảo, Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn, Sân bay Tà Cơn... Đây là những di tích lịch sử cách mạng, chứa đựng, phản ánh, chứng kiến đầy đủ những năm tháng hào hùng của một vùng đất đầy máu lữa nhưng rất đỗi anh hùng. Không có nơi đâu như mảnh đất này đã phải chịu đựng quá nhiều sự khốc liệt, hy sinh, đau thương mất mát của cuộc chiến tranh; nhưng cũng là nơi thể hiện cao nhất tinh thần cách mạng với ý chí quật cường của người Quảng Trị trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Với hệ thống các di tích lịch sử đó hàng năm đã thu hút được khoảng hơn 203.569 lượt khách trong nước và quốc tế đến tham quan, dâng hương tưởng niệm… Góp phần đem lại nguồn thu cho ngân sách của tỉnh hơn 6, 877 tỷ đồng[1]. Có được kết quả trên là nhờ sự quan tâm của các cấp chính quyền, sự nỗ lực vượt bậc của những người làm công tác quản lý Di tích trong việc điều tra, kiểm kê, cung cấp thông tin, nghiên cứu và lập hồ sơ khoa học về các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị, ngày càng được quan tâm, chú trọng. Công tác tu bổ, sửa chữa các di tích được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch hàng năm. Tổ chức trưng bày hiện vật tại các Nhà trưng bày bổ sung di tích đảm bảo hiệu quả, chất lượng. Nó góp phần giúp cho mọi người dân nhận thức rõ hơn những giá trị đích thực về mảnh đất mình đang sống, về lịch sử văn hiến lâu dài, về một quá khứ mất mát, đau thương nhưng oai hùng và huyền thoại. Từ đó hướng tới mục đích cuối cùng là gìn giữ và xây dựng các di tích ngày càng trở thành nhân tố quan trọng của di sản văn hóa.

Tháng 7/1989, Bảo tàng Quảng Trị được thành lập trên cơ sở chia tách từ Bảo tàng Bình Trị Thiên, với lưng vốn ít ỏi, nghèo nàn: 830 hiện vật gốc, 266 bản phim ảnh và 300 tài liệu, tất cả đều có nội dung sơ sài, thiếu thông tin về hiện vật. Xác định được chức năng, nhiệm vụ của mình, ngay từ khi mới thành lập, Bảo tàng Quảng Trị đã tập trung, chú trọng đến công tác nghiệp vụ nhất là công tác sưu tầm hiện vật, coi đây *"là nền tảng, là linh hồn sống"* vì nó có giá trị, tầm quan trọng đối với sự nghiệp văn hóa của tỉnh nhà. Trong 30 năm qua, công tác sưu tầm hiện vật tại Bảo tàng đã được triển khai một cách có hiệu

quả, nhiều hiện vật quý hiếm với đủ các loại hình như: hiện vật khảo cổ học, hiện vật chiến tranh cách mạng, hiện vật dân tộc học, hiện vật thuộc văn hoá Chăm... đã được đưa về bảo quản tại kho sơ sở của Bảo tàng. Hiện nay, tại bảo tàng tỉnh Quảng Trị đang lưu giữ khoảng hơn 30.000 tài liệu, hiện vật gốc. Trong đó có 03 hiện vật được Thủ tướng chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia[2]. Với khối lượng các bộ sưu tập hiện vật gốc phong phú, đa dạng, có giá trị, Bảo tàng đã tái hiện rõ nét tiến trình lịch sử tự nhiên, văn hoá tộc người, lịch sử xã hội mảnh đất Quảng Trị từ thời nguyên thuỷ cho đến nay. Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, Bảo tàng Quảng Trị hiện đang là một trong những nhà Bảo tàng lịch sử, văn hóa và chiến tranh cách mạng có quy mô lớn nhất miền Trung đáp ứng được nhu cầu tham quan, học tập và nghiên cứu của nhân dân trong nước và du khách quốc tế. Hàng năm, Bảo tàng tỉnh Quảng Trị đón tiếp khoảng hơn 20.000 lượt khách đến nghiên cứu, tham quan, học tập.

Hai bức Phù Điêu lá nhĩ Trà Liên được Thủ tướng chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia đang được trưng bày tại Bảo tảng Quảng Trị. Ảnh: Tienphong.vn

Thực hiện theo Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá về việc đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại các địa phương trong cả nước; được sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, trong thời gian từ 2003 đến năm 2009 đoàn cán bộ nghiệp vụ Bảo tàng tỉnh Quảng Trị đã tiến hành nhiều đợt tổng điều tra, kiểm kê, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Với nhận thức đúng đắn về mục đích của đợt tổng điều tra, kiểm kê, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và tinh thần trách nhiệm cao, sự nổ lực cố gắng vượt bậc, các cán bộ Bảo tàng đã tiến hành thu thập thông tin, lập hồ sơ, đánh giá đúng giá trị lịch sử văn hoá của từng hiện vật, lập danh mục thống kê... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổng điều tra, kiểm kê di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đúng kế hoạch và đã đạt được những thành công rất đáng được ghi nhận. Trên cơ sở bước đầu tại 94 xã, phường trên toàn tỉnh chúng tôi đã kiểm kê được 2.209 hiện vật. Trong đó có 02 hiện vật giá trị

đang dự định đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia[3], 882 cổ vật và 1.325 di vật hiện đang được nhân dân các địa phương lưu giữ tại các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như: đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ... trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Mặc dù mảnh đất Quảng Trị phải chịu nhiều cuộc tàn phá của chiến tranh và thiên tai nhưng với ý thức gìn giữ và bảo tồn từ bao đời nay của các thế hệ người Quảng Trị, để hôm nay khi tìm lại kho báu văn hóa phi vật thể, chúng ta có thể tự hào và khẳng định đây là một gia tài di sản văn hoá truyền thống khá đồ sộ và vô cùng quý báu, bởi nó khá nhiều về số lượng, phong phú về loại hình, độc đáo về nội dung và hình thức mà các thế hệ cha ông đã lưu truyền lại cho hậu thế. Từ năm 2011-2017, bằng nhiều nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu của Quốc gia, ngân sách hàng năm của đơn vị; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phân công trách nhiệm cho Bảo tàng Quảng Trị tiến hành tổng điều tra, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh. Qua bước đầu tiến hành điều tra, nhận diện, kiểm kê tại địa bàn các làng xã thuộc địa bàn trên toàn tỉnh; kết quả đã lập phiếu kiểm kê (theo Mẫu số 01, ban hành theo Thông Tư số 04/2010/TT - BVHTTDL) cho 368 di sản văn hóa phi vật thể với đầy đủ 07 loại hình. Các loại hình di sản phi vật thể truyền thống được lưu giữ khá nhiều trên vùng đất Quảng Trị. Từ tiếng nói, ngữ âm dân gian, nếp sống, phong tục tập quán, lễ hội truyền thống và lễ hội cách mạng, nghề thủ công truyền thống đến các tri thức dân gian về đời sống lao động, về ẩm thực... tất cả là những sản phẩm văn hóa tinh thần đó đều do con người sáng tạo, xây dựng, đúc kết, chắt chiu, thăng hoa... trong quá trình sống lao động, xây dựng và bảo vệ quê hương. Nó chính là *phần hồn*, là *sự sống*, là dòng chảy *tâm linh* tồn tại vững chãi và bền bĩ trong đời sống cộng đồng các làng bản của người dân Quảng Trị. Trải qua nhiều thế hệ, những giá trị văn hóa tinh thần đó đã được chắt lọc, hun

Di sản văn hóa phi vật thể:Hội phá trăm làng Trà Lộc, xã Hải Xuân. Ảnh: CTV

đúc, kết tinh để trở thành tài sản vô giá lưu truyền từ đời này sang đời khác, trở thành chất keo gắn kết cộng đồng làng xã từ ngàn xưa cho đến hôm nay. Có thể khẳng định tất cả các di sản văn hóa, đặc biệt là văn hóa phi vật thể là *linh hồn* của người Quảng Trị.

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di sản văn hóa đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo lại được đông đảo nhân dân ủng hộ và đóng góp tâm sức nên đã đạt được những kết quả quan trọng. Công tác quản lý xây dựng các di tích lịch sử, văn hóa, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng tiếp tục được tăng cường. Vấn đề nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản và trưng bày giới thiệu các hiện vật tại Nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh và các Nhà trưng bày bổ sung tại các di tích đến với du khách ngày càng được chú trọng và nâng cao, hiện vật có nội dung phong phú, đa dạng; nhiều về số lượng và chất lượng luôn được đãm bảo. Ý thức, phương pháp lưu giữ và bảo quản các di vật, cổ vật hiện đang được nhân dân địa phương chú trọng và ngày càng được nâng lên rõ rệt nhất là sau khi các tài sản của họ đã được đưa vào danh mục kiểm kê đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Những giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống vẫn đang hiện diện trong cuộc sống thường ngày của người dân Quảng Trị. Từng di sản văn hóa phi vật thể đều mang sắc thái riêng biệt, thể hiện rõ nhu cầu, ước muốn và bản sắc đặc trưng riêng lẽ từng làng. Hầu hết các lễ hội được tổ chức đúng quy định; các nghi thức trong lễ hội diễn ra trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục địa phương; phần hội diễn ra phong phú, hấp dẫn đã tạo được sức lan toả, lôi cuốn, góp phần thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Các nghề và làng nghề truyền thống được quan tâm, bảo tồn và phát huy khá tốt trong đời sống. Đây chính là một tiềm năng dồi dào để phát triển văn hóa, trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhận thức được điều này, Lãnh đạo tỉnh đã rất quan tâm tới công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Trong những năm qua, ngành Văn hóa – Thể thao và Du lịch đã triển khai đồng bộ công tác về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thông qua công tác nghiên cứu, sưu tầm, hệ thống hóa các tư liệu để đánh giá giá trị của từng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác giá trị phù hợp và đạt hiệu quả thiết thực, phục vụ công tác giáo dục truyền thống, quảng bá phát triển du lịch và góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển, hướng tới mục tiêu xây dựng quê hương Quảng Trị ngày càng giàu mạnh.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa còn chưa tương xứng với giá trị, tầm vóc của di sản. Việc quản lý, bảo vệ di tích còn nhiều bất cập, đa số các di tích đang ngày một xuống cấp; Công tác sưu tầm hiện vật, cổ vật gặp rất nhiều khó khăn; bảo quản cổ vật, di vật, hiện vật tại một số địa phương còn chưa hiệu quả. Nhìn chung, các lễ hội tổ chức với quy mô nhỏ, mang tính tự phát, thiếu chọn lọc. Hoạt động của nghề và làng nghề thủ công truyền thống gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường tiêu thụ. Công tác tuyên truyền, quảng bá di sản văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Nguyên nhân

của tình trạng này là do tác động của điều kiện tự nhiên, lịch sử, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hoá; sự du nhập của văn hóa ngoại lai; sự lấn át của những lợi ích kinh tế trước mắt… dẫn đến sự xuống cấp, mai một của nhiều di sản. Hơn nữa, kinh phí đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia và của tỉnh nhà đang gặp nhiều khó khăn, nguồn lực cho công tác tu bổ, tôn tạo các di tích, nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản... còn hạn chế so với số lượng di sản văn hóa trên địa bàn. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương còn chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa huy động được sự vào cuộc của cả cộng đồng để tham gia bảo vệ giá trị di sản văn hóa. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về văn hóa còn chưa đáp ứng yêu cầu công việc. Ý thức bảo vệ và gìn giữ của nhân dân chưa thật sự tốt do không nhận thức được tầm quan trọng của di sản, đặc biệt chưa xác định được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn các gia tài quý báu của cha ông để lại.

2. Những giải pháp kiến nghị, đề xuất

Trước thực trạng đó, để bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di sản văn hoá, chúng tôi đưa ra một số giải pháp kiến nghị, đề xuất có tính định hướng chung như sau:

Cần chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Luật Di sản văn hóa đến sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

Có chính sách đầu tư, hỗ trợ kịp thời trong việc tu bổ, tôn tạo các di tích cũng như nghiên cứu, sưu tầm các hiện vật, cổ vật có giá trị; tiến hành phục hồi các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu đang có nguy cơ thất truyền và mai một trên địa bàn toàn tỉnh. Huy động mọi nguồn lực toàn xã hội tham gia vào công tác đầu tư bảo tồn và phát triển của di sản. Tuy nhiên, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phải đảm bảo tính trung thực, tính đặc trưng và giá trị gốc của di sản; nên việc thực hiện tu bổ, tôn tạo các di tích xếp hạng trong trường hợp cần thiết phải trên cơ sở đảm bảo tính nguyên vẹn, tôn trọng yếu tố gốc, sự bền vững, sự hài hoà của di tích với cảnh quan lịch sử - văn hóa của khu vực.

Xác định bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do vậy cần vận động, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa, vì quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, giữ vai trò quyết định sự phát triển của xã hội. Có chính sách phù hợp, kịp thời đối với những doanh nghiệp, cá nhân có công lao đóng góp tích cực trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa bằng hình thức khen thưởng, vinh danh các nghệ nhân...

Nâng cao ý thức, trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả của cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền địa phương; Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản cho cán bộ, công chức đảm nhận nhiệm vụ quản lý về di sản văn hóa; tăng cường công tác hoạch định mục tiêu, kế hoạch phát huy giá trị di sản văn hóa cũng như công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời có những định hướng đúng đắn cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phải gắn liền với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công tác điều tra, sưu tầm, kiểm kê... để làm cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, phổ biến tri thức về lịch sử, giá trị di sản văn hóa; góp phần định hướng và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, chống lại sự du nhập của các yếu tố văn hóa ngoại lai có

ảnh hưởng xấu đến các giá trị văn hóa truyền thống, chuẩn mực trong xã hội.

Tăng cường liên kết với các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn trong và ngoài tỉnh; đẩy mạnh hợp tác, giao lưu, liên kết vùng trong việc thực hiện quảng bá, xúc tiến du lịch đến với khách tham quan trong, ngoài tỉnh và quốc tế.

Để phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để đưa các nhân tố văn hóa thấm sâu vào lĩnh vực kinh tế, kinh doanh; để kinh tế và kinh doanh ở tỉnh ta có bước phát triển nhanh, bền vững thì cần thực hiện đồng bộ những chính sách và giải pháp đúng đắn từ phía cơ quan quản lý văn hóa; cùng với sự nỗ lực chung của nhân dân. Một trong những quan tâm hàng đầu khi hoạch định chính sách và giải pháp đó là: có được quan điểm đúng đắn về xây dựng một nền văn hóa tương ứng, hướng tới những giá trị nhân văn hiện đại chung của toàn dân tộc, nhân loại nhưng vẫn đảm bảo giữ gìn, phát huy những nhân tố tích cực trong văn hóa truyền thống của Việt Nam để văn hóa thật sự là nền tảng, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị tăng trưởng và phát triển bền vững./.

C.T.V

CHÚ THÍCH

[1] Ban quản lý Di tích và Bảo tàng Quảng Trị. *Báo cáo tổng kết 2018 - Phương hướng nhiệm vụ 2019.*

[2] 03 Bảo vật quốc gia: Hai bức Phù Điêu lá nhĩ Trà Liên và Tượng U Ma Dương Lệ hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Quảng Trị.

[3] Bản khoán ước tại làng Phú Kinh, xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng và Tượng đồng Nguyễn Ư Dĩ tại làng Trà Liên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong.

ISO hành chính... *(Tiếp theo trang 34)*

một cửa liên thông và mô hình một cửa điện tử. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về HTQLCL theo Quyết định số 19/2014/TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; phiên bản TCVN ISO 9001:2015.

Việc xây dựng HTQLCL theo ISO 9001 đã khó nhưng việc duy trì và cải tiến còn khó hơn nhiều đối với các CQHCNN, đòi hỏi sự cam kết và quyết tâm cao hơn của lãnh đạo và toàn thể nhân viên. Duy trì và cải tiến hệ thống là điều kiện tiên quyết để ISO thật sự thực chất, đi vào cuộc sống, trở thành công cụ đắc lực cho CCHC đặc biệt là cải cách TTHC. Với những kết quả đã đạt được qua 13 năm triển khai thực hiện, chúng tôi tin tưởng với sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, sự quan tâm phối hợp có hiệu quả của các Sở, ban ngành, địa phương; việc ứng dụng HTQLCL trong hoạt động quản lý nhà nước sẽ có hiệu quả thiết thực, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế, hỗ trợ đắc lực cho chương trình CCHC của tỉnh./.

T.T

Tháng 2 năm 2019, bệnh dịch tả lợn châu Phi bắt đầu bùng phát ở nước ta và ảnh hưởng lớn đến ngành chăn nuôi lợn nói riêng và kinh tế xã hội cả nước. Mặc dù, bệnh dịch tả lợn châu Phi lây lan nhanh trên 62/63 tỉnh thành nhưng không lây sang người. Để có thêm thông tin về bệnh truyền nhiễm này, tác giả xin tổng hợp một số thông tin cơ bản về bệnh để bạn đọc cùng tham khảo.

Những hiểu biết cơ bản về dịch tả lợn châu Phi

Lê Đức Ngoan
Khoa Chăn nuôi thú y,
Trường Đại học Nông Lâm Huế

Lịch sử

Dịch tả lợn châu Phi (ASF - *African Swine Fever*) đã xảy ra vào năm 1907 tại Kenya. Đến 1957, bệnh được phát hiện ở Lisbon, Bồ Đào Nha. Sau đó, một vụ dịch nữa xảy ra ở Bồ Đào Nha vào năm 1960. Năm 1971, dịch đã xảy ra ở Cuba và phải giết 500.000 con lợn để ngăn chặn dịch bệnh trên toàn quốc. Sau những vụ dịch ban đầu này, căn bệnh đã được hình thành ở bán đảo Iberia và bùng phát lẻ tẻ ở Pháp, Bỉ và các nước châu Âu khác trong những năm 1980.

Đầu năm 2007, dịch xảy ra tại Gruzia và sau đó lan sang Armenia, Azerbaijan, Iran, Nga và Belarus. Tháng 8 năm 2012, dịch tả lợn ở châu Phi đã xuất hiện ở Ukraine. Tháng 6 năm 2013, dịch bùng phát ở Belarus. Tháng 1 năm 2014, dịch đã được phát hiện ở Litva và Ba Lan, và lan sang Latvia vào tháng 6 năm 2014 và tháng 7 năm 2015 xuất hiện tại Estonia. Tháng 6 năm 2017, Cộng hòa Séc đã ghi nhận trường hợp đầu tiên trong lịch sử về bệnh dịch tả lợn ở châu Phi. Năm 2018, Romania đã trải qua một đại dịch tả lợn châu Phi trên toàn quốc, khiến cho hầu hết lợn nông trại bị giết bỏ. Tháng 8 năm 2018, các nhà chức trách thông báo đợt bùng phát đầu tiên của dịch tả lợn châu Phi tại Bulgaria. Tháng 9 năm 2018, một vụ dịch đã xảy ra ở lợn rừng ở miền Nam nước Bỉ. Tháng 8 năm 2018, Trung Quốc đã báo cáo dịch tả lợn châu Phi đầu tiên bùng phát ở tỉnh Liêu Ninh, đây cũng là trường hợp được báo cáo đầu tiên ở Đông Á. Đến cuối năm 2018, các vụ dịch đã được báo cáo ở 23 tỉnh và thành phố trên khắp Trung Quốc.

Ở Việt Nam: Ngày 19/2/2019, Cục Thú Y thông báo đã phát hiện dịch tả lợn châu Phi ở TP Hải Dương và huyện Yên Mỹ (tỉnh Hải Dương) và huyện Hưng Hà (tỉnh Thái Bình). Hiện nay, ASF đã lan truyền trên nhiều tỉnh, thành cả nước và chưa có dấu hiệu dừng mặc dù chúng ta đã có nhiều biện pháp để ngăn chặn.

Nguyên nhân

Bệnh dịch tả lợn châu Phi gây ra bởi virus African Swine Fever (ASFV). ASFV là loài đặc hữu ở lân cận sa mạc Sahara châu Phi và tồn tại trong tự nhiên thông qua một chu kỳ lây nhiễm từ ve bét và lợn rừng... Bệnh này được mô tả lần đầu tiên sau khi những người định cư châu Âu đưa lợn vào khu vực có ASFV và đây là

một ví dụ về *bệnh truyền nhiễm mới nổi.*

ASFV là một virus DNA sợi kép lớn, nhân lên trong tế bào chất của các tế bào bị nhiễm bệnh. ASFV là virus duy nhất được biết đến với bộ gene DNA sợi kép được truyền bởi động vật chân đốt. Tuy nhiên, ASFV có thể biến đổi tạo thành chủng mới. Ze Chen và Shan Gao ở Đại học Nankai (Trung Quốc) đã phát hiện ASFV ở loài ve cứng ở cừu và bò bằng cách sử dụng giải trình tự RNA nhỏ. Các tác giả cho biết một chủng ASFV mới tồn tại, khác với tất cả các chủng ASFV được báo cáo trong cơ sở dữ liệu NCBI GenBank và chủng ASFV.

Sự khác biệt giữa dịch tả cổ điển và dịch tả lợn châu Phi: Dịch tả lợn cổ điển (CSF – Conventional Swine Fever) do một loại virus có cấu trúc ARN thuộc *Pestis virus*, họ *Flaviridae* gây ra. Virus dịch tả cổ điển cũng tồn tại lâu ở ngoài môi trường, có thể sống sót vài ngày trong phân lợn, vài tháng đến vài năm trong thịt đông lạnh. Tuy vậy, vaccine phòng ngừa dịch tả lợn cổ điển đã có từ lâu.

Con đường truyền lây

Virus dịch tả lợn châu Phi tồn tại lâu trong môi trường, trong thịt và sản phẩm thịt chế biến ở nhiệt độ thấp nhiều năm. Vì vậy, cơ hội lây lan virus này là rất lớn. Ngoài con đường lây lan trực tiếp, virus dịch tả lợn châu Phi có nhiều con đường gián tiếp khó kiểm soát. Các con đường gián tiếp bao gồm: Lợn sống và sản phẩm thịt lợn chưa được xử lý ở nhiệt độ >70^{o}C; Thức ăn dư thừa từ các chuồng trại có nhiễm bệnh; Dụng cụ thú y, thiết bị và phương tiện vận chuyển thức ăn, lợn và các vật dụng liên quan; Chất độn chuồng; Ve bét…

Thông tin mới của Hội thịt lợn quốc gia Mỹ (National Pork Board) cho biết, việc kiểm soát nguồn gốc, quy trình sản xuất, phương thức vận chuyển, thời gian sản xuất, thời gian bảo quản.. thức ăn là rất cần thiết để hạn chế sự lây lan.

Ở nước ta, phương tiện vận chuyển thức ăn và lợn sống là con đường lây lan quan trọng virus dịch tả lợn châu Phi trong thời gian qua. Ngoài ra, việc sử dụng chất thải nhà bếp để nuôi lợn cũng có thể là nguồn lây lan virus này.

Triệu chứng

Ở dạng cấp tính, bệnh gây ra bởi các chủng virus có độc lực cao, lợn có thể bị sốt cao (40-42^{o}C), nhưng không có triệu chứng đáng chú ý nào khác trong vài ngày đầu. Sau đó, lợn dần mất cảm giác ngon miệng và trở nên chán nản. Ở lợn da trắng, tứ chi chuyển sang màu xanh tím và xuất huyết trở nên rõ ràng trên tai và bụng. Lợn bị nhiễm bệnh nằm co ro, run rẩy, thở bất thường và đôi khi ho. Nếu bị buộc phải đứng, chúng có vẻ đứng không được ổn định. Trong vài ngày bị nhiễm trùng, lợn rơi vào trạng thái hôn mê và sau đó chết (6-13 ngày). Ở lợn nái mang thai, sẩy thai tự nhiên xảy ra.

Ở thể mạn tính với nhiễm trùng nhẹ, lợn bị nhiễm bệnh sẽ giảm cân, gầy và phát triển các dấu hiệu viêm phổi, loét da và sưng khớp. Lợn có thể chết sau khi nhiễm virus 15-45 ngày, tỷ lệ chết có thể đến 70%.

Chẩn đoán

Các triệu chứng lâm sàng của nhiễm ASFV rất giống với dịch tả lợn cổ điển, và hai bệnh thường phải được phân biệt bằng chẩn đoán trong phòng thí nghiệm. Chẩn đoán này thường được thực hiện bằng ELISA hoặc phân lập virus từ máu, hạch bạch huyết, lá lách hoặc huyết thanh của lợn bị nhiễm bệnh.

Phòng và khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi

Kiểm soát dựa vào quy trình an toàn sinh học

Các chuyên gia hàng đầu về dịch tả

lợn châu Phi cho rằng bệnh có thể được ngăn chặn nếu chúng ta tuân thủ quy trình an toàn sinh học. Các chuyên gia khẳng định rằng "Đừng sợ. Dịch tả lợn châu Phi là một bệnh có thể kiểm soát được".

Vaccine phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi

Hiện nay chưa có vaccine phòng dịch tả lợn châu Phi mặc dù các nhà khoa học đang nỗ lực nghiên cứu. Mặc dù vậy, tờ *The Pig Site Editor* cho biết lợn rừng có thể được chủng ngừa bệnh dịch tả lợn châu Phi bằng một loại vaccine mới được các nhà khoa học Tây Ban Nha tìm ra. Các nhà khoa học thú y đã sử dụng lợn rừng làm đối tượng thử nghiệm vaccine vì chúng là loài vật chủ chính gây bệnh ở châu Âu. Vaccine được sản xuất dựa trên chủng đã được phân lập ở Latvia vào năm 2017. Kết quả từ các thí nghiệm cho thấy khả năng bảo hộ của vaccine là 92%.

Ở nước ta, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) và Công ty Thuốc Thú Y miền Nam (NAVESCO) đã bước đầu thử nghiệm thành công vaccine vô hoạt dịch tả lợn châu Phi và đang thử nghiệm trên diện rộng để có kết luận cuối cùng. Các phát hiện này là một bước đi đầy hứa hẹn trong việc phát triển một loại vaccine phòng chống bệnh dịch tả châu Phi.

Tuy nhiên, nhiều nhà khoa học cho rằng chế vaccine phòng dịch tả lợn châu Phi là điều vô cùng khó khăn bởi virus này khá phức tạp.

Kinh nghiệm khống chế bệnh

Kinh nghiệm của Tây Ban Nha cho thấy, để thanh toán bệnh dựa trên phát hiện động vật nhiễm ASFV bằng chẩn đoán ở phòng thí nghiệm (ELISA) và thực hiện các biện pháp vệ sinh nghiêm ngặt. Nước này mất 10 năm (1985-1995) để khống chế dịch tả lợn châu Phi. Năm 1995, Tây Ban Nha tuyên bố loại bỏ dịch tả châu Phi.

Một số biện pháp khống chế dịch tả lợn châu Phi ở nước ta

Hiện nay dịch tả lợn châu Phi đang hoành hành cả nước tạo ra thảm hoạ lớn cho ngành chăn nuôi và những thách thức lớn về kiểm soát dịch bệnh cho các nhà quản lý và nhà chuyên môn. Để khống chế dịch bệnh, giải pháp đồng bộ bao gồm các khâu tuyên truyền đến kiểm soát tận cơ sở chăn nuôi, giết mổ và phương tiện trung chuyển gia súc và thức ăn.

Trước hết, giáo dục tuyên truyền cho cộng đồng về sự nguy hiểm của bệnh dịch tả lợn châu Phi để cộng đồng có trách nhiệm trong việc kiểm soát sự lây lan của bệnh.

Thứ hai, quản lý chặt lưu thông lợn sống, thức ăn, thịt và sản phẩm thịt lợn, lò mổ và nơi chế biến thịt vì đây có thể là mắt xích quan trọng truyền lây dịch. Thực tế cho thấy, thịt lợn bệnh có thể được chuyển vận từ nơi có bệnh đến nơi tiêu thụ thông qua các xe chở khách nên rất khó kiểm soát.

Thứ ba, lợn chết hay mang bệnh phải xử lý ngay và tuân thủ quy trình thú y để giảm lây lan, giảm mầm bệnh về sau.

Thứ tư, tiêu độc và khử trùng trước, trong và sau khi các phương tiện vận chuyển thức ăn, lợn sống và thịt lợn ở nơi có dịch và chưa xảy ra dịch.

Thứ năm, tổ chức cộng đồng tham gia quản lý, giám sát an toàn dịch bệnh. Ngoài các ngành chuyên môn như thú y các cấp, quản lý thị trường.., các tổ nhóm tự quản cần được thành lập. Kinh nghiệm ở Bình Định cho thấy, tổ nhóm tự quản có các thành viên là chủ các trang trại chăn nuôi tham gia đã mang lại hiệu quả.

L.Đ.N

CÔNG TY TNHH KHẢI HOÀN

Trụ sở: 95 Lê Duẩn - Thị xã Quảng Trị - Tỉnh Quảng Trị
Nhà máy sản xuất: CNN Cầu Lòn - Bàu De - Thị xã Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3862796 - 3861267
Fax: 0233.3664288 - 3727288
Email: congtytnhhkhaihoan95@gmail.com

CÔNG TY TNHH KHẢI HOÀN CUNG CẤP - SẢN XUẤT THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÁC NGÀNH CÔNG, NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG:

- ✓ Chuyên sản xuất các sản phẩm bằng kim loại: Hộp số giảm tốc, buly chuyền tải, cổ hút, cổ xả, tấm chắn rác, nắp hố ga, con lăn băng tải... và các sản phẩm kiến trúc xây dựng: Hoa văn trang trí, tấm chắn rác,...
- ✓ Cung cấp các loại động cơ, phụ tùng, phụ kiện máy nông, lâm, ngư nghiệp: Máy nổ, máy cày, máy tuốt lúa, máy gặt xếp dãy, máy gặt đập liên hợp mini, máy cấy, các loại bơm nước,...

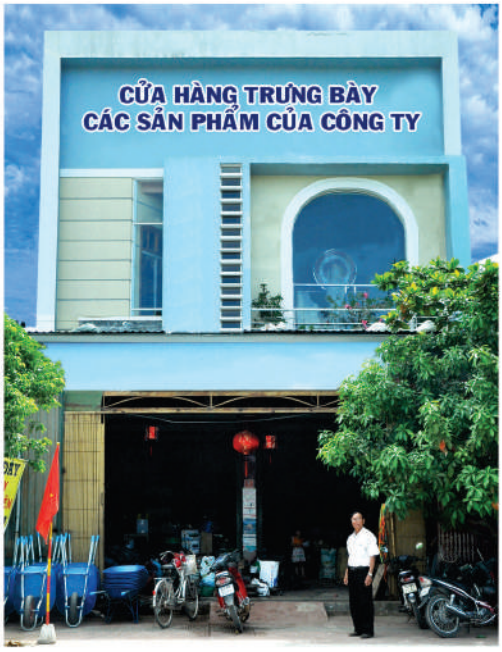

Luôn là người bạn đồng hành cùng
NÔNG DÂN - NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

Một số hình ảnh sản phẩm và hình ảnh hoạt động của Công ty

Máy trộn | Máy tuốt lúa | Động cơ Diesel | Máy cày | Máy gặt | Ống Hút cát | Ống gân trắng | Ống vải | Ống PVC | Ống HDPE

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ

QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác khách hàng!

CÔNG TY TNHH NEW KEYS VIỆT NAM

270 Quốc lộ 9, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233.3536666 - 0233.6296666; Fax: 0233.3536666

KÍNH MỜI CỘNG TÁC ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - SỐ 4/2019

Đặc san KH&CN Quảng Trị số 4/2019 dự kiến xuất bản vào tháng 10/2019 với các nội dung: Thông tin, tuyên truyền các hoạt động, thành tựu KH&CN trong tỉnh, trong nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội; Tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm; Giới thiệu các hoạt động, thành tựu KH&CN của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;...

Trân trọng kính mời các cộng tác viên tham gia gửi bài viết, hình ảnh và các thông tin liên quan đến nội dung trên.

Liên hệ gửi về địa chỉ:

Đặc san Khoa học và Công nghệ

Đường Điện Biên Phủ, Đông Hà, Quảng Trị

ĐT: 0233 3857 030 Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

BBT ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH
TIẾT KIỆM DỰ THƯỞNG

AGRIBANK

"SINH LỢI AN TOÀN HÀNG NGÀN GIẢI THƯỞNG"

Thời gian khuyến mại từ ngày 31/5/2019 đến hết ngày 28/8/2019

Tổng giá trị giải thưởng lên tới **12,2 tỷ đồng**

Tổng số lượng giải thưởng lên tới **40.811 giải thưởng**

GIẢI ĐẶC BIỆT TRỊ GIÁ **01 TỶ ĐỒNG**

10 GIẢI NHẤT
Mỗi giải 01 sổ tiết kiệm trị giá 100.000.000 VND có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ

6.800 GIẢI KHUYẾN KHÍCH
Mỗi giải 500.000 VND tiền mặt hoặc chuyển vào TKTG bằng đồng Việt Nam

34.000 GIẢI MAY MẮN
Mỗi giải 200.000 VND tiền mặt hoặc chuyển vào TKTG bằng đồng Việt Nam

LH AGRIBANK QUẢNG TRỊ: 0233.3852.552 | 1900 5588 18 | www.agribank.com.vn | 2300 điểm giao dịch

AGRIBANK

INTERNET BANKING

- CHUYỂN KHOẢN TRONG VÀ NGOÀI HỆ THỐNG AGRIBANK.
- NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ
- CHỦ ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI KHOẢN: TRA CỨU THÔNG TIN TÀI KHOẢN, TRA CỨU LỊCH SỬ GIAO DỊCH.
- MỞ/TẤT TOÁN TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TRỰC TUYẾN.
- THANH TOÁN HÓA ĐƠN: TIỀN ĐIỆN, NƯỚC,NẠP TIỀN VÀO VÍ ĐIỆN TỬ, ĐIỆN

LH AGRIBANK QUẢNG TRỊ: 0233.3852.552 | 1900 5588 18 | www.agribank.com.vn | 2300 điểm giao dịch

SEPON BOUTIQUE
resort

Nơi bình minh bắt đầu

Dịch vụ
ĂN UỐNG

Dịch vụ
LƯU TRÚ

Dịch vụ
TEAM
BUILDING

SEPON BOUTIQUE RESORT

Điểm dừng chân lý tưởng - Sự lựa chọn tuyệt vời

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

- Tham quan các địa danh nổi tiếng trong tỉnh.
- Tham quan cơ sở sản xuất chế biến hải sản truyền thống.
- Mua sắm hàng đặc sản Quảng Trị
- Câu cá trên biển và đầm hồ.

Biển Cửa Việt, Gio Linh, Quảng Trị

Hot line 0901 966 779
0888 628 777